

HOÀNG PHỦ HOA HUỆ



SỬ KÝ NGƯỜI AN-NAM CŨ
Ở NƯỚC XIÊM

SỬ KÝ NGƯỜI AN-NAM CŨ Ở NƯỚC XIÊM

Sử ký người An-nam cũ ở nước Xiêm ▪ Hoàng
Phủ Hoa Huệ ▪ Nhà in Qui Nhơn xuất bản
▪ Midway Press làm thành ấn bản điện tử ▪ Ảnh
bìa: Nhà thờ Chantaburi một ngày mưa, nguồn
Wkikimedia

HOÀNG PHỦ HOA HUỆ

SỬ KÝ NGƯỜI AN-NAM CŨ
Ở NƯỚC XIÊM



Midway Press 2023

TRONG SÁCH NÀY



Một trăm năm đất khách, quê người	
TỰA	11
I	
Em là con gái Sám-Sén;	
nhưng em gốc thiết là người Việt Nam!	13
II	
Xưa kia nước Việt ở đâu?	
Rày sao dân Việt trôi sang quê người?	19
III	
Đạo Chúa truyền tới nước Nam là	
năm một ngàn sáu trăm mười bốn	25
IV	
Tây Sơn đuổi Tàu, Nguyễn Chúa rước Tây;	
Xiêm Việt giải hòa, Mên Lào qui phục	29
V	
Rửa hờn nhà, làm oai bắt đạo;	
Thật lòng kính Chúa, con phải theo cha	33
VI	
Buôn cương lên đường thượng lộ;	
Vái cùng Thiên Chúa phò hộ nước Nam	45
VII	
Từ đây đất khách, quê người;	
Trăm năm nào biết quê mình là đâu!	49

VIII

Vì ơn Chúa tế nhiệm mầu;
 Khiến nên thấy cả đến gần ông sư 59

IX

Đuổi Phà-mà, Đức Tác lập kinh đô;
 Đắc thế lực anh em Chắt-kri phục quốc 67

X

Linh đình đất khách, quê người;
 Làm công cũng giỏi, làm thần cũng xong! 79

XI

Lập công ty, nhóm Thiên địa hội,
 Ra oai lính An-nam dẹp giặc Tàu 87

XII

Hộ giá Hòa Thượng lên ngôi;
 An-nam bắn đua với tàu binh Pháp 93

XIII

Sớ tàu xin dựng đất chùa,
 Nổ thần lực An-nam xây đền thánh 105

XIV

Giáo-Kim bán muối khai giang san!
 An-nam nấu rượu lập nên sự nghiệp! 111

XV

Muốn giao hảo Xiêm đi sứ,
 Gặp dịp may ông Thời viếng quê nhà 117

XVI

Cây mía ngã nước vẫn ngọt!
 Xứ người dầu lạc, danh mình càng cao! 125

XVII

Trai Chantaboun, gái Sám-sén, người Việt-Nam;
 Xin chớ quên câu “Vật vong tổ quốc!” 145

Kính tặng quyển sách nhỏ này
Cho ông Quang Lộc Tự Khanh Huỳnh-Phúc-
Lợi Michel
Gọi là chút quà mọn đầu tay của
con cháu nội gái
Đang du học ở nước ngoài.
Calcutta, ngày 1er Avril 1930.
MA-RI-A HOA-HUỆ
NỮ VIỆT SINH.

MỘT TRĂM NĂM ĐẤT KHÁCH, QUÊ NGƯỜI TỰA

Một trăm năm trời đối với Càn khôn thế giới thời như hột cát rơi trên rừng Sahara; giống giọt nước rớt giữa biển Pacific; nhưng đem ba vạn sáu ngàn ngày mà sánh với nhơn vật, thì nó lại là một khúc đàn dài thăm thẳm; là một ngọn núi cao chất chống những đoạn sử ký ly kỳ, có đủ cả vui buồn, giận lo, thương ghét...! Gẫm thế sự một trăm năm không phải là ít, thế mà một cảnh dân Việt kia đã vì sự áp chế tinh thần, vì việc bó buộc tín ngưỡng; mà phải bỏ xứ lìa quê đem thân qua ngụ nhờ nước Xiêm kể có hơn chín mươi năm rồi, mà Vua ta, Dân ta ở tại đất nước quê nhà, vẫn im lìm như tuồng không hay, không biết đến mấy muôn người đồng chủng của ta ở nước Xiêm đang khao khát ước trông cho đăng đảo hồi bốn thổ, dường như dân Gi-

udêu xưa ở nước Ê-gyp-tô hàng tường nhớ đến đất Ca-na-an vậy.

Đồng bang của ta đang lưu lạc xứ người còn nhớ đất nước ông bà Nam Việt, mà ta đây lại không suy tưởng đến họ chút nào sao? Chắc rằng người đồng bang Nam Việt ta, ai ai cũng muốn biết sự tích và công cuộc của dòng giống ta ở nước ngoài là người An-nam cũ ra làm sao, nên em mới làm bạo chép liều ra đây một trang sử ký của người An-nam cũ ở Sám sên tại kinh thành Bangkok để hiến quý vị đồng bang ta xem chơi cho biết; rồi sau em sẽ lần lần chép luôn cả sự tích các người An-nam ta đang lưu lạc ở những nơi khác nữa. Vậy rùi có đều chi sơ suất, thời xin quý vị độc giả chỉ bảo cho em và xin miễn chấp.

Ma-ri-a Hoa Huệ

I

EM LÀ CON GÁI SÁM-SÈN, NHƯNG EM GỐC THIỆT LÀ NGƯỜI VIỆT NAM!

Tết năm Canh ngọ vừa rồi, em được dịp đi với chú em là ông Gia-cô-bê qua chơi các xứ Xiêm – Lào và có đi thẳng qua Tây Phương viếng cảnh chùa Brahma bên xứ ông Rabindranath Tagore nước Ấn-độ.

Lúc em còn du lịch bên xứ Xiêm (Siam), thì em đã được hân hạnh tiếp kiến nhiều người An-nam cũ danh giá và đã được đi xem nhiều nơi, nhiều chỗ của người An-nam cũ ngụ. Có một lần em nghe nói ở làng Sám-Sên thuộc về Amphơ Đu-sít ở tả ngạn sông Châu Phya (Ménam), phía tây bắc kinh thành Bangkok; là nơi người An-nam cũ đã lập thành một xóm An-nam phong phú có đủ nhà thờ, nhà dòng, nhà phước và trường học nam và nữ dạy đủ cả tiếng Xiêm, tiếng Hồng Mao, tiếng Lang-sa và tiếng An-nam, thì em tìm lên chơi thử xem chon giả thể nào.

Vậy khi em lên đến làng Sám-Sèn, coi nhà thờ Công giáo, đoạn đi dạo quanh quần cùng lối xóm An-nam và xóm Cao Mên, rồi mới đi thẳng ra bờ sông Châu Phy-a (Ménam) trước mặt nhà thờ để ngắm cảnh xem sông; thì gặp hai người thiếu nữ Xiêm đem đồ xuống bến giặt. Ban đầu em thấy hai cô thiếu nữ ấy bạn y phục Xiêm, thì em tưởng họ là người Xiêm không hiểu tiếng nói Việt Nam của em và em cũng không sao nghe được lời nói líu lo của họ; nên thấy nhau thôi chỉ biết lấy mắt đưa tình nhìn nhau thôi, chớ nỗ biết nói gì!

Sau em đứng coi họ giặt áo quần cách ý tứ chăm chỉ và chuyện vãn với nhau dịu dàng vui vẻ lắm, thì em mới men lần tới gần họ. Không hiểu họ nói chuyện gì mà thấy mặt cô thiếu nữ lớn, chạc độ mười lăm, mười sáu tuổi; điệu cười tươi như hoa nở, mắt liếc lạnh lùng và hữu tình lắm, làm cho em thấy phải than thầm rằng: “Bạn gái với nhau, mà mình thiệt hững hờ quá! Phải chi đừng có việc con cháu ông Noe xây tháp Babel xưa, thời đâu có sự lạt lẽo như vậy! Phải chi hai cô này là An-nam, hay là mình là người Xiêm thì chị em ta chuyện vãn với nhau vui thú biết dường nào...!”

Cô thiếu nữ ấy nghe em than vậy, thì mỉm cười và đáp bông lông lại rằng: “Chị em ta chẳng phải là người ở nước An-nam, chớ ai nói tiếng

An-nam, thì ta cũng nghe đặng; nhưng đã biết ai tri âm đó, hầu có mặt mà với ai?”

Nghe câu nói hữu tình, mừng quá, em liền buơn tới khít cô thiếu nữ ấy mà nói rằng: “Chào chị, nầy giờ thấy chị vui vẻ, em muốn hỏi thăm, ngặt vì tiếng tằm không hiểu, nên em phải ôm tiếng ơ hờ, xin chị miễn chấp và nói cho em biết: vậy chị có phải là người quí phái Xiêm La hay là gốc cây Nam Việt đó? Sao chị lại hiểu đặng tiếng nói mẹ đẻ của em vậy hử chị?”

Cô thiếu nữ ấy nghe tôi hỏi liền dẹp đồ, đứng dậy đáp lễ, chúm chím cười và nói cách nhún nhàng rằng: “Kính chào cô quí khách đang xa và xin cô xá lỗi, nầy giờ em thấy cô đi giày cao gót, bận đồ Âu phục, em đã ngộ nhận cô là người quí phái Lang-sa hay là Anh-Mỹ; em mới cam thất lễ, phải chi em biết được cô là nữ nhi nước Việt, thời em đã chấp tay thủ lễ và kính trọng cô như bậc chị hai của em rồi. Em đây là con gái Sám-sén, nhưng em gốc thiệt là người Việt Nam. Nếu cô không chê nhà em thấp hèn, thời em lấy làm hân hạnh rước cô luôn bước đến nhà em dùng tạm một chén trà đồng tâm, gọi là chút tình đồng chủng, thân ái! Má em ở nhà với mấy em em cũng sẽ vui lòng mà tiếp rước cô.”

Nói đoạn cô thiếu nữ ấy liền biểu cô em chịu khó ở lại đó giặt một mình, để cô ta đưa em về nhà cô chơi cho biết. Cô em liền nhận lời một cách vui vẻ mà rằng: “Vâng, chị cứ để mặc em,

xin chị cứ mời cô quý khách về nhà nói chuyện chơi với má, một lát em sẽ về tiếp với chị.” Cô chị liền ngó em và nói tiếp rằng: “Đây là em thứ ba của em, tên nó Da-ra Ma-ri-a; Da-ra tiếng Xiêm là ngôi sao, Ma-ri-a là tên thánh bốn mạng; còn em đây là Kù-lạp Tê-rê-xa; Kù-lạp tiếng Xiêm là hoa hường, Tê-rê-xa là thánh bốn mạng của em.” Em nghe họ đã xưng tên cho em biết thì em cũng lật đặt đáp rằng: “Cám ơn hai chị, em đây là Hồng Hải Đường, thánh hiệu là Gioan-Đa (Jeanne d'Arc); hai chị đã có lòng tưởng đến em, thì em xin theo chị Kù-lạp Tê-rê-xa về trước ra mắt linh mẫu và mấy chị ở nhà rồi chị Da-ra Ma-ri-a về tới sau sẽ nói chuyện chơi cho vui.”

Cô Kù-lạp Tê-rê-xa đưa em đi quanh một lát thì tới nhà cô ấy ở bên rạch gần nhà một ông thầy thuốc Xiêm, gốc người An-nam Chant-aboun. Em vô nhà xem thấy cách bài trí nửa Xiêm, nửa Chêc và có chung bàn thờ Đức Thánh Trái Tim ở giữa nhà, thì em nhận được ngay đó là dấu tích người An-nam cũ. Cô Kù-lạp Tê-rê-xa vô nhà giới thiệu em cho má của cô và mấy người em cô biết, thời má cô ấy ra tiếp em một cách rất ân cần vui vẻ. Má cô Kù-lạp Tê-rê-xa diện mạo hiền hậu, người là một bà Việt Nam gốc tỉnh Long Xuyên (Nam kỳ) về hạt Cù-lao-giêng, dòng dõi sang trọng và đạo đức có tiếng khắp miền ấy.

Vô nhà ngồi chơi uống nước đoạn, má cô Kù-

lạp Tê-rê-xa mới biểu em rằng: “Không mấy thuở có người tử tế ở bên An-nam qua chơi, đàn ông đã hiếm hoi ít có, mà đàn bà con gái danh giá như cô em, thì thiệt là không thấy tới, vậy tôi mời cô em ở lại đây chơi với mấy mẹ con tôi ít bữa cho vui.” Cô Kù-lạp Tê-rê-xa lại nói tiếp nữa rằng: “Không mấy thuở gặp người tử tế như chị, vậy xin chị hãy ở đây chơi với mấy em và nói chuyện nước An-nam cho má em nghe với, đã lâu ngày má em muốn biết rõ tin tức của quê nhà, ông bà, xứ sở, mà chẳng có ai bàn giải cho hết. Phần em đây, thì em lại ao ước sao được gặp người trí thức như chị đặng em hỏi cho biết chút lịch sử nước nhà, kéo để gặp chị em bạn Xiêm của em họ cứ hỏi cạnh hỏi khoé em rằng: sao người An-nam không có sử ký...!” Em thấy cô Kù-lạp Tê-rê-xa và má cô ấy thiệt tình quá, cảm lòng không đậu, nên em phải nhận lời ở đó chơi cho tới chiều. Nói chuyện một lát thì cô Da-ra Ma-ri-a đi giặt về, cô lật đật đem đồ đi phơi xong rồi, xuống bếp dọn cơm trưa đem lên mời má cô, mời em và mấy chị em cô dùng bữa đặng có nói chuyện cho lâu dài và cho vui hơn nữa.

Vì em muốn biết qua lịch sử của người An-nam cũ ở xứ Xiêm, nên em phải chiều theo ý họ đặng có nhờ họ nói cho em biết sự tích ông bà của họ đã lưu lạc qua Xiêm gần một trăm năm nay.

Trong buổi ăn thì cô Da-ra Ma-ri-a cố nài ní em nói cho cô ấy biết đôi chút về nước An-nam

và đã nói với em những lời như vậy: “Chị Gioan Đa ơi, các em của chị đây sinh tại nước Xiêm và không được ăn học như con gái Nam Việt ở nước nhà, nên chị em em, nói không đáng, chớ thiệt thì không ai còn biết nòi giống tổ tiên, xứ sở, nước nhà là cái chi chi nữa hết; nghĩ thiệt đau, thiệt tủi, và thiệt mắc cỡ với con gái nước Xiêm, nước Chêc lăm. Vậy xin chị hãy mở lòng rộng rãi mà nói qua qua cho các em biết vậy chớ nước An-nam và dân An-nam là nước nào và là giống nào, sao em học địa dư với sử ký vạn quốc, mà em không hề thấy nói tới tên nước Việt và người Việt vậy chị? Em nghe hỏi như vậy thì như ai khơi, ai ghẹo trong cái não đã cảm đa sầu của em, khiến nước mắt em ở đâu liền tuông ra cuộn cuộn và ngực em phát uất tức lên dường như trái tim của em nó muốn bức tháo các xương ngực mà nhảy ra ngoài vậy!

Mà cô Kù-lạp Tê-rê-xa và mấy chị em cô Da-ra Ma-ri-a thấy em nghe hỏi đến sử ký nước nhà mà sanh lòng uất tức như vậy, thì lấy làm ngạc nhiên quá sức và không hiểu làm sao mà nước mắt của họ cũng đua nhau chảy ra tràn trề trên những cái mặt ngọc, mặt hoa rất tươi tốt dịu dàng của họ vậy! Em rón gạt nước mắt rồi và lia lia mấy và cơm nuốt trộng đặng đề hơi tức xuống, rồi mới nói qua loa về sử ký nước nhà cho họ nghe như vậy:

II

XƯA KIA NƯỚC VIỆT Ở ĐÂU? RÀY SAO DÂN VIỆT TRÔI SANG QUÊ NGƯỜI?

“**C**ứ theo sử ký vạn quốc và địa dư học mà khảo xét ra thời dân An-nam xưa là nòi giống của một tộc dân săn bắn gốc ở trung tâm châu A-tế-á tràn lần qua các đồi núi Hy-ma-la-gia, băng qua miền Tây Tạng, mà chiếm lấy các lòng đất bằng ở phía tây nam nước Trung Huê bây giờ. Độ chừng năm ngàn năm trước đây, thì tộc dân săn bắn và phiêu lưu ấy đã lập thành làng, thành xóm ở những nơi bờ sông, đất tốt và đã khởi sự trồng trọt các thứ lúa, bắp, kê, đậu, và nuôi súc vật mà sanh nhai. Trong những tộc dân săn bắn mọi rợ đó, thì có một dòng lớn mạnh mẽ và bạo dạn hơn hết là quân Việt, tiếng Chêc kêu là Yuăng, nên người Xiêm cũng cứ tiếng Yuông hay là Duăng mà kêu người An-nam bây giờ. Quân Việt hay là Duăng đó mới lập thành mường Duăng và chiếm bề làm anh chị cả

các giống người khác cùng ở phương tây lại đó và lẫn hơi luôn cả người bốn thổ ở miền ấy nữa. Nếu xét kỹ các nơi di tích của quân Việt xưa thì nước Việt bây giờ ở tại tỉnh Chiết Giang, Quảng Tây và Quảng Đông nước Trung Huê. Hiện thời tỉnh Quảng Tây và Quảng Đông còn giữ tên là Việt Tây và Việt Đông; khuôn mặt người Quảng Đông lại giống in người An-nam và bản tính khôn ngoan tinh xảo cũng giống nhau nữa. Cuối đời vua Thần Nông trị vì nước Trung Huê thì có một người cháu vua Đế Minh là chất vua Thần Nông, lấy hiệu là Hùng vương làm vua chung cả nước Việt và truyền ngôi cho con cháu luôn mười tám đời, trị vì hơn hai ngàn năm trăm năm trước Chúa giáng sinh. Đến gần cuối đời Hùng vương thì nhà Châu cướp đăng nghiệp bá, làm Hoàng đế cai trị cả mười tám nước chư hầu. Bấy giờ các dân tộc nước Việt mới phân rẽ nhau ra, kẻ thì ở lại bốn thổ, kẻ thì bỏ xứ kéo nhau đi xuống phía nam. Quân Việt kéo về phía nam chiếm lấy các miền nam tỉnh Quảng Tây và các nơi thung lũng xứ Bắc kỳ mà lập thành một nước riêng gọi là nước Văn Lang, Âu Lạc hay là Việt Nam; mà dân chánh nòi là dòng Giao chỉ. Còn các dòng khác gốc cũng bởi nước Việt xưa, như là dân Mán, dân Thổ, dân Lào, dân Xiêm vân vân; thì họ lại tràn qua phía tây nam doi đất Đông Dương mà lập thành các nước Xiêm, Lào, Lự, Mán.

Các dân tộc ở cõi Đông Dương kể từ doi đất

Ma-lạc-kha vòng lên địa giới nước Diến Điện, (Xiêm kêu là Phã-mà, tây kêu là Birmanie) cả nước Xiêm (Siam) rồi bao cả tỉnh Vân Nam (Yunnan) tỉnh Quảng Tây (Quangsi) tỉnh Quảng Đông (Canton) tỉnh Chiết Giang (Tchékiang) và Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ với Cao Mên (Cambodge), gốc bởi nước Việt mà ra, nên thấy đều có bà con không gần thì xa, không xa thì gần; chớ chẳng phải ai xa lạ, khác giống, khác nòi đặt biệt như người Âu-Mỹ đối với dân mọi châu Phi, châu Á đâu, mà chúng ta hòng khát mắt để đuổi nhau, như kẻ nghịch thù. Chúng ta đã là con cháu A-dong, lại là một giống của dòng A-bê-lê, đã bị áp chế từ thuở ban sơ, thì chúng ta hãy biết âu yếm, bao bọc và giúp đỡ, chớ che cho nhau, thời mới có thể mà bảo tồn nòi giống nước nhà đặng. Nếu ta mà cứ thói xéo xắt nhỏ mọn, khôn nhà đại chợ mãi, không biết chuộng cái nghĩa hiệp quần, cái tình thân ái; thì nước ta, dân ta ắt phải đời đời không bao giờ tự cường tự lập đặng.

Mấy chị hãy nghĩ coi cái chí khí dân Việt Nam của ta có giỏi, có tài không? Nghĩ thiệt thì nòi giống của ta không phải là hèn vậy! Kể từ lúc tổ tiên ta lập nên nước Việt tới cuối đời Hùng Vương được ba ngàn năm và từ Hùng Vương tới nay thì được hơn hai ngàn năm nữa, thế là nước ta đã thành lập đặng năm ngàn năm rồi. Địa giới nước Việt ta mà kể cả từ trước tới sau, thời nó rộng lớn biết chừng nào! Chị Da-ra Ma-ri-a hãy

lấy tấm địa đồ châu Á-tế-á ra đây rồi lấy viết chì xanh mà quẹt vòng những tỉnh thành xưa của người Việt ở bên Trung quốc và xứ Đông Dương bây giờ coi thử nó có lớn bằng mấy nước Anh nước Pháp không? Nếu dân Việt mà biết cư xử với nhau khôn khéo như người Hiệp-chúng-quốc ở phương A-mỹ-lợi-gia, thì nước Việt ta được sức lực, đông đảo và mạnh mẽ có thua gì ai đâu?

Nhưng khốn nỗi! Chỉ vì cái chủ nghĩa “miếng thịt làng bằng sàng thít chợ” mà dân ta quá chuộng cái hư danh vô vị, nên đã sanh ra cái thói cạnh tranh dã man, khiến anh em một nhà bởi mặt đánh nhau, người trong một xóm vác hèo đập nhau, rồi đến dân trong một tỉnh, một nước đánh nỡ căn rút xâu xé lẫn nhau đảng tranh cái ghế ngồi trên, cái ngồi ăn trước, đến nỗi dân phải tan, nước phải mất; làm cho cái nước Việt Nam hùng dũng kia phải nội thuộc nước Trung Huê từ đời nhà Hán năm Canh Ngọ là năm một trăm mười một sau Chúa giáng sinh cho tới đời nhà tiền Lý đánh đuổi được quân Chêc và phục được nước là năm 549; nhưng đến năm 602 thời vua chót nhà Lý là Lý hậu Đế-Phật-tử không đủ trí lực tự chủ, nên đã qui phục nhà Tùy nước Trung Huê làm cho dân Việt lại mất nước cho tới năm 939, là buổi nhà Đường mất ngôi Thiên Tử — Thừa thế dân Việt lại phục quốc tự trị từ đời Ngô-vương Quyền, 939, tới cuối đời nhà

Trần là năm 1433. Từ Ngô tới Trần, thì có nhà Đinh lên làm vua từ năm 965 tới 979, nhà tiền Lê lên ngôi từ năm 980 tới 1010; và nhà hậu Lý lên cầm quyền cho tới năm 1225. Trong đời nhà hậu Lý trị vì thì dân Việt đã chiến thắng được nước Chiêm Thành và mở rộng nước ra nhiều lắm. Đời nhà Trần thì có danh tiếng đánh đuổi được quân giặc Mông-cổ ra khỏi nước và đã phục được quân Chiêm Thành.

Nước Việt bị quân Chêc bắt từ năm 1413 tới năm 1418 thì có ông Lê Lợi khởi nghĩa đánh đuổi quân Trung quốc lấy lại nước và lên làm vua cùng truyền nối cho tới năm 1793 là đời nội loạn các nhà Trịnh, Mạc, Nguyễn thay nhau mà soán ngôi, trị vì cho tới nhà Nguyễn-Phước đắc công toàn thắng cả các đảng phái nghịch khác. Trong đời nhà Lê thì nước Việt ta đã lập thành một nước văn vật giàu có và mạnh mẽ theo cách văn minh phương Đông có thể so sánh với các nước Trung Huê, Ấn-độ và đã có đôi phen vùng vẫy một cõi trời nam, khiến nhiều nước chư hầu lân cận đã phải trọng phục kính vì. Các nước châu Âu đã lom lem qua buôn bán làm quen và giảng dạy đạo lành Giêsu Thiên Chúa.”

III

ĐẠO CHÚA TRUYỀN TỚI NƯỚC NAM LÀ NĂM MỘT NGÀN SÁU TRĂM MƯỜI BỐN

Nói đến đây thì cô Kù-lạp Tê-rê-xa hỏi hót ngang rằng: “Xin lỗi chị, mình là con nhà giáo hữu, vậy em ước ao sao đừng chị nói qua gốc tích sự truyền đạo Thiên Chúa vào nước ta cho chúng em nghe chút, thời công quả của chị em xin tạo dạ ghi xương đó chị!” Thấy chị em họ tọc mạch thời em lại phải nói tắt qua việc giảng đạo Thiên Chúa vào nước An-nam như lời ông E. Quynh đã dạy em học lúc xưa rằng: “Về lối giữa đời nhà hậu Lê trị vì nước An-nam, nhằm năm 1614 là lúc bên nước Nhật Bản có lệnh hoàng đế truyền đuổi các người Tây giảng đạo ra khỏi nước, thì có ít thầy cả dòng Giêsu người Bút-tu-gê (Portugais) và người Ý-đại-lợi (Italia) ghé vào thăm chơi Đà Nẵng cửa Hàn, Tây kêu là Tourane. Đến năm 1624 thì có Cha Alexandre de Rhodes ghé vào nước An-nam và khởi sự giảng

đạo, lúc thì ở Bắc-kỳ khi thì vô Trung-kỳ. Cha Alexandre de Rhodes thật đã đáng gọi là Tông đồ nước An-nam, như thánh cả Phan-xi-cô Xa-vi-ê là Tông đồ nước Nhật Bản vậy. Cha Alexandre de Rhodes chẳng những là Tông đồ nước An-nam, mà người lại là Tổ sư chữ quốc ngữ Việt Nam nữa. Nhờ Người mà dân An-nam khỏi phải mượn chữ Chêc, chữ Tây làm quốc tự; nhờ người mà dân có đạo được những sách vở đạo lý và kinh nguyện viết bằng chữ quốc ngữ dễ học dễ hiểu. Chị em ta nên cảm ơn người và cũng nên quyên giúp vào việc dựng hình kỷ niệm người ở Hà Nội bây giờ. Cha Alexandre de Rhodes là người Bút-tu-gê rất nhơn từ đạo đức, có lẽ một ngày kia Hội-thánh sẽ phong chức Á-thánh cho người.” Cô Da-ra Ma-ri-a nghe em nói thêm câu ấy, liền bực miệng nói rằng: “Em ước gì Cha Alexandre de Rhodes được phong Á thánh, mà cho đặt phong chức thánh thì phải có phép lạ, vậy ước chi Cha Alexandre de Rhodes làm phép lạ cho xóm con nhà giáo hữu An-nam Sám-sén được nên rõ ràng đông đảo phong phú, một ngày một hơn và ước sao Cha Alexandre de Rhodes xui lòng một nhà đạo đức ở bên An-nam tình cờ qua chơi nước Xiêm mà giúp cho họ Sám-sén được xây lại một ngôi nhà thờ mới đẹp để như nhà thờ Đức Bà ở xóm Chêc vậy, thì phép lạ của Cha Alexandre de Rhodes không phải là nhỏ đâu, mấy chị nghĩ sao?”

Cô Kù-lạp Tê-rê-xa và em đều khen hay và cũng nguyện như vậy. Rồi em lại nói tiếp rằng: “Năm 1659 Cha De la Motte Lambert lên chức Giám-mục coi địa phận Trung-kỳ và Đức Cha Pallu thì coi địa phận Bắc-kỳ, đó là hai đẳng Giám-mục đầu tay của dòng sai là một hội lập ra để đi giảng đạo ở các nước ngoại giáo phương Đông. Trước thì các Cha thuộc về dòng Giêsu, dòng Thánh Phanxicô và Dòng-sai đều hiệp với nhau mà chung lo việc giảng đạo, nay đã lập ra riêng mỗi dòng coi riêng một địa phận khác nhau. Hiện thời các đẳng thầy cả ở cõi Đông Dương đều thuộc về dòng sai.

Ở Bắc-kỳ còn ba địa phận thuộc về dòng ông thánh Đô-mi-ni-cô người I-pha-nho cai quản. Năm 1625 Cha Tissanier dòng Giêsu tới xứ Bắc-kỳ, thì thấy ở đó đã có gần ba chục muôn người giữ đạo rồi. Các bậc trong nước, từ triều đình các quan lớn cho tới lính tráng, dân hèn, đều có người giữ đạo Thiên Chúa sốt sắng. Trong Trung-kỳ người ta còn thưa thớt, nên bốn đạo cũng chưa có là bao nhiêu, nhưng lúc ấy đếm thời cũng được bảy tám muôn giáo hữu. Năm 1741 Cha Siébert thuộc dòng Giêsu làm thầy dạy toán học cho vua, nói rằng: xứ ấy lúc đó được sáu muôn bốn đạo cũ.

Song thương thay! Hội-thánh An-nam chẳng mấy khi được bằng yên cho bền; nhiều phen phải cấm triệt, Bắc-kỳ cũng dữ, Trung-kỳ cũng

hung: các thầy giảng đạo phải đuổi, nhà thờ phải triệt hạ, đốt phá; bốn đạo phải gông cùm khổ sở. Trong những cơn cấm cách bắt buộc ấy, nhiều người đạo mới, đức tin chưa vững, nên đã bỏ Chúa chối đạo; mà cũng chẳng hiếm chi kẻ bền lòng chịu khó và vui mừng chịu chết vì đạo. Có ai ngờ đâu ngày nay em lại được cái hân hạnh ngồi nói chuyện với con cháu những đấng anh hùng tử vì đạo như vậy!

Cô Da-ra Ma-ri-a nghe em nói thì chum chim cười và mắt cô liếc xem có vẻ tự đắc lắm. Má cô Kù-lạp Tê-rê-xa liền chấp tay ngó lên bàn thờ mà nguyện rằng: “Lạy thánh Tử vì đạo Phê-rô Phaolô Quý xin thánh cả thương xót dân Việt Nam và phù hộ cho đoàn con cháu này, nhứt là phù hộ cho cô Nữ Việt Gioan-Đa là người nữ thứ nhứt đã đến an ủi chúng con. Amen.” Em nghe câu nguyện đó mới hay chủ nhà là dòng dõi của Thánh tử vì đạo Phê-rô Phaolô Đoàn Công Quý, thì lấy làm vui mừng quá vì lúc em còn ở nước nhà, em có gặp cháu của Thánh tử vì đạo Đoàn Công Quý là cha Phaolô Đoàn Công Đạt đang coi nhà in ở...!

IV

TÂY SƠN ĐUỔI TÀU, NGUYỄN CHÚA RƯỚC TÂY, XIÊM VIỆT GIẢI HÒA, MÊN LÀO QUI PHỤC

Cuối đời nhà hậu Lê, thì con cháu nhà Trịnh, nhà Nguyễn chia hai thiên hạ; kẻ làm vua xứ Bắc, người làm chúa miền Nam. Rút cục lại thời nhà hậu Lê mất ngôi vua, nhà Trịnh mất quyền chúa và nhà Nguyễn cũng bị luôn quân Tây Sơn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đánh đuổi phải trốn tránh qua Lào, sang Xiêm.

Trong lúc anh em ông Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cai trị từ năm 1778 tới 1802 thì quân Tây Sơn đã chiến thắng cả quân Trung Huệ và quân Cao Mên. Nếu anh em ông Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ biết khôn khéo, không có cần rút nhau, đừng bắt đạo Thiên Chúa và sống lâu lâu một chút thì tưởng nước Việt Nam ta đã theo kịp chun người Nhựt Bản và người Xiêm ngay từ đầu thế kỷ thứ mười chín rồi. Song rủi thay cho

họ đã xử sự vụng về, lại tàn bạo ngỗ nghịch và tự sát lấy mình nữa, nên phải mất ngôi và chết yếu.

Đời Nguyễn-Phước thì vua Gia Long vì quân Tây Sơn đánh đuổi mà phải lánh qua nhờ cậy nước Xiêm giúp sức cho khôi phục được các tỉnh Nam-kỳ năm 1782; đến năm 1783 lại bị bại trận nữa, nên phải tìm đến Đức thầy Phê-rô Giám mục Đàng trong xin đưa con mình là ông Hoàng tử Cảnh qua Lang-sa đăng viện binh cầu tướng về chống với quân Tây Sơn. Phía ngoài Bắc-kỳ thì vua nhà hậu Lê là Lê Mẫn Đế sai sứ qua cầu cứu bên Trung quốc. Vua Tàu cũng cho quân qua tiếp; thế là trong một buổi mà đã có bốn năm nước Tây, Chêc, Xiêm, Mên, Lào, Mọi cử binh qua phân thây nước Việt; làm cho dân Việt phải chém giết tán loạn cùng trôi sang nước người là từ hồi đó!

Nói vừa dứt lời thì cô Da-ra Ma-ri-a lại hỏi tiếp rằng: “Nước mình có đánh giặc với nước Xiêm nữa sao chị?” Em đáp rằng: “Có, vì anh em vua Cao Mên khuấy rối làm cho Xiêm Việt đã đánh nhau nhiều lần, mà cũng đã giao hảo với nhau nhiều lần thân mật lắm, như năm 1813 theo hòa ước La Bích thì nước Xiêm đã chịu nhận quyền nước An-nam bảo hộ nước Cao Mên. Lúc vua Xiêm bị nội loạn, thì hoàng tử Xiêm đã qua trú nhờ bên nước An-nam và được vua quan An-nam trọng đãi rất hậu.

Đáng lẽ thì Xiêm Việt hai nước cùng nhau

giao hảo một ngày một thân mật, nghĩa thiết hơn nữa, nhưng bởi cơ hội vì ai trắc trở ngỡ ngàng, mà xui nên hai nước phải lia bức nhau ra giữa lúc hai bên đang giao hảo mặn màn, thì em còn phải ghen ngào chưa có thể nói đặng; chớ em dám chắc rằng người Xiêm, người Việt sao sao cũng còn mối tình lai láng lân bang nghĩa thiết, phải không quý chị?” Cô Kù-lạp Tê-rê-xa liền đáp rằng: “Phải, người Xiêm với người Việt vẫn có mối cảm tình thân mật. Nếu không, thì dân ta ở đây đâu đặng như vậy và chị em ta đâu đặng dịp ngồi chuyện văn ngày nay!

Em luôn miệng cũng muốn nói cho chị em họ biết cách cai trị của nhà Nguyễn và của nhà nước Bảo hộ Lang-sa nữa, nhưng mở miệng mắc quai; nên em đành phải tạm xếp việc nhà mà hỏi bằng qua sự tích của người An-nam cũ ngụ ở xứ Xiêm, nếu sau họ có hỏi gạn tới nữa, thì em sẽ nói tiếp, tính vậy em mới hỏi cô Kù-lạp Tê-rê-sa rằng: “Thưa chị, nầy giờ em đã kể qua sự tích nước Việt và dân Việt cho chị nghe rồi, vậy luôn dịp đây, em xin chị hãy nói cho em biết qua việc người An-nam cũ ở xứ Xiêm, rồi chị muốn hỏi chuyện gì, thì em sẽ kể hết cho chị nghe như ý.”

Cô Da-ra Ma-ri-a liền nói hót rằng: “Câu chuyện sử ký An Nam chị nói chưa hết, em còn ao ước biết cho rõ vì sao nước Việt phải tan, dân Việt phải nát như ngày nay, mà chị lại nín ngang đi, thì tức quá!” Cô Kù-lạp Tê-rê-xa liền đỡ lời

rằng: “Da-ra, em chớ nóng quá, chị Gioan Đa nói này giờ đã hơi mệt rồi, vậy để chị kể chuyện ông bà mình ở xứ Xiêm cho chị Gioan Đa nghe, rồi mình sẽ xin chị nói tiếp nữa nghe cho thỏa thích, chớ chị đây cũng tức về khúc sử ký sau đó lắm! Nói đoạn cô Kù-lạp Tê-rê-xa ngó em mà cười nụ rồi lấy bánh và nước trà mời em và nói rằng: “Chị Gioan Đa giỏi khoa trước thuật quá, em rất khen tài hùng biện của chị; phải chi em được ăn nói trôi chảy như chị, thì câu chuyện của em sẽ kể cho chị nghe, mới có thú vị; chớ còn ăn nói què kịch như em đây, thời e không khéo em lại làm nhờn tai quý báu của chị đó thôi!”

Em nghe lời nói nhữn của cô Kù-lạp Tê-rê-xa thì cho thiệt đúng với câu: cảnh quê, chớ người đâu có quê! Em mới đáp rằng: “Chị Kù-lạp chớ khéo hạ mình quá mà khen em như vậy. Câu chuyện thế nào, thời xin chị hãy nhả ngọc phun châu ra cho em đặng cái hân hạnh tiếp lấy những lời vàng tiếng ngọc của chị!” Cô Kù-lạp mỉm cười rồi kể chuyện cho em nghe như vậy:

V

RỬA HỒN NHÀ, LÀM ĐẠI BẮT ĐẠO; THẬT LÒNG KÍNH CHÚA, CON PHẢI THEO CHA

Cuối đời Gia Long thì trong triều nước Nam đã sanh ra nhiều điều Lương Giáo bất hòa vì những việc riêng bởi kẻ thời bình ông hoàng Cảnh, người lại trọng ông hoàng Đảm. Rủi cho Đức ông Cảnh bất hạnh chết non lúc con ngài còn nhỏ và lúc bình sanh ngài lại hay thân mật với các quan người Lang-sa và Đức thầy Phê-rô là bạn thiết của ngài và các tướng tá có công khai quốc của cha ngài là vua Gia Long. Ngài có lòng mộ đạo Thiên Chúa lắm, tướng ngài đã được chịu phép Rửa tội trước khi sinh thì.

Theo thói phép nhà vua thì con ngài được kế vị Đông Cung Thái Tử của ngài và con ngài là cháu đích tôn vua Gia Long thì cũng được kế ngôi thiên tử nữa; nhưng rủi con ngài còn nhỏ quá, mà ông hoàng Đảm thì đã khôn lớn có vẻ thông minh, lại có công giúp vua Gia Long dẹp

giặc Tây Sơn và là con cưng của vợ hầu yêu của vua Gia Long nữa; nên Đức ông Đàm được thế ngôi Thiên Tử.

Bấy giờ có hai quan Thống chế là Nguyễn Văn Thiêng và Lê Văn Duyệt can gián vua Gia Long đừng binh vực cho con Đức ông Cảnh, rồi đã không được việc chi, lại sanh ra mối thù oán gớm ghê hại lây đến con nhà giáo hữu và con cháu các quan chức người Lang-sa và ngoại quốc.

Vua Gia Long băng rồi thì Đức ông Đàm kế vị lấy niên hiệu là Minh Mạng. Lúc ấy nước An-nam đã có vẻ thanh trị và có hơi mạnh mẽ, nên vua Minh Mạng mới sanh lòng quá ư tự đắc, tưởng mình là gồm đủ tài năng anh hùng cả thế, và tưởng nước mình đã đến cực điểm văn minh; tự phụ tự đắc không cần phải giao thiệp với nước nào dân nào nữa; nên vua Minh Mạng mới ra lệnh bãi hết các quan người ngoại quốc và cấm giảng đạo nước ngoài, cùng tự tôn mình lên làm Chúa tể cả sanh linh vạn vật, cấm quờn sống chết muôn dân, khiến ai chẳng kính chẳng phục lệnh ngài thời chém thời giết, dầu phải nhà nghiêng nước mất đi nữa, thời cũng chẳng kiêng chẳng sợ chút nào. Vì lẽ ấy mà Đức vua đã xuống chiếu ra lệnh cấm đạo là năm Giáp Ngọ 1833 là cái năm đáng ghê gớm, nó đã làm cho ông bà em phải xé gan bút ruột mà bỏ quê cha đất tổ đặng...! Ôi...!” Cô Kù-lạp Tê-rê-xa nói tới đây, thì rung rung nước mắt, hơi ngực tràn lên nghẹn

ngào nói không đặng nữa. Má cô Kù-lạp Tê-rê-xa thấy cô tấm tức nói không đặng thì biểu cô Da-ra Ma-ri-a rằng: “Da-ra Ma-ri-a con hãy đọc bức thơ ông Tùng cho cô Gioan Đa nghe và cho chị con nghỉ hơi một chút.” Cô Da-ra Ma-ri-a liền vung lời cất tiếng đọc thơ của ông Tùng kể qua sự tích như vậy:

*“Trước kính lạy thung huyền bá bá,
Sau ngõ thăm huynh đệ bình an;
Kể từ con dời bước lên đàng,
Chi rất đổi tâm tình lụy bạ;
Lo mẹ yếu tuổi cao già cả,
Dặm đàng trường, cách trở sơn xuyên;
E một mai tắt quán qui thiên,
Đàng chiều tối sớm trưa khổ hạn;
Công tưới nước vào phân vun quén,
Nên trái bông chẳng đặng cây nhờ;
Thảo biết thân con chưa vẹn thờ,
Lo bởi Chúa liễu mình ra sức;
Đàng hiển hiển thông không tin tức,
Nẻo xa xuôi, khó nổi hỏi han,
Mấy tháng giêng vô ở đất Nam Vang,
Bể khổ cực kể sao cho xiết;
Ngày đòn bọng, đánh không kể chết,
Đêm thương trường, giáo chẳng hờ tay;
Chốn chiến trường cực đã ghe ngày,
Nên con phải liệu kiến cơ nhi tác;
Liều thân sống, cảm bằng thân thác,
Tuồng rủ nhau trốn đặng mà về,*

Chẳng ngờ là vận bất tề,
 Mê bắt đặng nhiều bề thảm thiết;
 Khi hồi đó tưởng là nó giết,
 Phước lại may còn, đã toàn thân;
 Dẫn chia ra cho các Sóc giữ canh,
 Cơm ăn phát mỗi người sét chén;
 Chẳng ngờ nó ký tờ giao hẹn,
 Qua tháng giêng Xiêm mới kéo ra;
 Bắt An-nam đặng bốn trăm ba,
 Bèn giao lại cho Xiêm lãnh lấy
 Nó tính dẫn con về xứ ấy,
 Ở nước Xiêm thế cũng muôn ngày;
 Công cưu mang, công rất nặng thay,
 On dưỡng dục biết sao báo bổ;
 Xin tác mẹ sống bằng Bành-tổ.
 Chớ lo con yếu mọn Nhan Hối;
 Lia thân con, như mẹ chẳng để rồi,
 Dầu còn sống cũng như đã chết;
 Cờ tưng bí, nước đi đà hết,
 Chẳng biết đành lên ngựa, xuống xe;
 Như con nay khó nổi ra về,
 Xin mẹ chớ nghĩ lưu như đồng
 Chẳng biết như tình đoan ngãi trọng,
 Người đâu quên tổ đức năm công
 Con bây giờ như cây cả trôi sông,
 Biết bao thuở lại qui hồi cố;
 Con không trách căn, không trách số
 Đeo lấy thảm, nhuộm lấy sầu;
 Thảm sầu kể sao cho xiết!

Đã kể hết mọi lời hơn thiệt;
Lạy thung đường huynh đệ đừng hay,
Còn hiển thê biểu ký sau này:
Xin tỏ nỗi thân em lao khổ,
Con yếu lộ không ai đùm bọc
Nước qui đồ chẳng kể đần đo,
Bơ vơ đường lưới bủa gành sò;
Đất voi tọ câu buông bãi hến!
Xưa hãy còn ái ân triu mến,
Nay đường như vượn nọ lạc bầy:
Biết no nao cho đừng sum vầy!
Đừng trông đợi qui toan bạc ác,
Khuyên em khá khá cầu chốn khác;
Kẻ phận còn liễu yếu đào thơ,
Chớ trông anh chục tiếc đợi chờ;
Khi xung yếu một mình phận khó,
Qua chẳng khác như thuyền không gió,
Linh đình đà hết chỗ dựa nương;
Để muốn chi cho thất thổ vong xương,
Cực chẳng đã phải lưu linh xa cửa;
Ngày bát ngát nhớ người, nhớ cửa,
Đêm năm canh tủi phận than thân;
Khá lo trước cho tiện bề gia thất,
Bèo mặt nước khi còn khi mất;
Biết bao giờ sum hiệp mà chờ,
Thân anh đà chẳng quản nên hư;
Lo nỗi hậu, duyên loan chích cánh,
Khuyên em hãy an bề với phụng;
Mà lo cho kịp thì!

*Tình anh nay vạ oán, thù lây,
 Đừng tưởng chữ xưa lời giao kết;
 May em đừng anh mà có phúc,
 Cũng nhờ ơn tắc dạ thừa nguyên;
 Bằng em có an phận mới vừa,
 Anh cũng kết thừa nguyên huynh đệ;
 Giấy đoạn, tình dài kể sao xiết mọi lời tự sự,
 Bình an hai chữ nhắn gởi thăm em...!!!*

Cô Da-ra Ma-ri-a đọc dứt tiếng, thì cô Kù-lạp cố vuốt ngực, lấy khăn chấm nước mắt, rồi mới nói tiếp rằng: “Ôi, khổ biết chừng nào! Kể sao cho xiết cái đoạn trường vong thân thất thổ, bỏ xứ bỏ làng, lìa quê rẽ họ cho dễ bề cao phi viễn tẩu, hầu cho khỏi chết oan đang giữ trọn nghĩa cùng đấng Giêsu Thiên Chúa! Thời ấy ở Nam kỳ có quan Tả quân Lê Văn Duyệt trấn nhậm, ngài là một vị quan võ rất anh hùng; là một vị quan văn rất công minh chánh trực; nhờ ngài hiểu rõ sự tình nhà Nguyễn, biết nguyên do cái thù cái tức của vua Minh Mạng và biết tấm lòng trung nghĩa đạo hạnh của con nhà giáo hữu, nên sắc chỉ cấm đạo của vua ra, thì ngài liền dâng sớ tâu can thiên tử và hết sức che chở cho dân có đạo được khỏi sự bắt bớ bất công bất chính! Trong sớ tâu vua ngài vẫn có lời rằng: “Muôn tâu thiên tử, linh chí tôn đối với thần dân dường như tình mẫu tử, dân trong một nước là con chung của Thiên tử, dầu Lương, dầu Giáo, hay là thuộc phái đạo nào đi nữa, thì cũng là con nhà Nam

Việt, một lòng trung quân hiếu tử hần hòì. Con cũng đồng con, thời lĩnh Thiên tử nữ nào mà truyền dạy giết kẻ này bắt kẻ khác, mà an lòng cho đặng! Sự lương tâm tín ngưỡng là thiên tính của Trời của Phật phú cho, nên phận làm người phải có, đạo nào cũng là vậy. Đạo nào thì cũng khuyên lành răn dữ. Đạo càng cao lòng người càng tốt, mà dân giữ đặng đạo tốt, thì nước mới an; thiên hạ mới thái bình; dân gian mới có người nghĩa khí; vậy nên thần cúi đầu Thiên tử, xin lĩnh muôn năm hãy xuống ân, sắc cho thiên hạ được tự do tín ngưỡng, ấy là mưu sự hạnh phúc cho nước nhà đó!”

Tuy có lời tâu can gián xin với Đức vua đừng bắt đạo Thiên Chúa của nhiều vị trung thần nghĩa sĩ như quan lớn Lê Văn Duyệt mà Đức vua cũng không nghe, quyết một lòng trả trọn thù xưa, nên cứ hạ lệnh bắt đạo thẳng tay, khiến người chết oan vô ngần vô số! Dân có đạo ở các tỉnh đàng ngoài, đàng trong bị bắt bớ quá sức, phải trốn tránh nhiều nơi nhiều xứ, có kẻ đã trốn sang Tàu, người lại lên ở xứ Lào xứ Mên, kẻ thì rủ nhau vô Nam kỳ trú nhờ ở đó vì có quan trấn thủ Lê Văn Duyệt rộng lòng dong thả. Lúc quan lớn ngài còn sanh tiền, thời dân có đạo nhờ ngài được nơi tránh trú bằng an; khi ngài quá vãng đi rồi, thì thôi hết nói!

Chị ơi, bấy giờ phe nịnh thần nổi lên phùng phùng như lửa cháy. Họ đắc lệnh vua truyền, nên

đã làm dữ quá tri. Chính mình quan lớn Tả quân Lê Văn Duyệt cũng phải bị vạ lây rằng: sao dám nghịch ý vua mà binh người có đạo, liền buộc tội phản nghịch cho quan lớn Tả quân là người đã có công khai quốc, mà truyền lấy xiềng sắt xiềng mà ngài lại như người tù tội và đánh trên năm mỗ ngài một trăm trượng cho xấu hổ! Nhưng vua giận thì làm vậy, chớ xác quan lớn Tả quân Lê Văn Duyệt thiệt không có phải cái nhục hình ấy bao giờ; vì lúc bình sanh quan lớn ngài đã nghĩ tới cái việc nhục hình đã man họ sẽ làm cho cái xác ngài, nên ngài đã dùng kế bảy mươi hai cái mả nghi của ngụy vương Tào Tháo xưa, mà bảo thủ cho quý thể của ngài sau khi chết. Cứ như lời của ông nội em đã truyền lại; thì lúc quan lớn Tả quân Lê Văn Duyệt chết, bộ hạ ngài đã tượng một cái cốt giả bằng sáp ong để liệm thay vô hòm và an táng theo lễ phép triều đình; còn xác thiệt của ngài thì táng tại ngôi mộ ở làng ngài. Ngài có cả thầy là chín cái mả nghi. Nhờ kế ấy mà hài cốt ngài đã khỏi cái nhục hình đánh một trăm trượng và xiềng mấy mươi năm.” Em nghe câu truyện hơi lạ thì hỏi trọ qua chuyện Đức thầy Phê-rô như vậy: “Chị nói rằng: xác quan lớn Tả quân Lê Văn Duyệt đã nhờ kế mả nghi mà tránh khỏi cái nhục hình xiềng trượng, thời chị có nghe nói chi về xác Đức thầy Phê-rô chăng?”

Cô Kù-lạp Tê-rê-xa đáp: “Về Đức thầy Phê-rô thì em cũng có nghe thân phụ em nói rằng:

Khi Đức thầy Phê-rô sinh thì, thời đệ tử của ngài cũng đã dùng một kế mà nghi đó, mà táng xác ngài riêng một nơi kia thuộc về tỉnh Khánh Hòa vì cũng sợ cái thói thù vật đào mồ quật mả của người Phương Đông đối với kẻ thù lớn của họ, mà phải phòng bị kỳ cục như vậy. Đức thầy Phê-rô xưa cũng có nhiều người ganh ghét đáng sợ, nên mới phải nghĩ tới cách dùng mả nghi như ngụy vương Tào Tháo!”

Mấy chị em nghe vậy đều chúm chím cười và khen cho ông Tào Tháo xưa đã lắm mưu nhiều kế! Cô Kỳ-lạp lại nói tiếp qua việc bắt đạo và giặc Cao Mên như vậy: “Khi quan lớn Tả quân Lê Văn Duyệt chết rồi nhằm năm 1832 thì quân Cao Mên nổi lên đánh trả An-nam một cách dữ tợn lắm, vì có quân Xiêm giúp họ và họ chắc quan lớn Lê Văn Duyệt chết rồi, thì nước An-nam không còn ai giỏi đáng sợ nữa, mà em cũng tưởng vậy! Nhưng nghe nói quân họ chuyển này thua đại bại và nước họ phải làm đất thuộc địa của nước An-nam cho tới khi quân Lang-sa đánh ngã quân ta!

Nhơn dịp nước An-nam có nội loạn và có quân Xiêm giúp sức thì quân Cao Mên đã nhập đảng với quân Xiêm do lệnh vua Xiêm qui hiệu là Prạ-Năng-Khảo tức là vua Rama III dòng Chăk-kri theo quan chánh soái Xiêm là Cháo Phya-Prạ-khang với hai anh em ông quan Cao Mên Phya-Kèo và Phya-Chăn làm phó tướng kéo về

đánh nước An-nam. Hai ông quan Cao Mên là người giữ đạo Thiên Chúa, nên hiểu tình ý khốn khó của con nhà có đạo đang phải bắt bớ ở bên An-nam; mới nghĩ ra kế dụ người có đạo theo họ cho dễ bề nội công ngoại kích. Vậy hai quan Cao Mên đó mới đi tìm Đức thầy Gioang (Mgr Pallagoix) là Giám mục buổi ấy đang xin một đấng thầy cả theo giúp phần hồn cho họ.

Đức cha Gioang liền cho cha Phê-rô là người Lang-sa theo giúp. Đạo binh Xiêm do hai quan Cao Mên dẫn đường đi, lại có một ông thầy cả Lang-sa cầm lái thuyền liêng nữa, thì họ có hy vọng nhiều lắm, nên thuyền bè của họ đi tới bến Nam-kỳ rồi thời cứ sông Cửu Long do cửa Hậu Giang mà thẳng lên Trà Vinh, Cần Thơ, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Châu Đốc riết tới Nam vang – Các nơi khác như là Réam, Rạch Giá, Hà Tiên, Sóc Trăng và Cà Mau thời họ cũng có cho người đi chiêu mộ nghĩa binh để phục quốc cho nước Cao Mên.

Khi thuyền của hai ông Phy-a Kèo và Phy-a Chặn với cha Phê-rô đi tới đâu thì họ rủ người có đạo theo họ tới đó và hứa chắc lời rằng: họ sẽ cứu giúp chở che con nhà giáo hữu khỏi phải quyền vua chém giết vô lý. Vì vậy mà ông bà của em mới trốn tránh theo họ cho khỏi lệnh vua An-nam giết vì đạo và choặng giữ đạo thông dong mà thôi, chớ thiệt thì ông bà em chẳng hề có ý gì tòng chinh theo Cao Mên hay là theo Xiêm mà đánh trả vua An-nam bao giờ. Thiệt sự thì

ông bà em đi trốn cho khỏi chết và thấy có thầy cả của Chúa ở đâu liền tìm tới đó, đặt nhờ ơn thiêng liêng và nhờ lời an ủi dạy bảo cho mạnh đạo đặt vác thánh giá theo chơn Đức Chúa Giê-su lên núi Ca-la-va-ri-ô đó thôi, chớ ông bà em chẳng còn trông hưởng chi những sự sang trọng giả trá thế gian nữa.

Rủi thay là lúc ấy quân Cao Mên đại bại, hai anh em quan Phy-a Kèo và Phy-a Chấn phải về xứ Xiêm; còn vua An-nam thì hạ lệnh bắt đạo dữ tợn hơn nữa. Nghe nói lúc ấy có nhiều thầy cả An-nam và Lang-sa phải tử vì đạo. Dân thường thì chết như rạ, bấy giờ giữ đạo hay là bỏ đạo thì cũng chết vậy, “tam thập lục kế dĩ đào vi thượng!” nên ông bà em mới nghĩ cách đi trốn là hơn; phần nhiều người An-nam cũ gốc là người xứ Bún, Gia Định, Sóc Trăng, Cần Thơ, Rạch Giá, Hà Tiên, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cù lao Giêng; còn thì trộn trạo đủ xứ Nam kỳ và Trung kỳ; có nhiều người gốc tỉnh Sơn Tây, Nam Định và Ninh Bình đã vô trốn ở Nam kỳ rồi, nay lại xiêu lạc theo ông bà em qua Xiêm nữa. Như vậy thì người An-nam cũ như em đây gốc là dân các tỉnh cùng cả nước An-nam từ Nam chí Bắc, mà không biết bà con cô bác ở đâu mà truy cho ra đặt, nghĩ thiệt thảm lắm thay! Không biết ở tại quê nhà đồng bang Nam Việt ta có ai nghĩ tới rằng: hiện thời ở nước Xiêm có hơn một muôn người An-nam cũ giữ đạo Thiên Chúa và có vô số người An-nam

khác vì chuyện nợ kia, mà tránh nạn cùng làm
ăn ở nước Xiêm không?

VI

BUÔN CƯƠNG LÊN ĐƯỜNG THƯỢNG LỘ; VÁI CÙNG THIÊN CHÚA PHÒ HỘ NƯỚC NAM

Khi chiến thuyền của Xiêm gần kéo neo về xứ thì hai anh em quan lớn Cao Mên ra dụ ông bà em rằng: “Ồ anh em con nhà giáo hữu bất luận là Cao Mên hay là An-nam, anh em nay phải cơn Chúa thử bị bắt bớ vì đạo, mà anh em vẫn một lòng trung quân ái quốc lại mạnh đạo dạn dĩ, thì chi bằng anh em theo chúng tôi đi tìm nơi trốn tránh cho an phận, mà giữ đạo thánh Chúa cho vững, đợi khi gió lặng sóng êm, hết cơn bắt bớ rồi, thì anh em lại trở về quê cha đất tổ, thời phần đời, phần đạo của các anh em đều gọn cả hai. Theo anh em tôi thì chúng tôi lo châu cấp phò hộ cho anh em phần xác; còn phần hồn thì đây đã có cha già Phêrô săn sóc, vậy anh em tính lẽ nào?”

Bấy giờ ông bà em suy nghĩ phận mình là con nhà nghĩa khí anh hùng, thuở nay đã tận trung

báo quốc đã giúp vua Gia Long khai quốc, rồi lại bỏ đất đai xử sở đàng ngoài, đặng vô Nam kỳ làm giống gieo dân, mở đạo, gặp phải cơn bối rối khốn khó như vậy, thì cũng nên quyền biến lánh thân đi một lúc, đợi khi Đức vua hồi tâm hết cơn thanh nộ bắt bớ, thì ta lại trở về bản thổ làm ăn cho rạng mặt quê nhà, tưởng có phần hơn đó!

Nghĩ vậy ông bà em mới rủ nhau đem vợ giắt con xuống thuyền theo quân Xiêm tách dậm ra khỏi lánh nạn; chớ thiệt chưa biết đi đâu và cũng chưa hiểu họ đem mình đi phương nào nữa!

Ờ đời đã mấy ai biết: “ăn trái nhớ kẻ trồng cây!” phải chi vua Minh Mạng còn nhớ những công nghiệp khó nhọc của ông bà em đã bỏ các tỉnh Bắc kỳ, Trung kỳ đặng theo vua Gia Long phục quốc, thì đâu có cái cảnh thâm riu rít bên sông kẻ ẵm con, người giắt vợ, con lạc cha, bà mất cháu, thấy đều gạt hột lệ sa, chơn bước xuống ghe đặng phú mình cho người dị chủng đưa đi đâu nỡ biết!

Thôi thì: cũng liều nhắm mắt đưa chơn để xem con tạo xây vắn nơi mô? Chị ơi, ông bà em cũng tưởng là việc một hai tháng thì xong, đi năm ba ngày thì tới; chớ ai có dè đâu, có sự linh đình thuyền trôi trên mặt biển hơn một năm trời hết cửa biển này lại đến cửa sông kia, lui lui, tới tới chẳng khác chi quân Giudeu đi lạc ở trong rừng cát xua. Quân Giudeu trôi nổi trong bốn mươi năm rồi cũng tới; chớ ông bà em đây

kể đã gần ba vạn sáu ngàn ngày rồi, mà vẫn chưa thấy chi chi đó chị ơi!

Ông bà em vì cơn nguy biến mà phải bỏ quê cha đất tổ, nhà cửa ruộng nương, tiền bạc của cải, chôn giấu đặng lánh nạn theo Xiêm; tưởng xuống tàu được bằng an tử tế, chớ có ai dè đâu khi tàu trôi giữa biển, quân Xiêm lại trở lòng lang thấy đàn bà con gái An-nam xinh xắn ngộ nghĩnh thì xúm lại mà ve, ve không đặng thì trở dạ làm ngang làm dọc, làm dữ làm tợn, khiến bạn gái nhà em đã phải một cơn thất đờm hôn kinh.

Có ai dè đâu tránh cạp mà gặp beo như vậy! Túng thế ông bà em phải lập kế xử êm; ai có vợ chồng rồi, thì đôi nào cặp nấy; ai chưa vợ, chưa chồng, thời phải xử trí gả gáp cho nhau, đặng có phận ai nấy giữ cho gọn! Có người chưa kịp đôi vừa lứa, thì anh em dì cháu cũng phải nhận liễu là đôi bạn vợ chồng giả cho khỏi lẻ loi kéo Xiêm Mên nó bắt!

Nghe nói tới đoạn này thảm thiết quá lẽ, chị em em, ai ai cũng đều phiền thay cho con nhà Nam Việt phải bước đặng cay tủi hổ như vậy cũng bởi tại vua, vì chúa nên vậy...! “Tàu bè kéo neo ở bến Nam kỳ đi tới kinh thành Vọng các (Bangkok) vừa tròn một năm hơn, là năm 1835, đi lâu vậy là bởi quân Xiêm sợ binh An-nam đuổi nà theo sau; nên phải chạy tàu trốn tránh nơi nọ nơi kia và nhiều khi thì bị gió ngược cản trở.”

VII

TỬ ĐÂY ĐẤT KHÁCH, QUÊ NGƯỜI; TRĂM NĂM NÀO BIẾT QUÊ MÌNH LÀ ĐÂU!

Tàu đến bến kinh thành Vọng Các rồi thời hai anh em ông Phya-Kèo và Phya-Chăn lên chầu và tâu vua là Sôm dệt Phrạ-Nằng-Khào rằng: “Muôn tâu bệ hạ, thần ở nước An-nam đã về, thần có mộ được một toán dân An-nam và Cao Mên về đây. Dân An-nam thì họ giữ hai thứ đạo khác nhau, phần nhiều là người đạo Thiên Chúa Giêsu, phần ít là người giữ đạo Thích Ca Mâu ni cùng một đạo với nhà nước. Tàu bệ hạ sắc cho thần đăng lãnh toán người An-nam giữ đạo Thiên Chúa về xem sóc trông nom, còn toán người đạo Thích Ca thì tùy thánh hoàng phân định.

Đức vua liền phán rằng: “Hai khanh đã có công thân chinh cực khổ lại mộ được toán người An-nam hùng dũng kia, thời trăm ban khen và ghi công cho hai khanh. Phần người An-nam thì

trầm đủ biết tính họ, vì trầm có xem sử ký nói rằng: Dân An-nam là nòi can đảm tài tình lắm, họ rất trung quân ái quốc, vị tất họ đã khi không mà chịu bỏ quê cha đất tổ theo ai, chắc có cơ sự làm sao đây. Khi xưa Đức Tác sai binh mã qua giúp nước Cao Mên thời không đánh nổi binh An-nam đặng lần nào. Đến đời tiên đế ta là Đức Châtkri lúc ngài còn làm lãnh binh đem binh qua cứu chiến nước Cao Mên mấy lần, thì cũng đều thua cả mấy lần. Sau Đức Châtkri mới sai sứ đem thơ qua đồn An-nam, mời quan lãnh binh An-nam tên là Nguyễn Hữu Thoại qua thương thuyết với quân ta, thì hai anh em ông Nguyễn Hữu Thoại chỉ đi với mười tên lính mà dám qua đồn ta cách bạo dạn không chút chi sợ hãi, thời họ thiệt là can đảm quá trí, vì nếu bấy giờ quân ta trở lòng thì còn gì nữa là quan lãnh binh với mười tên lính ấy.

Thế mà họ không sợ, thì họ thiệt là anh hùng xuất chúng, ta rất mến cái lòng can đảm của họ. Quân ta xưa đã giải hòa với quân họ, thì nay trầm cũng rộng lòng sắc chuẩn cho hai khanh thâm dụng dân họ và trầm chúc phước lành cho dân họ được bằng an. Hai khanh hãy thâm dụng dân họ và lo cấp dưỡng cho dân họ được sung túc mọi sự và chớ để cho dân họ phải bạc đãi thiếu thốn sự chi vì dân họ không phải là tù binh mà dân họ thật là nghĩa binh vậy.

Luôn dịp hai quan Cao Mên lại tâu thêm rằng:

“Muôn tàu bệ hạ, thần được sắc bệ hạ ban cho thần thâu dụng toán dân An-nam đó, thời tàu bệ hạ hãy rộng lượng hải hà sắc ban cho dân họ được một nơi trú ngụ làm ăn vĩnh viễn.” Vua lại phán rằng: “Trẫm chuẩn lời tấu của khanh mà sắc ban cho dân họ được lập nghiệp ở nơi đặt Sa-nồn-bay-phon như ý.”

Thế là ông bà em được một miếng đất rộng rãi địa giới nó như vậy: Dưới từ đền Sa-nồn-bay-phon lên tới rạch dưới nhà thờ bây giờ ăn ra tới sông Châu Phya (Ménam), trên từ sau lưng chùa Xiêm kia gọi là chùa ông Trời hay là Wat Raxatbivat – Bể thế rộng rãi và khí bờ sông cái thiệt là tốt quá. Kế đó nhà nước Xiêm lại cấp cho cây lá và khí cụ để làm nhà ở và thấy dân ta thiếu thốn đói rách, thì lại phát lương phạn mỗi tuần đủ cả gạo muối, cá mắm, gà vịt và các đồ gia vị nữa.

Lúc ấy có nhiều người không có đủ tiền bạc tiêu sầm thì đã đi khuyên giáo ở các nhà người Xiêm giàu có, thời họ đã cho rộng rãi vì có lệnh nhà nước biểu họ giúp đỡ dân ta. Nhờ đó mà ông bà em được trợ giúp đắp đổi làm ăn và sau lần lần thì đã gây dựng nên cơ nghiệp chút đỉnh.

May hồi đó dân trí người Xiêm còn thấp, người Chêc ở Bangkok cũng chưa quá đông như bây giờ, nên ông bà em mới đi làm các công nghệ cho họ mà độ qua ngày tháng. Người làm việc quan lúc ấy không có bạc tháng như bây

giờ, lâu lâu nhà nước lại cấp phát cho một lần. Tiền bạc của nhà nước cũng không có mấy; thời ấy thiên hạ còn dùng chì kẽm và một thứ ốc cừ nhỏ làm tiền xài chớ chưa có bạc đồng bạc cất như bây giờ.

Em tộc mạch hỏi cô Kù-lạp Tê-rê-xa về các thứ tiền bạc Xiêm thì cô ấy liền bảo người em thứ ba của cô rằng: “Sa-ra em hãy đem cái bảo tàng tiền bạc Xiêm của em ra đây cho chị Gioan Đa coi và em hãy cắt nghĩa cho chị ấy nghe cho rõ.” Cô em liền vung lời đi lấy cái bảo tàng tiền bạc còn con, của cô ấy. Cô Kù-lạp Tê-rê-xa lại nói với em rằng: “Nó là em thứ ba của em tên là Thôngkhâm tiếng Xiêm nghĩa là vàng ròng, tên thánh là Sa-ra; tục lệ Xiêm và Lèo hễ sanh đặng con gái dung nhan yếu điệu đẹp đẽ thì mới đặt tên cho là vàng bạc, ngọc ngà cùng là bông hoa xinh xảo đặng thêm duyên cho con, chớ không có thói đặt tên thô tục xấu xa cho con cái bao giờ.”

Cô Thôngkhâm Sa-ra bung một cái hộp nhỏ ra, miệng cười mủm mỉm dễ thương lắm, em xem cô thiệt có duyên và xinh quá, thiệt là xứng với cái tên Sa-ra Thôngkhâm lắm. Cô Sa-ra Thôngkhâm đem hộp mở bày ra đủ các thứ tiền bạc thông dụng của nước Xiêm, cô chỉ từ món mà cắt nghĩa cho em nghe như vậy: “Đây là tiền ốc, là thứ ốc cừ tròn nhỏ và cứng chỉ ở xứ Sôngxhla thời mới có và hiếm lắm, nên mới quý.

Một trăm ốc là một lốt làm bằng kẽm

Hai lốt là một ạt (att) làm bằng đồng đỏ
Hai ạt là một phảy làm bằng đồng
Hai phảy là một siêu làm bằng đồng
Hai siêu là một phương hay là khuôn làm
bằng bạc

Hai phương là một sàlững (bằng bạc)
Bốn sàlững là một gút (bằng bạc)
Bốn gút là một tấm lưng
Hai chục tấm lưng là một xằng giá một cân
bạc.

Một trăm xằng là một hạp (cứ lấy gút bạc mà
đếm).

Thời nay nhà nước văn minh đã lập nhà ngân
hàng và dùng bạc đồng bạc giấy như các nước
Âu Mỹ. Nay là đồng bạc nặng độ hai mươi lăm
găm (gramme) nhỏ hơn đồng bạc Đông Dương,
viết chữ: tical đọc là ticôn, ăn một trăm đồng
xu nhỏ kêu là satăng bằng đồng đỏ và nhỏ hơn
đồng xu Đông Dương. Bạc thì có đồng một bạc,
đồng hai sàlững hay là năm chục satăng và đồng
một sàlững hay là hai mươi lăm satăng, đúc bằng
bạc ròng không có pha đồng kẽm như bạc Đông
Dương. Kẽm bạc hay là nickel thì có đồng mười
satăng và đồng năm satăng có lỗ giữa, nhỏ và
dễ dùng lắm. Giấy bạc thì có tấm giấy một đồng
bạc, năm bạc, mười bạc, hai chục bạc, một trăm
bạc và một ngàn bạc. Đây chị hãy coi những
tấm giấy nhỏ một bạc, năm bạc, mười bạc và hai
chục bạc; còn những tấm giấy lớn một trăm bạc

và một thiên bạc, thì em chưa có sẵn ở trong cái bảo tàng này. Em lấy làm tiếc vì không có sẵn nó mà đưa cho chị coi chơi.

Mấy chị em cô Kù-lạp vui vẻ thiệt và khéo phùng nghinh quá, em cảm ơn cô Sa-ra rồi lại xin cô Kù-lạp nói tiếp câu chuyện dở. Cô Kù-lạp liền nói rằng: “Ông bà em ở an rồi, Đức vua mới truyền hỏi ông bà em quen làm nghề gì ở bên An-nam; ông bà em nói rành nghề làm ruộng, thời ngài truyền cho nhà nước Xiêm cho ông bà em lên lập ấp làm ruộng ở trên Đôn Muong cách xa Bangkok chừng ba chục ngàn thước, nay đi xe lửa hết bốn chục satăng. Hiện thời ở Đôn Muong nhà nước lập trường tàu bay lớn lắm. Ông bà em được đất ở Đôn Muong rộng mấy trăm mẫu và được trâu cày, đồ làm ruộng thóc giống và lương thảo sẵn sàng. Như ông bà em lo chí thú mở mang ruộng rẫy thời nay đất ruộng của cái người An-nam giàu có, ai sánh cho bằng nữa, vậy mà ông bà em không nghĩ tới, trong lòng cứ khẩn khẩn ước ao cho mau đăng phản hồi bản thổ, chớ chẳng chút chi muốn lập nghiệp ở xứ Xiêm, nên đã dùng hết cách đăng bỏ xứ Đôn Muong mà trở về ở Sám-sén cho dễ bề tẩu thoát.

Vậy những trâu của nhà nước cho để cày thì cứ lấy đất sét nhét vô lỗ mũi nó cho chết nghẹt lần đi mà ăn thịt, rồi đổ cho là không hạn thủy thổ, trâu chết mạ thúi làm ruộng bất lợi! Nhà

nước phải cho về ở Sám-sén và để tùy ý ai có nghề riêng gì thì làm lấy mà ăn thông thả, nhà nước Xiêm chẳng hề bắt thuế vụ xâu bơi ai hết. Dân An-nam trôi sông lạc chợ như vậy, mà được tự do hơn người bốn quốc, thì thiệt là hữu phúc lắm. Ông bà em bấy giờ làm các công nghệ nhẹ nhẹ và chuyên nghề thả chài đánh cá, nuôi heo và đặt rượu bán.

Khi an cư lạc nghiệp rồi, ông bà em mới tính việc lập riêng một cái nhà nguyện vì xưa nay vẫn đi đọc kinh xem lễ nhờ ở nhà thờ của người Cao Mên gọi là nhà thờ Công-sám-sêng (Conception) kính Đức Bà chẳng hề mắc tội tổ truyền. Bấy giờ ở thành Bangkok mới có người Cao Mên có đạo ở Sám-sén và một ít bốn đạo Bút-tu-ghe ở bên kia sông Châu Phya (Ménam) nay gọi là họ nhà thờ Santa Crux. Người An-nam cũ ở đó cũng khá đông. Gốc người Bút-tu-ghe lọt vào ở đó là nhờ tích một người Bútlu-ghe kia tên là Hăngkrit đã kết bạn với em gái ông Phy-a Kèo, tên là nàng Khun-mẻ, trước thì ở xóm Cao Mên nhờ anh em ông Phy-a Kèo che chở sau mới qua ở bên kia sông và từ đó người Bút-tu-ghe mới được vô xứ Xiêm tự do vì có lệnh vua cấm ngặt chẳng cho người Tây Phương lọt vô nước Xiêm.

Ông Hăng-krit và bà Khun-mẻ sanh đẻ hai người con trai. Một người tên là Jion, sau về xứ Cao Mên rồi biệt tích: bà Khun-mẻ thì chết chôn ở đất thánh người Cao Mên. Người Bút-tu-ghe ở

họ Santa Crux đạo hạnh tử tế và có tình nghĩa thiết với người An-nam cũ ở đó.

Cha sở họ Santa Crux là người An-nam, nên người họ cư xử với người An-nam rất tử tế, ở bên ấy em có biết ông Sawat là người gốc Bút-tu-ghe đạo đức hiền lành, bà con ông ấy hiện thời làm quan Xiêm đông và tốt với người An-nam lắm. Nói cho đáng thì người Cao Mên do anh em ông Phya Kèo, Phya Chăn làm đầu, ăn ở với người An-nam chẳng khác chi thân bằng quý hữu, họ tốt với ta, mà ta cũng đã tốt với họ, nhưng vậy mà sau cũng không khỏi xích mích nhau một lúc cũng khá lâu, khiến người hai xóm lân cận, ra hai nơi địch thủ cũng vì một hai lời nói khinh bậy lẫn nhau mà ra. Nay hai xóm lại hòa hảo như xưa. Sau hai anh em ông Phya Kèo thì các quan kế vị sau cũng tử tế như cả đời ông Prạ Phi-lơn, ông Prätavisetnút. Ông bà em định lập nhà thờ riêng, nhưng thiệt thì đã cất được một cái nhà nguyện lợp bằng lá dừa nước và che bằng vách lá đơn sơ và nghèo nàn lắm. Nhà thờ An-nam kêu là Đông Phương Nam các kính ông thánh Phan-xi-cô Xa-v-i-ê cách riêng,

Bấy giờ ở bên An-nam có một cha An-nam già cả lắm, ngài cũng vì đạo mà trôi qua nước Xiêm. Ngài già lắm, nên kêu là cha già chớ không biết thánh hiệu ngài là chi.

Cha già ở họ An-nam một ít lâu thì có cha Gioan Baotixita người An-nam ở ngoài Chant-

aboun đến giúp ít năm, rồi có một cha người Tây tên là Giuse ở đâu đến làm cha chánh sở cai họ. Cha già An-nam ở họ em được độ mười năm chi đó, thì ngài sanh ra bệnh nhớ nhà, nhớ ông bà xứ sở An-nam, nên ngài lập thể trở về An-nam. Lúc ấy luật Xiêm cấm chẳng cho ai ra khỏi nước.

Cha già đi với chú Xuyến trốn xuống tàu Chêc quá giang về An-nam, rui bị lính Xiêm bắt được đem chú Xuyến cầm ngục, còn phần Cha già thời họ đóng cũi bỏ cha vô mà gọi về An-nam, từ đó biệt tin không ai biết số phận Cha già ra sao nữa. Tội nghiệp Cha già quá, ai nghe tin ấy cũng đều thương tiếc Cha vô cùng.

Khi nhà nguyện lập rồi, có cha linh hồn an ủi và có công việc làm ăn xây xa được rồi, thời ông bà em lần lần bớt buồn, mới lo chí thú làm ăn như người bốn xứ và coi xứ Xiêm cũng như quê hương thứ hai của mình vậy!

Bấy giờ những người trai tráng sức lực đều đăng vào cơ lính Pháo thủ đại bác của Xiêm và đã làm tròn bốn phận làm dân làm lính nước Xiêm.

VIII

VÌ ƠN CHÚA TẾ NHIỆM MẦU; KHIẾN NÊN THẦY CẢ ĐẾN GẦN ÔNG SƯ

Em nghe nói Cha già bị bắt đưa về An-nam thì muốn biết nhà nước Xiêm đối với đạo Thiên Chúa ra làm sao nên mới hỏi cô Kù-lạp Tê-rê-xa rằng: “Cha già bị bắt rồi, thời nhà nước Xiêm có tỏ ý gì bất bình với đạo thánh ta chăng?” Cô Kù-lạp đáp: “Thưa chị không, nhà nước Xiêm chẳng hề bạc đãi người có đạo bao giờ. Chuyện sau này lại làm cho vua nước Xiêm trở nên thân mật với đạo Thiên Chúa hơn nữa là: hồi đó dòng vua Chătkri lập nghiệp đánh đổ vua soán loạn gốc người Chêc Triều Châu tên là Trịnh Quốc Anh là bởi hai anh em ông hoàng Chătkri và Soxi, cả hai đều kế nhau mà làm vua nay gọi là Rama I và Rama II.

Khi vua thứ hai (Rama II) băng hà thì con người còn nhỏ quá, nên bà quốc mẫu mới hội triều đình lại mà phong cho ông hoàng dòng thứ

là Đức ông Chào-Phá tuổi chừng ba mươi lên ngôi vua tức là vua Rama III, niên hiệu là Sòmdet Prạ-Nằng-Khào cầm quờn trị quốc đời cho ông Đông cung thái tử dòng chánh lớn lên hầu có truyền ngôi lại như ý bà quốc mẫu đã định với triều đình.

Sau ông Đông Cung Sòmdet Prạ-Chom-khlào lớn lên rồi mà vua Rama III cũng không chịu trả ngôi, lắm le muốn đoạt ngôi luôn cho con mình nữa. Vì vậy mà ông hoàng thái tử giận chú là vua Rama III bỏ vô chùa tu và nói rằng: “Ta đây ra đời chẳng phải lạy ai, trừ ra một mình bà quốc mẫu mà thôi.” Nghĩa là ngài bắt phục quyền của đức vua chú ngài. Lúc ngài vô chùa tu thì ông hoàng Luồi-đen em ngài tên hiệu là Sòmdet Phrạ Plịnkh-lào làm chánh nguyên soái coi hết các đạo binh nước Xiêm. Ông hoàng Luồi-đen thấy đạo binh An-nam làm lính pháo thủ giỏi và gan dạ lắm, thì ngài có lòng yêu mến, nên ngài đã cho sung vào đạo binh ngự lâm pháo thủ để ngài cai quản.

Ông hoàng thái tử bừu hiệu là Sòmdet Prạ Chomkhlào đi tu tại chùa Watraxathivat cách xóm An-nam ở một cái rạch và cận nhà thờ Cao Mên. Lúc ấy trên cộ đờ Ajuthia đã bị quân giặc Phà-mà (Birmans) đánh phá tan nát, rồi nhà chung cũng phải tiêu tàn, thành ra gốc đạo Thiên-Chúa xứ Xiêm phải dời xuống Bangkok ở tại xóm người Cao Mên và An-nam. Bấy giờ Đức giám mục Gioang trị vì và ở tại họ Cao Mên.

Đức Giám-mục Gioang ở gần chùa thì qua lại làm quen với ông Hòa thượng chùa ấy là ông hoàng thái tử sau lên ngôi vua là Rama IV đó. Đức Cha và Hòa thượng cả hai đều là bậc anh tài thượng trí, đã biết nhau thì yêu nhau chí thiết. Đức Cha Gioang thì dạy đức Hòa thượng học chữ Hồng Mao, chữ Latinh và đạo lý Thiên Chúa. Đức Hòa thượng thời dạy lại Đức Giám mục học chữ Xiêm, chữ Phật và đạo lý Phật. Cả hai đều trở nên thông thái lạ lùng mà đạo hạnh thì ít ai bì kịp.

Nhờ hai ngài mà tiếng Xiêm lập ra mẹo mực khuôn phép. Sau Đức Hòa thượng lên ngôi vua thời Đức Giám mục cũng nhờ được nhiều ân huệ của nhà nước, khiến đạo Thiên Chúa được bằng an và con nhà giáo hữu được trọng hậu kính nể. Nói cho đáng thì đạo Thiên Chúa còn mọc được chồi được rễ ở xứ Xiêm đây là nhờ ơn Đức Cha Gioang đã khéo cư xử và lo lắng mà giữ được căn bản cùng trở nên thanh trị như buổi này đây.

Đức Cha Gioang (Pallagoix) là một bậc thông thái ít có lắm, ngài đã dịch các sách đạo lý ra tiếng An-nam, viết ra chữ quốc ngữ và dịch ra chữ Xiêm rõ ràng. Phần đời thì ngài đã chép ra chuyện sử ký nước Xiêm, làm quyển tự vị và sách mẹo Xiêm. Sử ký thì kể từ đời các vua cựu trào, đời vua Trịnh quốc Anh soán ngôi và bốn đời vua nhà Chătkrì. Sách ngài phân giải rõ ràng lắm. Ngài dâng sách ấy về Tòa thánh và nhờ đó

mà vạn quốc biết rõ đất xứ nước Xiêm. Phần đạo thời ngài đã lập lại cơ đồ của hội thánh xứ Xiêm nên thành trị bền vững.

Xét công lao khó nhọc của ngài thời tướng nhà chung dầu có dựng hình ngài làm kỷ niệm ở trước tòa Giám mục Bangkok này thời cũng không phải là quá lắm vậy. Nhưng chị ơi, ăn trái đã có mấy ai nhớ kẻ trồng cây”!

Em nghe chị Kù-lạp Tê-rê-xa khen ngợi Đức Cha Gioang quá thời hỏi qua việc đạo rằng: “Kù-lạp chị ơi, chị đã nói chuyện Đức Cha Gioang, thời xin chị hãy kể luôn việc đạo ở xứ Xiêm cho em nghe với.”

Cô Kù-lạp liền nói tiếp rằng: “Thuở xưa đạo thánh ta lọt vào nước Xiêm thiệt là khó dễ hiếm hoi lắm. Người Xiêm họ giữ đạo Phật lâu đời và tính tình họ đơn sơ lười biếng, nên chẳng hay tọc mạch lân la hỏi han đến việc ai và đạo ai hết. Ai có nói việc đạo thì họ nghe chơi như mình nghe kể chuyện đời xưa vậy. Người nào lanh lảu có học thức một chút, thì họ nói kết một câu rằng: ‘Đạo của ông tốt chẳng thua gì đạo của tôi, tôi mắc giữ đạo của tôi rồi, không giữ được đạo của ông, thiệt là uổng quá!’”

Vì vậy mà đạo Thiên Chúa nở ra chậm lắm. Đời cựu trào, vua Somdệt Pră Narai đóng đô ở Ajuthia nay kêu là Krùngkăo, thời nước Xiêm đã quen dùng người ngoại quốc làm quan giúp việc triều chánh. Thời ấy có một người phương Tây

(grèco) tên là Constantin Foncol làm quan tới chức Châu Phya hiệu là Javixàjên giữ đạo Thiên Chúa có quyền thế lớn và hay bào chữa cho giáo hữu, nên sự đạo lúc đó được nhờ cậy lắm. Vua tin dùng quan ấy, nên đã thi ân giúp ích cho việc đạo nhiều.

Nhờ quan lớn ChâuPhya Javixàjên giúp thời Đức Cha đã lập được ở tại cựu đô (Krúngkáo) Ajuthia, trên vàm rạch Hua-đum Klong-ta-khiên một ngôi đền thờ rất nguy nga rực rỡ lấy thánh hiệu là nhà thờ kính ông thánh Giuse làm bốn mạng Phương Đông. Tòa Đức Giám mục cũng ở tại Krúngkáo. Đức vua Sôm dết Pră Narai có tặng cho Đức Giám mục đời đó một cây gậy bằng vàng ròng quý giá và đức vua bằng sẵn lòng ban cho Đức Cha được mọi sự người xin. Các cha bấy giờ cũng đăng danh giá quý trọng lắm. Sau rui có giặc Phà-mà (Miến Điện, Birmanie) tràn qua đánh quân Xiêm đại bại; quân Phà-mà cướp phá cựu đô Ajuthia ra tan nát nhà thờ và tòa Giám mục cũng bị đốt phá, sổ sách đều tiêu mất hết.

Sau vua Trịnh quốc Anh lập kinh đô mới ở Bangkok thời đạo thánh lần lần nhóm lại và tụ về ở tại kinh đô mới. Nói cho đáng thì đạo Thiên Chúa ngày nay mở mang phát đạt ở chốn Xiêm đô này là nhờ người có đạo Cao Mên và An-nam đã trôi đến ở Bangkok từ năm 1830 và được tái lập đông đảo là từ năm ông bà em tới

thành Bangkok là năm 1835. Trước thời ấy thì đạo thánh đã có ở xứ Xiêm rồi và nghe nói đâu đã có chín vị giám mục kế vị nhau rồi. Em tưởng chắc đạo giảng tới nước Xiêm sau nước An-nam hơn kém chừng vài mươi năm thôi, mà bốn đạo họ không được là bao nhiêu. Đời Đức cha Gioang (Pallagoix) thì việc đạo đã hơi khá, Đức cha Gioang truyền chức thầy cả người phương Đông đăng nhiều đáng, trong số ấy lúc bấy giờ thời người An-nam được cha Philipphê Sum và cha Anrê Tiếng gốc bên An-nam lại; còn An-nam gốc Chantaboun thì được nhiều ông. Thời ấy cha Gioang Bao-ti-xi-ta cai họ An-nam Sám-sén; cha Thịnh cai họ Cao Mên; cha Ximon gốc An-nam Sám-sén cai họ Chantaboun. Người An-nam ở Chantaboun gốc bởi tỉnh Hà Tiên đời quan tổng trấn Mạc Cửu qua ở đó, kể thời lâu hơn ông bà em ở kinh thành Bangkok, nhưng con nhà An-nam Sám-sén lại hơn người ở Chantaboun là nhờ cái khiếu di dân lập ấp, mà đã tràn ra khắp cõi xứ Xiêm, nay lập thành mấy mươi ấp nhỏ và nhiều họ lớn có nhà thờ và nhà phước.

Cả địa phận Xiêm dường như là của người An-nam vậy, vì các cha sở cai họ hơn hai phần ba là người An-nam cũ và kẻ có đạo thì người An-nam sốt sắng và đồng tâm dạn dĩ hơn cả. Sau Đức Cha Gioang thời tới Đức Cha Matô là Giám mục ở bên Trung quốc đã bị quân Chêc cấm đạo và bắt người mà đánh đến đổi tắt tiếng, may nhờ

giáo hữu bỏ ngài trong cánh buồm bó lại trên cột buồm mới thoát khỏi chết và trốn lốt qua Xiêm gặp dịp thời thay quờn cho Đức Cha Gioang.

Đời Đức Cha Matô chỉ phong chức được có một cha An-nam Chantaboun là cha Micae. Đức Cha Gioang và Đức Cha Matô chết đều táng xác tại nhà thờ xóm Cao Mên Sám-sén. Kế hai ngài thì tới Đức Cha Lu-y. Đời Đức Cha Lu-y có phước lộc nhiều lắm. Ngài đã phong chức thầy cả cho một thầy sãi đạo Phật tên là Khùm Phling, đầu mục thầy sãi đã thua lý Đức Cha Gioang (Pallagoix) mà trở lại đạo thiên Chúa lấy thánh hiệu là cha Clémenté; khi ngài vô đạo thời có nhiều người Xiêm trở lại đạo theo ngài, chỉ nghe có lạ không, một ông sãi mà thành ông cha có kỳ không?

Em liền đáp rằng: “Lạ thiệt, nhưng ở bên An-nam gần đây cũng có một chuyện lạ như vậy là hai anh em một người đạo nho con nhà sang trọng kia, cả hai anh em đều làm thầy dạy học trường nhà nước, cha mẹ người là kẻ rất ghét đạo Thiên Chúa, đã làm nhiều sự khổn khó cho người vì đạo, vậy mà có ơn Chúa khiến hai anh em họ đều trở lại đạo một cách không ai ngờ. Người anh thì đi tu nay đã lãnh chức thầy cả tên hiệu là cha Giuse Thích, còn cô em gái thì vô nhà phước kín tu, nay ở lại nhà kín địa phận Huế.

Lại còn một chuyện lạ nữa là một người đạo Phật đang học tại nhà dòng Pellerin, được ơn

Chúa trở lại đạo lúc người đã thi đậu bằng cấp lớn có thể ra làm quan được, mà người đành bỏ thế gian đăng theo đạo đi tu làm thầy dòng thánh Gio-an Bao-ti-xi-ta de la Salle lấy hiệu là thầy Giuse Tặng. Trong bạn gái nhà ta thì còn chuyện một cô con gái kia trí huệ rất thông minh, dung nhan đẹp đẽ, thi đậu nhiều bằng cấp tây và ta, là con gái út của quan thủ tướng nước An-nam, ngày kia tưởng đến Chúa, cô ta đành bỏ mọi sự sang trọng thế gian mà vô tu ở nhà phước kín địa phận Huế, người tên là Ma-ri-a Tài. Đó chị nghe coi có lạ bằng chuyện của chị nói không, song xét ra thời đó là ý Chúa hay là tài năng khôn khéo của Chúa xui nên chớ ai làm được.

Cô Da-ra nghe nói vậy thì khen chị em bạn gái bên An nam lắm. Cô Kù-lạp lại nói tiếp rằng: “Đức Cha Lu-y đã phong chức thầy cả cho người An-nam và người Chêc nhiều đấng, người Mên được một đấng và người Lào một đấng, đó là sự lạ vì thuở nay chưa hề có. Đức Cha Lu-y sinh thì năm 1907 rồi đến Đức Cha Bênadô và nay là Đức Cha Perros đang cầm quyền. Sánh với các đời Giám mục thì con nhà giáo hữu An-nam được nhờ ơn huệ cha chung, cha cả đã thương đồng một đoàn chiên của Chúa.

IX

ĐUỔI PHÀ-MÀ, ĐỨC TÁC LẬP KINH ĐÔ; ĐẮC THỂ LỰC ANH EM CHẮT-KRI PHỤC QUỐC

Này giờ em nghe nói tới cựu đô Ajuthia thì muốn biết chuyện xưa, nên mới xin cô Kù-lạp nhắc tích lại nghe chơi, thì cô ấy nói rằng: “Chị muốn biết chuyện nước Xiêm thì em cũng vui lòng mà nói cho chị nghe chơi, vì trong sử ký nước Xiêm kể từ đời nhà Chătkri trở đi, thì có dính chuyện người An-nam vô đó nhiều; nhưt là hồi này vì người An-nam đi lính Xiêm đã lập được nhiều công trạng đáng ghi đáng nhớ lắm.

Độ giữa thế kỷ thứ mười tám thì quân Phàmà (Birmans) qua xâm phạm cõi Xiêm rất dữ. Chúng nó đánh cướp được kinh đô Ajuthia thì vơ vét hết các đồ châu báu và của cải của vua của dân cùng đốt phá tàn nhẫn, khiến kinh đô nước Xiêm xưa là nơi quý lạ các nước Âu-châu đã qua chiêm nghiệm và khen ngợi vô cùng, thì nay đã hóa ra một cái tha ma ghê gớm quá đỗi, dòng vua

trị vì thời đó đã phải bắt giết, nhiều quan binh đã khởi loạn mạnh ai nấy cướp được đầu nhờ đó. Một vị quan binh lớn người Triều Châu tên úy là Trịnh quốc Anh khởi binh đánh trả quân Phàmà ban đầu thì thua mới chạy về phía đông nam xuống mộ binh tại Xonlaburi (Banplasoi) đặc thế mới đánh lấy luôn tỉnh Chantaboun, gộp binh lại đủ lương thảo súng đạn mới tiến lên đánh quân Phàmà ở tại Krúngkáo (Ajuthia). Quân của ông Trịnh quốc Anh lên đánh thành linh nhằm lúc quân Phàmà đang tiệc rượu say sưa, quân Phàmà thất thế đại bại quân Xiêm lấy lại thành Ajuthia xem thấy kinh đô tan nát hư hại thì ai ai cũng phàn nàn than tiếc.

Ông Trịnh quốc Anh nhập đô, rồi mới chiếm ngôi làm vua nước Xiêm vì lúc đó không còn ai kế vị nữa và cũng không ai mạnh thế bằng quan lớn ấy, nên quan dân phải phục.

Đêm sau nhập cung ông Trịnh quốc Anh tức là Đức Tắc ngủ ở trong cung nằm chiêm bao thấy vong linh các vị tiên đế hiện tới cầm gương vĩa xua đuổi ông Trịnh quốc Anh và phán rằng:

– Nơi này ngươi không đáng ngụ, phải đi chỗ khác!

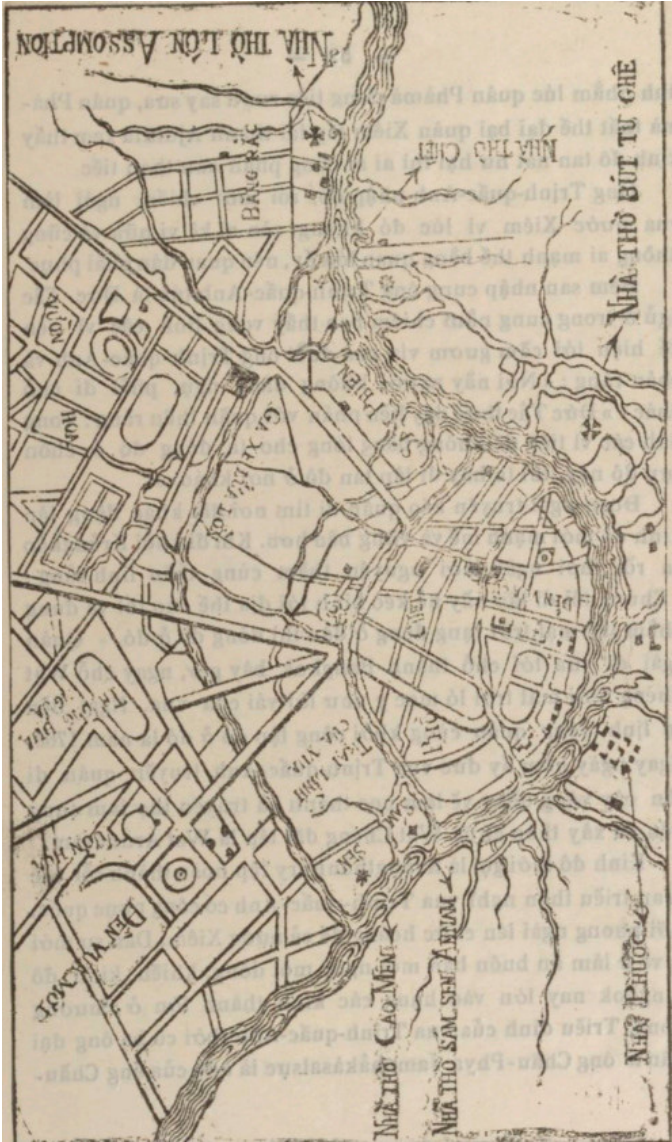
Đức Tắc thức dậy liền phán với quần thần rằng:

– Vong linh các vị tiên đế không bằng lòng cho ta đóng đô ở chốn cựu đô này, thì ta hãy đi lập tân đô ở nơi khác.

Đoạn ngài truyền kéo quân đi tìm nơi đất khác dựng lập kinh đô mới mạnh mẽ và vững bền hơn. Khi đi khỏi Krungkáo xa rồi thời ngài mới nguyện thầm cùng thần linh rằng: “Chúng tôi đi lần này để kéo binh tới địa thế nào tốt và đúng nhằm lúc mặt trời rạng đông ở đâu thì đóng đô ở đó”. Quân ngài đi vừa tới chỗ thành Bangkok bây giờ, ngay chỗ Wat Chèng thời mặt trời ló mọc y như lời vãi của vua. Ngài liền hạ lệnh đóng quân cùng khởi công lập đô ở đó là năm 1763. Ngay ngày hôm ấy đức vua Trịnh quốc Anh truyền quân đi đốn cây vòng đồng về làm nọc thành và truyền thợ làm cung điện và xây tháp chùa Wat Chèng đặt tên là Wat A-rư-nă-ram.

Kinh đô mới gọi là Krungthônbury lập hoàn thành rồi các quan triều thần nghĩ vua Trịnh quốc Anh có công phục quốc, mới phong ngài lên chức hoàng đế cả nước Xiêm. Dân sự mới tụ về ở làm ăn buôn bán mỗi ngày một đông, khiến kinh đô Bangkok nay lớn vào hạng các kinh thành lớn ở Phương Đông. Triều đình của vua Trịnh quốc Anh thời có ba ông đại thần là ông Châu-Phya Jamahákasatsúc là anh của ông Châu-Phya Jasurasi và một người cháu của hai ông Châu Phya ấy. Người cháu hai quan lớn này thì được vua yêu dùng lắm.

Lúc ấy ở bên Annam, quân Cao Mên phải phục quyền cai trị Annam, nổi loạn giết quan



cai trị Annam và mưu việc phục quốc. Đại Nam Hoàng đế bèn sai quan mã binh Nguyễn Hữu Thoại và em người lãnh đại hùng binh lên dẹp giặc Cao Mên; vua Cao Mên hoảng hốt mới chạy sợ qua Xiêm cầu cứu. Hoàng đế Xiêm La là Trịnh quốc Anh bèn sai quan đại thần là Châu Paya Jamahākāsatsuc, người Annam kêu trống là Chấtkri đem binh qua chiến cứu nước Cao Mên. Khi ông Chấtkri đi rồi thì hoàng đế lại sai một vị hoàng tử con ngài cầm một đạo binh khác theo giúp nữa. Bởi đó hai đạo binh Xiêm đi hai ngả kéo qua đánh quân Annam để cứu nước Cao Mên. Đạo binh của hoàng tử đi ngả trên còn đạo binh của quan lớn Chấtkri đi ngả dưới đã tới ráp trận với quân Annam rồi.

Khi đó quan lớn Xiêm là Châu-Phya Jamahākāsatsuc kêu tất là Chấtkri thấy quân Annam mạnh thế quá và nghe nói thuở nay quân Annam giỏi lắm thì hơi ghê sợ mới nghĩ rằng: Xiêm Việt xưa nay vô thù vô oán, nay chỉ vì quân Cao Mên làm giặc, mà quân Xiêm phải đấu chiến với quân Annam thời vô lý quá. Quân Annam giỏi nghề binh đao lắm, quân ta vị tất đã thắng nổi họ, thôi chi bằng mình giải hoà với họ là hơn. Nói cho thật thì xưa kia quân Xiêm đã sáp trận với quân Annam nhiều lần rồi và cũng đã thua nhiều trận rồi. Quan lớn Châu-Phya Chấtkri bèn hội chư tướng lại bàn việc giải hoà với quân Annam thì binh tướng đều bằng lòng,

ngài mới sai sứ đem thư qua mời quan Nguyên soái Annam qua đồn Xiêm nghị việc giải hòa.

Quân Annam do quan Nguyên soái Nguyễn Hữu Thoại cầm binh đóng đồn tại La Bích địa phận Cao Mên, binh bộ hơn ba ngàn người, binh thủy hơn một trăm chiếc chiến thuyền khí sắc oai nghi lắm liệt lắm. Được thư mời đi thương nghị thời quan Nguyên soái Nguyễn Hữu Thoại liền phê vào thư nhận lời đi hội nghị không có chút chi lo sợ cả.

Quan phó tướng là em ngài liền can rằng: “Quân Xiêm Mên họ còn man di đa mưu đa trá lắm, chưa biết họ định dùng cách gì mà gạt ta đó, xin ngươn soái chớ đi.” Ngài liền đáp rằng: “Đại trượng phu Nam Việt ta đã ký giấy nhận lời rồi, dẫu có chết cũng phải đi cho rạng mặt anh hùng nước Việt, chớ có chuyện gì mà sợ, vả lại họ đã cầu hòa thời mình cứ đi coi họ xử trí thế nào?” Nói đoạn bèn truyền cho mười tên quân đi với quan phó tướng theo hầu ngài qua đồn Xiêm và không có dự bị quân lính gì khác nữa. Ngài làm ra cách anh hùng, nhưng thiệt liêu quá. Mà cái lòng can đảm liêu lĩnh ấy lại làm cho quan quân Xiêm phải kính nể sợ hãi hơn nữa.

Bên quân Xiêm được tin quan Nguyên soái Annam qua dự hội thì hai anh em quan Châu-Phya-Jamahatsuc và Châu-Phya-Jasurasi ra nghinh tiếp quan Annam vô dinh đãi yến trọng thể và hai đảng đều bẻ mũi tên thế lập tờ hòa

ước La-bích là năm 1781. Cứ tờ hòa ước La-bích thì Xiêm Việt hai nước giao hảo đời đời nghĩa thiết; hai bên không được đánh nhau, mà có nước nào xâm phạm thì phải giúp nhau. Quyền bảo hộ nước Cao Mên xin nhường cho nước Annam. Sau hết thì anh em ông Châu-Phya-Jamahatsuc có mật ước với anh em ông Nguyễn soái Nguyễn Hữu Thoại rằng: từ nay trở đi quân Xiêm sẽ bình vực người Annam ở bên Xiêm, dẫu mà vua Trịnh Quốc Anh kêu là Đức Tắc có trở lòng ức hiếp thời hai anh em ông Châu-Phya-Jamahatsuc sẽ tận tâm che chở hản hoi. Rồi đó quan Nguyễn soái Annam trao gươm cho ông Châu-Phya-Jamahatsuc mà đổi lấy lá cờ Xiêm đem về đồn Annam làm tin.

Từ khi Xiêm Việt hai nước giao hảo trở đi và nhờ dòng Chattri tức là dòng ông Châu-Phya-Jamahatsuc làm vua nước Xiêm bây giờ, mà người Annam qua ngụ ở bên Xiêm được thông dong làm ăn và vận động tự do. Phải chi đừng có nhờ nước Langsa can thiệp vào việc Xiêm Việt thì hai nước Xiêm Việt đã trở nên bạn hữu thiết nghĩa. Hiện thời người Xiêm với người Việt tình ý ăn hạp với nhau lắm, ký tờ hòa ước rồi, thì hai nước kéo binh về bằng an và lúc sau thì đã thấy khi thì nước Annam giúp nước Xiêm dẹp giặc, khi lại thấy nước Xiêm giúp nước Annam phục quốc, như trong sử ký Xiêm đã nói về lối đầu thế kỷ thứ mười chín.

Sau khi ký tờ hòa ước La-bích thì nước Xiêm có nội loạn. Nhiều vị hoàng phái cựu trào và quan lớn người Xiêm không chịu phục vua Trịnh Quốc Anh vì ngài là người Chêc Triều Châu, nên đã ghe phen nổi dậy làm phản, kết cuộc lại thời anh em ông Châu-Phya-Jamahàsatsúc toàn thắng, cùng đã lên ngôi trị vì và lập ra dòng Chấtkri ngày nay đó!” Chị Kùlạp Tê-rê-xa nói tắt quá nên em phải hỏi về việc hai anh em Chấtkri rằng: “Hai anh em quan lớn Chấtkri làm sao mà đuổi được vua Trịnh Quốc Anh đi, mà kế vị?” Cô Kùlạp bèn đáp rằng: “Đó là một cái cơ hội may mắn và rất nguy hiểm, nhưng khi nên trời cũng chiều người, vì thế mà dòng Chấtkri ngồi vững ngai vàng đến ngày nay. Câu chuyện nó như vậy: Trong năm 1781 có người quan Xiêm kia khởi nghĩa binh đặng phục ngôi vua Xiêm lại cho người Xiêm, mới dấy binh đánh trả nhà vua Trịnh Quốc Anh, thời vua sai ông Phya-Vang-sán đi dẹp loạn, không ngờ ông Phya-Vang-sán lại là em của quân giặc, luôn dịp tốt anh em họ mới hiệp nhau mà đánh rút tới thành lình làm cho vua Trịnh Quốc Anh trở tay không kịp, phải bại trận.

Khi đó thời hai anh em ông Châu-Phya-Jamahàsatsúc và Châu-Phya-Jasurasi đóng đồn đầu ở ngoài Chantaboun hay là còn ở đầu bên tỉnh Hà Tiên nước Annam, không có ở tại trào và cũng không hiểu hai ông ấy đã làm việc gì mà

vua Trịnh Quốc Anh đã hạ lệnh giam gia thất hai ông ấy và nhiều vị quan lớn khác. Hai quan lớn này người Annam quen gọi là Chấtkri và Sôsi là hai vị yếu hơn ở trong sử ký quận Hà Tiên của ông Mạc Cửu hay nói tới đó. Vậy khi hai anh em quan Châu-Phya-Jamahâsatsuc nghe tin nước nhà có nội loạn và vua Trịnh Quốc Anh đã bại trận, thì kéo binh về đánh thêm nữa.

Quân của hai anh em ông Chấtkri về đóng tại chùa Watkhônkêu hay là Watthapphanai còn cháu của hai ngài thì đóng binh tại kinh đô nơi chùa Wattâmpư kêu là Watxàngsôngklan. Vua Trịnh Quốc Anh thua trận thì trốn ở trong chùa Wat-Bangjirua. Hai anh em quan Châu-Phya-Jamahâsatsuc về tới kinh thành thì căm giận đức vua Trịnh Quốc Anh lắm, nên đã sai quân kiếm vua mà giết đi cho đã nư giận. Quan giám sát đến chùa mà bắt vua ra giết thì vua phán với ông ấy rằng: “Xin cho trăm gặp mặt ông Chấtkri một chút, rồi có hạ sát, thời trăm cũng an tâm.” Quan giám sát nghe vua nói mùi lòng quá nên đã đem vua đi tìm ông Chấtkri như vua muốn.

Ông Chấtkri thấy vua ngự đến liền khoát tay biểu quan giám sát đem ngài mà chém đi cho rồi, chớ còn vua tôi chi nữa mà gặp. Quan giám sát liền đem vua Trịnh Quốc Anh đến rạch Klong-băng-kokjài nay kêu là Klong-băng-luăng, dẫn vô chùa Watbangjirua mà hạ thủ.

Phần quan Phya Vang-sán đã làm loạn đánh

đuổi vua Trịnh Quốc Anh, thì bị khép vào án loạn thần mà phải giết chết. Vợ con dòng dõi của vua Trịnh Quốc Anh đều phải chết theo vua. Còn ông hoàng tử trước kia đã đem binh ra chiến cứu nước Cao Mên thời bị quân Cao Mên giết chết, thế là rồi đời mười tám năm phục quốc của vua Trịnh Quốc Anh!

Đức Tác là vua Trịnh Quốc Anh chết, nhưng tiếng ngài phục quốc đánh đuổi quân Phà-mà vẫn còn và việc ngài đã làm xưa như là việc lập thành Bangkok người Xiêm kêu là Krungthôn-bury nghĩa là trung đô bền vững, người Annam kêu là Cổ lạc thành và người Chêc kêu là Vọng Các là ngụ theo ý Đức Tác lúc ngài nằm chiêm bao thấy các vong linh vua Xiêm đuổi ngài, không cho ngài ở tại cựu đô Ajuthia, chớ thật thì vua Trịnh Quốc Anh nghĩ cựu đô Ajuthia gần nước quân Phà-mà hằng bị xâm phạm luôn, lại địa thế không tốt, nên mới bịa ra điểm chiêm bao đặt lấy có mà lập đô mới tại chỗ Bangkok này là nơi có địa thế tốt, lại gần cửa biển Pak-nam và gần đồn Xonlaburi (Bangplasai) là nơi Đức Tác đã lập thành lũy kiên cố đến nay vẫn còn di tích ở đó.

Vua Trịnh Quốc Anh đối với nhà vua Chátkri cũng như quân Tây Sơn Nhạc Huệ đối với nhà vua Gia Long của chị vậy nên em không có thể nói rõ sự tích của họ cho chị nghe đặng. Khi nội loạn đã hết, vua Trịnh Quốc Anh đã chết rồi, thì

anh em quan mã binh Châu Phya Janahásatsự mới hội quần thần lại đặng tước vị phong vương. Ông Châu Phya Jamahásatsự tức là Chátkri lên ngôi chánh hoàng đế lấy niên hiệu là Sômdệt Prạ Jotfáchulalók gọi là Vang Luăng tức là Rama I; ông Châu Phya Jasurôsi tức là Xôxi làm vua nhì lấy niên hiệu là Sômdệt Maha Prạ Ratxavang bôvông kêu là Vang nà tức là Rama II; còn cháu của hai ngài thì làm vua ba lấy niên hiệu là Sômdệt prạ Rátxà kêu là Vang-lăng. Nhà nước mới lập lên hai tòa cung điện ở phía mặt trời mọc bên tả ngạn sông Châu Phya Ménam, một ngôi cung điện chánh cho vua nhứt kêu là Vang Luăng; một ngôi cung điện nhì cho vua nhì kêu là Vang nà. Phía mặt trời lặn bên kia sông Châu Phya thì lập một ngôi cung điện cho vua ba kêu là Vang-Lăng. Thời nay quyền cai trị trong nước đều thuộc về một tay vua nhứt là vua cả nước Xiêm, còn mấy vị vua nhì vua ba thì để giúp việc triều chánh chớ không có quyền chánh trị và ngoại giao với các nước.

X

LINH ĐỊNH ĐẤT KHÁCH, QUÊ NGƯỜI, LÀM CÔNG CÙNG GIỎI, LÀM THẦN CÙNG XONG!

Em nghe nói người An-nam đang sung vào cơ
lính ngự lâm pháo thủ thời hỏi chị Kù-lạp
rằng: “Hồi nãy chị nói người An-nam trai tráng
đều sung quân làm lính Xiêm đang ông hoàng
Luối-Đen phò hộ sao đó, thời chị hãy nói cho
em nghe với.”

Cô Kù-lạp sửa soạn nói, thì cô Sa-ra bưng lên
một đĩa bánh đậu xanh và bánh phục linh mời
chị em em mà rằng: “Mời má với hai chị dùng
thử ít cái bánh thanh tâm và phục linh này và
uống với em một chén trà định trí cho tron
giọng mà nói chuyện cho vui.”

Em tiếp lấy một cái bánh phục linh cầm ăn lại
sực nhớ tới câu chuyện bánh bao của cô mỹ nhon
kia đã hầu chuyện với mấy bà quan hôm nọ, liền
bực cười phun cả bột bánh ra áo, cô Da-ra thấy

liền hỏi: “Chị Hồng Hải Đường có chuyện chi vui lắm sao mà cười riêng một mình vậy?”

Em lật đặt đáp: “Xin lỗi mấy chị, em vì nghĩ tới câu chuyện bánh bao của nàng mỹ nhân kia mà tức cười, nhưng xin để rồi em sẽ thuật chuyện lại cho quý chị nghe, nay xin để cho chị Kù-lạp nói cho dứt câu chuyện An-nam cũ đã, xin quý chị miễn chấp.”

Cô Kù-lạp liền uống một hớp nước rồi nói rằng: “Lúc ông bà em đến xứ Xiêm thì nhằm đời vua Rama III là dòng thứ lên quyền vua thế cho Đông Cung Thái tử dòng chính còn nhỏ quá trị vì chưaặng. Mà khi Đông Cung khôn lớn thì vua Rama III không chịu trả ngôi cùng làm vua luôn ba mươi năm; nên ngài đã đi vô chùa tu rồi sau cũng lên ngôi là Rama IV đó. Ngài có một người em giỏi nghề binh và lúc ấy làm quan thống chế coi hết các đạo binh lính của Xiêm là đức ông Luối-Đen tên hiệu là Sômdet Pră Ph-linkhlào. Đức ông Luối-Đen này tánh ưa nghề võ lắm. Khi ông bà em an cư lạc nghiệp rồi, thì đức ông Luối-Đen mới biểu người An-nam lập lính, thời lựa người trai tráng từ hai mươi tuổi sắp lên được hơn hai trăm người, bèn phân ra làm hai đạo binh tiền và hậu. Dân An-nam bấy giờ là con nhà võ, nên tập lính giỏi và lanh lẹ dạn dĩ lắm. Đức ông Luối-Đen có lòng yêu mến lắm, ngài thấy lính An-nam tập lính bộ giỏi, mới biểu tập nghề pháo thủ bắn đại bác thời lính ta cũng

được toàn tài khôn khéo, khiến đức ông càng yêu càng phục hơn nữa

Lính An-nam khi giờ rảnh lại chăm bề tập luyện nghề võ An-nam của mấy ông võ sĩ An-nam truyền dạy cho đủ cả mười tám phép quyền bổng và ba mươi hai cung biến hóa. Các món siêu, đao, côn, trượng và roi, kiếm; thời ông bà em giỏi lắm, khiến danh anh hùng Nam Việt đã lừng lẫy khắp đất xứ Xiêm làm cho vua quan thiên hạ ai ai cũng đều khen ngợi kính vì thầy thầy.

Cơ lính An-nam bấy giờ là một đội tinh binh hạng nhứt của nước Xiêm. Nhon thấy đức ông Lưỡi-Đen muốn tập lính theo phép kim thời, Đức cha Gioang mới đem người bếp của ngài là ông Lamát dâng cho đức ông Lưỡi-Đen để giúp việc tập lính vì ông Lamát trước có làm «Sơn-đá» Langsa. Đức ông liền thu dụng và giao cho ông Lamát tập thêm một đạo binh An-nam nữa vì người Annan dễ dạy và mau hiểu lắm.

Ông Lamát được trọng dụng liền thăng chức quan Khùn Luâng tạng prathét lãnh việc tập lính Annan theo phép Lang-sa, ông ấy cử tiếng Lang-sa mà tập gói oách, on, đơ, chi chi đó làm cho ông bà em đã phải học tập vất vả lắm. Cử tăng sáng thì xuống trường tập lính, chiều tối về nhà lại phải xay lúa, gánh nước, giã gạo thiệt là mệt nhọc quá. Đàn bà ở nhà thì lo nấu ăn, nuôi heo và đặt rượu bán, công việc cũng nhiều, nhưng ai

nấy cũng đều an cư lạc nghiệp. Trong xóm thời hòa thuận đồng tâm, kẻ trên biết thương người dưới, kẻ dưới biết kính nể người trên, khiến quan dân ai ai cũng kính trọng yêu vì, lính tráng Xiêm Chệc không hề dám đến xóm An-nam mà phá phách chọc ghẹo tới con gái An-nam; thuế vụ khỏi đóng; trăm việc đều có đức ông Lưỡi-Đen bầu chữa.

Bấy giờ Đức ông Lưỡi-Đen mới dọn về nơi cung điện cũ của vua Trịnh Quốc Anh trước mà sửa sang lại ở. Đạo binh An-nam thì có ba toán chia ra trung quân có quan chánh binh An-nam hiệu là Pră Bănglư Sin khanát tức là ông Học; tả tiền quân thì quan Khùn Phápsathuận tức là ông trùm Thới là rể quan lớn Pră Bănglư Singkhanát; hữu tiền quân thì quan Khun Phên-sathan tức là ông Chắt là cháu quan chánh binh; hậu quân thì quan Khùn Prasit Sa-rachak tức là ông Huấn. Dưới các quan này thì có hàng phó tướng cai đội đều là người An-nam.

Lính An-nam được nhà nước Xiêm trọng đãi lại có quan thầy quyền thế nữa, thì hơi lên nước lớn một chút; như có lần kia có quan Thượng thư đại thần oai thế lừng lẫy khắp trong châu ngoài quận là đức ông Sômdệt Chầu Phya Jaônggiai. Ngài là quan bầu chủ của dân Chệc, nhờ thế ngài mới vô buôn bán ở xứ Xiêm cùng lập nghiệp tại thành Bangkok,

Quan lớn ấy ăn mừng ngày sanh nhật của ngài, nên tại dinh ngài có trần thiết rục rỡ và

bày ra đủ cuộc vui chơi hát xướng Xiêm Chệc, có hát người hát khi đủ cách. Cuộc lễ này cụ thể lắm, thuở nay chưa từng thấy vui vẻ nào nhiệt như vậy! Trong ba ngày lễ ở dinh quan lớn đã nên cảnh phiên ba đô hội. Lính An-nam ta cũng tới coi hát tuồng Xiêm của bạn nữ bang đóng tuồng đẹp dễ lắm. Cái nghề lính hể quá chén vào thời hay say sưa vất vả thấy ai gheo nẩy, gặp đâu phá đó. Mấy chú lính say vào dinh quan lớn coi hát rồi chọc gái sao đó bị lính canh ví bắt, mới ra oai đánh trả làm náo động cả dinh quan lớn, ngài bèn truyền lệnh bắt. Lính An-nam đâu chừng năm sáu chú cụ không lại cả toán quân tuần, mới phải bắt cầm ở hậu dinh quan lớn.

Lúc đó một chú lính trốn lộn liền chạy về đồn mình phi báo với quan ta rằng: lính mình đi coi hát ở dinh quan thượng bị chúng ăn hiếp rồi lại bị quan lớn bắt giam nữa, thiệt là oan ức xấu hổ quá và cũng chưa biết mấy anh em họ bị bắt nay sống chết thế nào nữa; làm cho quan ta tức giận mới vào bẩm với Đức ông Luối-Đen xin ngài mau hạ lệnh đem quân qua cứu mấy tên lính kia phải mắc oan kéo thiệt mạng. Đức ông Luối-Đen nghe nói lính của mình bị nhục thì cũng nổi giận phùng phùng, ngài mới truyền lệnh cho các võ sĩ tựu lại hết và phải nai nít khí giải hãn hoi đặng xuống chuyển thuyền qua dinh quan Thượng buộc quan lớn Thượng phải mau mau đem mấy tên lính An-nam ra trả, không thì phá tan hoang dinh ngài đi.

Được lệnh trên, lính của ta mới cử binh đi và quyết làm dữ cho đã nư giận. Họ bơi chiến thuyền và đi và hò hét vang rầm, như là binh tướng gần xáp trận vậy, làm cho hai bên sông thiên hạ đều hoảng vía kinh hồn tưởng là giặc đầu kéo tới. Khi nghe rõ việc lính An-nam tính đi phá dinh quan lớn Thượng, thì ai ai cũng khiếp vía sợ hãi và chắc sao quân lính này cũng làm dữ chó không chơi. Lính canh thấy quân An-nam rần rần rộ rộ kéo cả đạo binh đến thì chạy vô phi báo cho quan lớn Thượng biết, ngài liền truyền lệnh rằng: “Bay đem mấy tên lính An-nam giam ở trong dinh ra đây đợi họ tới thì trả cho yên chuyện, chó quân họ hăng lắm đó, hồi nãy chúng nó có vài tên mà dám cự lộn với cả binh ta, nay chúng nó kéo cả cơ binh qua, thời không chơi đâu. Ta cấm không ai được xạo sự làm rộn mà sanh sự nguy biến đó.”

Ngài truyền lệnh rồi liền ra nhà tiệc ngồi đợi đó. Quân lính An-nam kéo tới bến bên thoi giọng hò khoan. Các quan binh An-nam liền truyền thổi kèn thân binh, đoan nhảy lên bến cách điệu oai nghi lắm. Lính cứ thứ tự kéo lên sắp hàng tư trước dinh quan lớn thượng. Một nửa lính thì vây ngoài thành, một nửa thì kéo thẳng vô thành đến ngay chỗ nhà hát nhà tiệc họ đi có thứ lớp lắm. Người ta coi hát liền rẽ ra cho họ đi vào cách oai nghi vạm vỡ. Kèn binh thì cứ thổi thúc binh xáp trận.

Quan lớn Thượng xem thấy ngài sững sốt và lật đật phán rằng: “Việc này ta không hay nay lỡ việc rồi mới rõ, vậy ta xin các quan binh hãy trở về tàu với Đức ông rằng: Mai sáng ta sẽ vào châu ngài, nay khuya quá, ta không dám phiền ngài. Năm tên lính An-nam này đây ta giao cho các quan binh đem về luôn thể.” Các quan An-nam bèn làm nhún bả rằng: “Bẩm quan lớn Thượng, mấy tên lính này có tội thì xin quan lớn Thượng cứ truyền giữ chúng nó lại đây, để chúng tôi trở về bẩm lại với đức ông Toàn quyền hay cũng được.” Quan lớn Thượng liền châu mày mà rằng: “Xin các quan binh chớ phiền, việc nó đã lỡ rồi, phải chi ta hiểu rõ từ lúc ban sơ, thì có đâu ra vậy, thôi các quan binh hãy vì ta mà bỏ êm câu chuyện và lãnh mấy tên lính này về đi.” Các quan ta mát ruột mới bái tạ quan lớn Thượng, rồi thu binh kéo về, lúc về cũng cứ thổi nhạc nhà binh và hò hét như trước.

Đến bến các quan liền vô bẩm cho Đức ông Luồi Đen biết rằng quan lớn Thượng đã thả lính An-nam ra rồi và hứa ngày mai ngài sẽ vô châu Đức ông. Đức ông Luồi-Đen mới phán rằng: “Ta tưởng là nó làm ngang không giao trả lính của ta, chớ nó đã trả rồi thì thôi.”

Sáng ngày quan lớn Thượng đến châu Đức ông và tạ rằng: “Sự đêm hôm qua chúng tôi không rõ, sau lỡ chuyện rồi mới hay, vậy xin Đức ông rộng tình thương xót.” Đức ông Luồi-Đen bèn phán rằng: “Việc xảy ra mà quan lớn

Thượng không rõ thì thôi, ta cũng đại xá đi cho. Quan lớn Thượng cũng nên nhớ rằng: tên lính là hạng vô danh tiểu tốt, nhưng nó là người cứu mạng cho nước nhà trong buổi giặc giã, và bình thường thì nó canh giữ trật tự cho ta được an nhàn; ta phải coi nó như con cái yêu dấu mới phải, chớ đâu ta lại ăn ở lạt lẽo ơ hờ với nó, thời sao cho đáng phận mình làm cha mẹ dân!

Vả lại lính An-nam là lính tin cậy của nhà nước Xiêm, nó rất trung thành tín nghĩa, vậy quan lớn Thượng hãy nên thương yêu chúng nó với.”

Việc như vậy mà chưa ai hiểu rõ là lỗi về ai nên câu chuyện vẫn im lặng như thường, sau mấy chú lính rắn mắt đó đi uống rượu say nữa và trong lúc quá chén mấy chú họ mới nói lẽ với nhau chơi, họ đem việc say rượu chọc gài ở dinh quan lớn Thượng ra mà nói phách, rồi lính tuần nghe đảng về bẩm với quan chánh binh rõ mọi sự, ngài mới truyền đem sáu chú lính đã gây ra việc náo động xưa đó ra thưởng cho mỗi chú năm chục hào, khiến thịt văng máu chảy, làm cho mấy chú từ rày trở đi hết còn say nữa. Xóm An-nam bấy giờ được tiếng tốt là nhờ có các quan An-nam khéo bề cai trị và dạy dỗ dân lành, khiến người người đều coi nhau như anh em ruột một nhà vậy.”

Em nghe nói người Chệc lúc ấy mới vô xứ Bangkok không được bao nhiêu mà sao ngày nay thấy họ hàng hà sa số thì hỏi chị Kù-lạp rằng:

XI

LẬP CÔNG TY, NHÓM THIÊN ĐỊA HỘI, RA OAI LÍNH AN-NAM DẸP GIẶC TÀU

“**C**hị nói người Chêc lúc ấy ở kinh thành Bangkok chưa có là bao nhiêu, sao mà em thấy buổi này họ đông hơn kiến cỏ vậy chị? Họ đã làm được sự gì ở xứ Xiêm này?” Cô Kù-lạp liền đáp: “Đời vua Trịnh Quốc Anh trị vì thì người Chêc qua ngụ xứ Xiêm đã đông rồi, nhưng họ ở các nơi tỉnh lỵ khác buôn bán làm ăn, còn ở tại Bangkok, thời chưa có mấy người.

Người Chêc đi đâu thì họ cũng vẫn quen thói lập hội buôn bán kêu là công ty. Ở xứ Xiêm này lúc ấy họ thấy thế người Xiêm yếu, họ mới lập ra một hội thương lớn cả buôn bán, cả làm giặc; kêu là Thiên địa hội hay là tua công xi nghĩa là hội lớn hơn hết. Họ góp tiền vốn nhiều, buôn bán lớn và giúp đỡ nhau hản hời lắm.

Buổi ấy ở tỉnh Péttriệu họ đã lập được phe đảng lớn và thừa thế họ đã nổi loạn cướp thành

và giết các quan tỉnh. Khi só về tàu vua, thì đức ông Lưỡi-Đen cho đòi các quan binh An-nam đến mà phán rằng: “Nay quân Chệc ở Pétriểu khởi loạn giết quan cướp thành, thời các quan hãy vì vua vì nước Xiêm mà sửa soạn binh mã khí giới, kíp đi chiến cứu tỉnh Pétriểu và trừ quân hung đảng đi cho hết.”

Ngài lại truyền lệnh cho binh tướng kéo đi như vậy: “Đạo binh súng lớn đại bác thì đi tàu buồm chạy thẳng vô cửa Bangprakong, đạo binh súng nhỏ thì đi ghe vô ngã kinh Sênsêp mà tới vàm Bangkhanăklong cứ đảng xuôi nước mà xuống. Binh bộ thì đi ngã Sapathum nhắm ngay Pétriểu đánh tới.

Nội trong ba ngày thời binh bộ binh thủy gặp nhau gần Pétriểu bèn hiệp nhau vây thành cả đánh quân Chệc đại bại, rồi kéo binh vô nhập thành là lúc canh tư bắt được quân Chệc kẻ thì đang đi cướp phá của dân, kẻ thì đang còn ăn uống vui say vất vả, quân ta giết vui, họ chết như rạ và chạy trốn tứ tán. Những quân Chệc bạo dạn hơn hết thì đã liều chết mà đánh với quân ta luôn mấy ngày đêm tiếp một cách hung dữ vô cùng, quân An-nam cũng đã hết sức chống cự và nhờ là quân thiện nghệ nhà binh có tập tành võ nghệ lại bắn súng giỏi lắm, nên quân Chệc chết gần phân nửa phải thua, và xin hàng đầu. Quân ta bắt được tù binh và khí giới nhiều vô số. Trận Pétriểu kể ra thời nguy hiểm ghê gớm vì quân

Chệch đông hơn quân ta và ở ngoài thành thì họ có quân cứu viện nhiều nơi kéo tới, mà không làm gì nổi. Bên quân An-nam may không ai bị tử trận, chỉ bị thương hơn ba mươi người, thời một vị phó tướng, bảy ông đội và năm thầy cai, còn lại là mấy bác quyền.

Quân giặc thua chạy rồi, tướng giặc cũng trốn mất, quân An-nam cố đi kiếm bắt mà không biết nó đi nơi nào; sau nhờ lính tuần của ta bắt được một người đàn bà đem đồ ăn cho nó, mới đem quân theo người đàn bà ấy, thì đi tới một cái hầm ở bên góc thành phía mặt trời mọc, có ngạch thông ra tới bờ sông kín đáo và chắc chắn; nếu không có người đàn bà ấy đem đường đi thì không sao biết được. Quân ta phục binh rồi áp xuống hầm đi riết tới chỗ tướng giặc trú, thì thấy ba người đầu đảng giặc đang hút a phiến, còn lim dim giấc mộng phù dung, liền bắt trói đem về tra xét, thì vợ của tên đầu đảng ấy là con gái của quan trấn tỉnh Péttriếu nó đã bắt cướp.

Đẹp giặc rồi quân ta mới khởi hoàn về kinh đô tàu qua mọi sự cùng đem nộp ba tên đầu đảng với bốn trăm tên giặc đã bắt sống được; vua quan đều khen ngợi vô cùng. Đức ông Lưỡi-Đen mới đi viếng những kẻ bị thương tích thời thấy người đứt chùn, kẻ cụt tay, người bể đầu, kẻ lủng bụng rất nên cảm thương; Đức ông bèn mở lời khen và an ủi rằng: “Vì nhà nước Xiêm ta mà các người phải khó nhọc cùng thương tích

nguy hiểm như vậy thì ta lấy làm động lòng và biết công đức của các người lắm. Ta ghi công cho các người, các người hãy an dưỡng bằng an.” Rồi ngài lại căn dặn quan chánh lãnh binh ta phải ân cần săn sóc cho kẻ bệnh mau lành đã, đoạn đức ông vào triều tâu cho đức vua biết rõ công nghiệp dẹp giặc Péttriệu của quân lính An-nam, thì vua Xiêm ban lời khen ngợi và ban thưởng các hàng quan quân của ta cùng truyền đem quân giặc ra bắn chết hết. Đức ông Lười-Đen bấy giờ thấy con trai An-nam lớn lên đã khôn, nên ngài truyền mộ ra lập thêm một cơ lính thủy An-nam nữa và tạo thành hai chiếc tàu binh đặt tên là Phya Mô và Phya Jam với đóng hai chiếc tàu tuần nhỏ kêu là Bua phòm bề dài mười thước để đi tuần ngoài cửa biển, vì lúc đó ở biển ngoài có quân giặc tàu ô của Chệc gọi là Phuócsalát hay cướp phá những ghe tàu buôn đi ngoài biển khơi.

Lính An-nam làm binh bộ đã giỏi, mà làm lính thủy lại càng giỏi hơn nữa. Hai chiếc tàu tuần do lính An-nam cai quản đã làm cho quân giặc biển kinh hồn khiếp vía. Hễ tàu tuần gặp tàu ô quân giặc, thì quân giặc chạy đằng trời cũng không khỏi chết.

Quân thủy của ta đã trừ nổi cái đám giặc biển và đã bắt được tàu bè của giặc đặng của cải nhập kho nhà nước rất nhiều. Nhờ quân ta mà các bạn buôn ghe ở Chantaboun cùng nhiều nơi khác đi

về Bangkok khỏi phải trốn vợ già con mà đi như thuở trước nữa; nghĩa là được đi vững vàng khỏi nguy hiểm trộm cướp như xưa.

Chỗ giam quân hải tặc là nơi sau lưng Wat Phô và chỗ nhận chìm các tàu ô của giặc đã bắt được là nơi Wat Prache đi ngang nam. Đức ông Luôi-Đen thấy quân An-nam tài nghệ xuất chúng lại tánh khí anh hùng thì thương mến vô cùng. Ngài tin dùng ông bà em lắm, nên đã tâu vua thâu hết súng đạn khí giới các nơi đem về trữ tại đồn quân lính An-nam giữ. Khi ngài lo sắp đặt mọi sự binh bị thời vua Xiêm là đức Sômdệt Prănăng lao tức là vua Rama III lâm trọng bệnh, Đức ông Luôi-Đen lo hầu hạ và thuốc men cho ngài, khi thấy ngài bệnh càng ngày càng trọng thời các cung điện nhà vua tính mưu việc kế vị truyền ngôi cho hoàng tử con ngài, chớ không nghĩ tới việc trả ngài thiên tử lại cho dòng chánh là đức ông Đông cung thái tử đang tu sâu ở chùa.

Vậy khi vua Rama III lâm trọng bệnh thì ở triều đình nước Xiêm đã phải một cơn bối rối khó bề xử trí. Nếu không có đức ông Luôi-Đen và quân lính An-nam ta dựa vào, thời chưa biết công việc bấy giờ đã ra làm sao rồi.” Em nghe vậy liền hỏi phẳng tới rằng: “Vậy người An-nam làm sao mà dựa vào việc triều chánh đặng?” Cô Kù-lạp đáp rằng:

XII

HỘ GIÁ HÒA THƯỢNG LÊN NGÔI; AN-NAM BẮN ĐUA VỚI TÀU BINH PHÁP

“Khi nghe tin các cung điện nhà vua muốn chuyên quyền đoạt ngôi dòng chánh mà định phong hoàng tử thay cho vua Rama III, thì đức ông Luồi-Đen liền đem binh lính An-nam ta nhập vào thành nội cù bị các đồ binh khí cùng súng đạn lớn nhỏ, như là gần phải xáp vào trận, đứng chờ xem tin tức nhà vua ra sao.

Ngài được tin vua băng và nghe rằng: các cung điện muốn tôn hoàng tử lên thế vị, thời ngài phán với các quan binh An-nam rằng: “Quan chánh binh Prặ bằng lu singkanạt tức là ông lớn Học hãy đòi các quan chánh phó tả hữu các đạo An-nam nhóm lại mà đợi khẩu hiệu ta, hễ thấy trong cung có bóng lồng đèn kiến đỏ rọi ra, thì các người thúc binh bắn súng đại bác chỉ ngay vào nơi cung điện.” Phán rồi đức ông Luồi-Đen bèn đi thẳng vào nội điện có hai quan phó

tướng An-nam theo hầu cách oai nghiêm lắm. Vô tới nội cung thời bà quốc mẫu, ông hoàng tử và các cung điện liên hiếu ý đồng đem ngọc ấn, gương vía và các đồ ngự triều mà nạp cho đức ông Luồi-Đen, để tùy ý ngài liệu định. Đức ông bèn phán rằng: “Ta tưởng rằng không giao gương ấn, chớ đã giao lại rồi, thời mọi sự đều bằng an cho chúng ta thấy thấy.” Nói đoạn Đức ông liền trở ra truyền lệnh cho quân lính phải phân ra hai đạo binh một phần thì ở giữ đó, một phần thời đi lên chùa Watbovonivết rước hoàng huynh của ngài về đăng phong vương ngay đêm ấy. Lính An-nam bèn vâng lệnh kéo đi rước đức ông hoàng huynh còn đang tu sĩ ở chùa về ngay lập tức. Quân ta hộ giá rất cẩn thận và gan dạ lắm, chớ không thời đâu đã được toàn hảo như vậy!

Hộ giá đức ông Thái tử vô cung rồi thì đức ông Luồi-Đen liền biểu ngài cởi bỏ áo sái đi cùng phong ngài lên ngôi vua nhứt lấy niên hiệu là: Sômdệt Prạ Chomklào tức là vua Rama IV dòng Chătkri, kế đó vua và triều thần cũng phong đức ông Luồi-Đen lên làm vua nhì lấy hiệu là Sômdệt Prạ Plinklào. Hai ngài lên làm vua thời dân An-nam ta và con nhà giáo hữu vui mừng biết dường nào mà kể cho xiết. Hai anh em đức ông Luồi-Đen lên làm vua thì tâm đầu ý hợp lắm, anh phán thì em nghe, em tuân thì anh chuẩn, thiệt là anh em hòa thuận ít có lắm.

Bấy giờ đức ông Luồi-Đen mới lo tu bổ các

ngạch nhà binh ra thứ lớp chỉnh tề mạnh mẽ. Quân lính An-nam lúc ấy lại được phần chí anh hùng, ra tài tinh xảo và giỏi nghề bắn súng lớn đại bác, súng cối xay súng nhỏ và súng tay. Lính An-nam có tài sai khiến các vị thần công khiến viên đạn bắn bia chỗ nào thì tin ngay vào chỗ ấy, khiến cái danh tiếng bắn súng giỏi của người An-nam ta lưu đến ngày nay vẫn còn lừng lẫy. Có chuyện sau này làm chứng sự tài giỏi của con nhà An-nam là vài năm sau đức vua Rama IV lên ngôi, thời có một lần nhật thực lạ lắm, các nhà thiên văn nói rằng, mặt trăng sẽ nuốt mất mặt trời trong hai giờ đồng hồ, mà muốn coi cho rõ thời người ở Bangkok phải ra ngoài cù lao Chan xem mới thấy rõ, vậy luôn dịp có tàu binh của người Langsa đến chơi nước Xiêm, các quan Langsa mới mời vua Xiêm ngự ra ngoài cù lao Chan để ngự xem nhật thực và tàu binh Langsa luôn thể.

Đức vua Rama IV còn bán tin bán nghi, ngài mới truyền cho vua em là Đức ông Luối-Đen thay mặt ngài ra ngoài cù lao Chan xem thử. Vua nhì là đức Sômdệt Pră Plinklào bèn hạ lệnh cho các quan binh An-nam kéo súng đại bác xuống trấn thiết hai chiếc tàu binh Xiêm Phya Mô và Phya Jam đăng ngài ngự ra tiếp quan binh nước Langsa và đi coi nhật thực. Lúc vua nhì ngự xuống tàu thì quan binh An-nam ra hiệu bắn mười hai tiếng súng rước ngài, rồi kéo neo chạy

ra cửa Paknám. Quan tàu là ông Xuân chức Pră xômpathan, cha khách trú, mẹ An-nam Chant-aboun, tên là bà Đặng người đạo Thiên Chúa. Tàu binh Xiêm ra đến cù lao Chan thời tàu binh Langsa bắn hai mươi bốn phát súng chào mừng.

Quan An-nam coi đạo pháo thủ Xiêm liền truyền bắn ba mươi sáu phát chào lại và cảm ơn quan binh Langsa. Quan Langsa thấy tàu binh bắn súng chào phải phép và bắn lẻ làng chẳng kém chi quân Langsa, thời khen ngợi lắm. Đức vua nhì lấy làm hân hoan, vì ngài không biết rõ phép chào nhà binh, mà quân của ngài đã làm thể diện cho ngài, thời ngài vui lòng lắm. Quan binh Langsa qua mời đức vua nhì ngự qua xem tàu binh Langsa và bắn luôn mười hai tiếng súng chào trọng thể. Quân binh An-nam liền bắn trả hai mươi bốn phát liền thình cách lịch sự lắm khiến người Langsa phải khen ngợi vô cùng.

Quan Langsa thết đại yến đãi Đức vua nhì và mời hết thầy các quan Xiêm qua phó yến nữa. Các quan binh An-nam liền chia nhau ra làm hai phần, cùng luân phiên nhau mà đi dự yến, cứ nửa đi thì nửa ở nhà giữ tàu chớ không đi hết một lượt. Họ ý tứ như vậy và qua phó yến cách lịch sự lắm, quan Langsa thấy phải kính nể và khen ngợi. Trong khi diên yến thì Đức vua nhì và quan Langsa tỏ lời âu yếm kết hòa hai nước Xiêm Pháp và chúc mừng cho nhau được những sự phước lộc như ý.

Đức vua nhì đi xem tàu binh Langsa thấy cách thức khôn khéo và oai nghi thì khen và để ý đặng sau về chỉnh đốn tàu binh của ngài y như vậy. Khi Đức vua ngự xem tàu binh và thấy nhứt thực trái đất che mặt trời hơn hai giờ đồng hồ rồi, thời tàu binh Langsa bắn năm mươi mốt phát súng đưa ngài trở qua tàu binh Xiêm, quan binh An-nam liền bắn súng đáp lại cách lạnh lẽ và trúng phép nhà binh lắm.

Trong khi bắn súng lớn đưa tàu binh Langsa đi thời bên tàu binh Xiêm xảy ra sự rủi ro làm chết hết một tên lính pháo thủ An-nam tên là Tư-Hạp là chồng của thị Nghị, vì vô ý chùi họng súng lớn không kỹ để sót một chút nỉ cháy ở trong lòng súng, nên khi nạp liều thuốc khác cây thông hồng vừa đẩy thuốc súng vô họng súng, thì liều thuốc liền nổ bắn cây thông hồng nhằm tên Tư-Hạp gây cổ văng xuống biển chết tươi mà quan lính cũng cứ tự nhiên bắn tiếp cho đủ số phát lệnh chào, rồi việc quan chánh binh An-nam mới tâu Đức vua nhì hay, thời ngài tỏ dấu thương xót buồn rầu lắm, ngài truyền cho quân lính lo tìm vớt xác tên Tư-Hạp và truyền cho quan quân đọc kinh cầu lễ cho tên ấy theo phép đạo. Khi vớt được xác lên thì quan binh truyền lấy vải buồm tàu vắn xác tên Tư-Hạp và chôn cất tử tế. Đức vua nhì đã tỏ lòng thương xót tên Tư-Hạp đã vì nhà nước Xiêm mà bỏ mạng và cảm tạ ơn quân An-nam lắm.

Đức vua nhì Luối-Đen về triều tâu qua thiên tử hay mọi việc đã xảy ra mỹ mãn, thời Đức vua lấy làm đẹp lòng lắm, ngài bèn ban khen và truyền cho Đức ông Luối-Đen lo sửa sang tàu binh Xiêm ra cho giống cách thức khôn khéo của người Langsa để chăm việc giữ gìn nước nhà cho an hảo. Đức ông Luối-Đen thỉnh mạng rồi về nghỉ và ban cho quân lính An-nam nghỉ một tháng về làng thăm cha mẹ vợ con khiến làng An-nam ta bấy giờ được mọi người sum hiệp đông đảo vui vẻ vô cùng. Nghỉ rồi một tháng thời quan binh lại nhập đồn luyện tập nghề binh như trước.

Cách đó chẳng bao lâu thời có tin ở tỉnh Lakhonxaisi quân thiên địa hội của Chệc nổi loạn cướp thành phá tỉnh Lakhonxaisi. Đức ông Luối-Đen tâu qua hoàng thượng biết rồi ngài mới hạ lệnh sai quan binh An-nam sửa soạn đi dẹp giặc. Lần này ngài truyền lệnh phải trị thẳng tay cho dân Chệc chừa kéo chúng nó cứ làm rầy hoai, quan quân ta đặt lệnh liền cụ bị binh mã thuốc đạn và chiến thuyền đủ cả thủy bộ rồi kéo đi chiến cứu tỉnh Lakhonxaisi.

Lúc đó chỗ rạch kinh Klongphră Xăisichàron chưa có kinh đào như bây giờ, nên phải cất binh đàng biển vào cửa Paknam Thàchinmekrong. Nơi Thàchinmekrong này là ấp người ở ghe làm cá biển, Xiêm gọi là rư-thăm-kha-mu-hập-pla-thủ. Quân An-nam tới bến Thàchinmekrong

liền kéo binh lên vây thành Lakhonxaisi ngay từ lúc hai giờ khuya, đến rạng đông liền áp vô hãm thành.

Trận này dữ tợn hơn trận Pétriêu trước vì quân Chêc ở đây đông quá sức, mà quân An-nam chỉ có độ ba trăm ngoài mà thôi. Quả bất địch chúng nhưng quân An-nam ta cũng chẳng sợ cứ việc hãm thành cách bạo dạn, mà bởi quân Chêc đông quá, lại bắn rất lắm, nên giao chiến đã một ngày một đêm rồi mà chưa hạ được quân giặc, mới phải lui ra ngoài thành và vây luôn đó ba ngày. Sau coi bộ quân Chêc hơi mòn sức rồi, quân ta mới tấn rượt binh tới một lần nữa và quyết liễu chết đặng lấy thành cho đặng.

Tội nghiệp cho quân Chêc ở trong thành bị đạn súng đại bác, súng nhỏ và súng tay của quân ta bắn vãi vào thành như mưa, nên chết không biết bao nhiêu mà kể cho hết; máu chảy xác trôi cùng sông Lakhonxaisi làm cho nhon dân không dám uống tới nước sông nữa. Súng thần công của ta bắn rượt luôn mấy ngày đêm, quân Chêc cự không nổi, phải đại bại qui hàng. Quân Aunam lần này giàn trận đặc thế lắm, nên chỉ bị thương hơn ba chục người, chớ không có ai tử trận, thiệt là may và giỏi quá. Quân ngô chuyển này rồi việc, liền trốn về Tàu nhiều quá bội sợ bị bắt lây mà phải chết oan mạng, vì có lệnh vua truyền hễ bắt được ai làm giặc thì giết đi.

Quân An-nam dẹp an giặc rồi, bèn khởi hoàn

kéo binh về kinh đô báo tiếp. Đức vua nhì Sòm-dệt Pră-Plinklào là đấng bàu chữa dân An-nam ta được tin, ngài liền ngự ra bến Travoradit đặng rước quan quân của ta đã thắng trận khôi hoàn. Có các quan triều theo hộ giá ngài nữa. Tàu đến bến thì quân lính ta liền bồng súng thối kèn thắng trận chào Đức vua nhì, đoạn các quan An-nam đến tâu vua nghe rõ mọi sự trước sau cận kề và dâng bản địa đồ vẽ rõ các nơi trận thế và tỉnh thành đã bắt lại đặng.

Đức vua nhì xem qua liền khen ngợi các quan quân ta rằng: “Trời sanh ra các người làm trai thiệt là đích đáng lắm!” Đức ông Luồi-Đen lấy làm khoái dạ lắm, nên ngài mới truyền cho hết thầy cả quan quân kéo thắng binh nhập thành đặng bái yết Đức vua nhì; tức thì quân ta sắp theo hàng ngũ lên hàng hai bỏ hàng tư, túc còi gióng trống và thối kèn tấn binh khôi hoàn vô thắng đến vua ngự, cách điệu oai nghi lắm liệt lắm, khiến nhơn dân ra coi đầy đàng chật ngõ, xem thiệt là vinh diệu vô cùng. Đức vua nhì và các quan thời đi tiếp sau mấy đạo binh khiến nhuệ khí con nhà Nam Việt lại càng nổi hơn nữa.

Vào đến sân châu thời Đức vua nhì ngự ra bệ tiền để nghe báo tiếp. Đức vua nhì mới tâu qua mọi sự và xin ban thưởng cho các quan quân, thời Đức vua nhì Rama IV phán rằng: “Trẫm sắc ban lời cảm ơn và khen các người thầy thầy đã có lòng phò vua vực nước cách can đảm thật

tình và đã thắng trận lần này là lần thứ hai một cách vinh hiển như vậy, thì trăm lấy làm đẹp lòng há dạ lắm. Vậy trăm y tấu của ngự đệ mà ban thưởng cho các người như ý của ngự đệ và ban chúc phúc lành cho các người thầy thầy.”

Các quan liền tung hô vạn tuế cảm tạ ơn vua, rồi rút quân theo hộ giá vua nhì về cung điện Vangnà mà lãnh yến của Đức vua nhì ban cho. Trong buổi tiệc thời Đức vua nhì đã tỏ dạ yêu vì các quan quân An-nam ta một cách nghĩa thiết lắm và hứa sẽ hết sức bàu chữa cho quân dân An-nam trong đời ngài và trong các đời con cháu ngài nữa. Tiệc đoạn các quan quân An-nam mới lui về nhà thăm cha mẹ vợ con và an nghỉ ít lâu rồi lại nhập ngũ như trước.

Nói tới đây tình cờ em ngó lên trên vách trường thấy hình một ngôi đền thờ kia đẹp lắm, thấy phía mặt tiền thì có hai lầu chuông hai bên tả hữu xây hình trụ vuông chót ngọn như mũi tên bắn ra hai cây thánh Giá, ở khoản giữa trời lên một cái tháp khám cao hơn hai cái tháp kia, nóc vuông nhọn có thánh Giá, trong khám tháp thì để tượng thánh cả Phan-xi-cô Xa-vi-ê một tay cầm thánh Giá giơ lên trời ra hiệu cho khắp cả phương Đông biết rằng: Chúa đã ra đời cứu thế. Nhà thờ bề dài đếm được chín căn. Hai bên hông nhà thờ có hai cánh lối ra rộng độ một căn, để cho con trẻ quỳ xem lễ. Mặt hậu chỗ phòng mặc đồ lễ, thời xây lối ra một căn và nổi lên một

tùng nóc lưng rùa tròn úm, trên chót cũng có
cẩn thánh Giá hộ thân, xem khéo lạ, em mới hỏi
cô Kù-lạp Tê-rê-xa, hình nhà thờ nào đó, thời cô
Kù-lạp Tê-rê-xa nói rằng: “Đó là nhà thờ Sám-
sên bây giờ, nhưng hai tháp trước và nóc lưng
rùa sau với hai cánh hình thánh Giá hai bên
hông đã bị Cha sở trước phá đi để xây lại kiểu
khác đẹp hơn, mà chưa xây xong, nên nay hình
mới khác đi như vậy.” Em lại hỏi tiếp rằng: “Hồi
sớm chị mới nói qua việc lập nhà nguyện An-
nam bằng lá ở bên kia xóm Cao Mên, chớ chưa
nói tới cái nhà thờ gạch to lớn đẹp đẽ này, vậy
xin chị nói luôn cho em nghe với!”



Nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm ở quận Samsen, Bangkok hiện nay.

XIII

SỞ TÂU XIN ĐẶNG ĐẤT CHÙA, NỔ THẦN LỰC AN-NAM XÂY ĐỀN THÁNH

Cô Kù-lạp Tê-rê-xa bèn đáp rằng: “Ban đầu ông bà em mới tới nước Xiêm còn chun ướn chun ráo, nên chỉ lập nổi cái nhà nguyện bằng lá thôi, sau ăn ở yên rồi, công việc càng ngày càng khá, bốn đạo càng đông, lòng thân ái càng vững. Trên thời vua yêu quan chuộng, dưới lại được đồng tâm phú túc, nên ông bà em mới mưu tính việc xây một ngôi đền thờ xứng đáng, trước đặt chỗ thờ phượng Chúa cả chí tôn vô đối sau thời để dấu tích muôn đời cho con cháu ghi nhớ. Bấy giờ cha sở và cả họ đều hiệp một ý ấy; mà vật liệu thì chưa có đủ, nền đất cũng chưa tìm ra, trăm bề thiệt là khó tính; nhưng lòng đã cả quyết, thì phải đặt!”

Vậy khi Cha già thấy họ Sám-sén An-nam có Cha Gioan người Chantaboun làm phó và Cha Giuse người Langsa làm chánh, bốn đạo bằng

yên rồi, ngài mới từ già ông bà em mà hỏi về quê quán, đất nước ông bà là xứ An-nam. Hai Cha chánh phó này ở coi họ em hết đời của hai ngài rồi, đến Cha Maurice Marie người Langsa và cha Philipphê Sum người An-nam sanh ở bên An-nam học ở nhà trường Đức Cha hơn hai chục năm. Hai ngài cai họ được độ mười năm, thấy con nhà giáo hữu đông đảo và đồng tâm hiệp lực lắm, mới tính cách kiếm đất lập nhà thờ mới. Khi Cha sở và bốn đạo hội nhau bàn tính thì mọi người đều cả quyết hiệp nhau mà làm cho đặng việc đã nhứt định. Vậy các quan An-nam mới làm sớ tâu đức vua Sômdệt Pră Chômklào xin miếng đất trống chỗ chùa bỏ hoang là nơi nhà thờ bây giờ đó đặng xây một ngôi đền thờ mới rộng rãi cho đủ chỗ bốn đạo An-nam kinh nguyện vì nhà nguyện cũ chật hẹp quá.

Nhờ có lời tấu của đức vua Lưỡì-Đen là Som-dệt Prăplinklào xin giúp, nên đức vua nhứt mới chuẩn cho y sớ và truyền lệnh cho làm nhà thờ ở nơi đất chùa bỏ hoang, nhưng không nên xây nền nhà thờ Chúa chồng lên nền chùa Phật cũ. Đức vua ban cho như vậy là bởi ngài xét công lao khó nhọc của các quan quân An-nam ta giúp nhà nước Xiêm, chớ không thời chẳng bao giờ được ơn như vậy! Được tin vua ban cho đất như lời xin, thì hai cha sở và bốn đạo mừng quá sức mới cảm đội ơn Chúa và tạ ơn vua cùng lo khởi công xây dựng là năm 1858. Khi được sắc vua

ban cho cả đất và cái chùa bỏ hoang như lời xin rồi thì ông bà em mới sắp sửa công cuộc xây dựng đền thờ có lớp lang thứ tự lắm.

Mấy ông cả, các quan quân và dân thợ, đàn bà con trẻ thấy thấy đều tuân một lệnh của đấng bề trên truyền đầu làm đó và ai ai cũng đều rần chịu khó vui lòng làm việc Chúa, chẳng khác chi dân Giudêu xây đền thờ thành Jérusalem đời vua Salômon xưa vậy. Quyền thợ chánh thì giao cho ông Câu Mưu chuyên giữ vì ông câu Mưu giỏi nghề kiến trúc thợ mộc thợ nề, tính đầu vừa đó, thiệt là giỏi. Mỗi ngày ở nền nhà thờ đều thấy kẻ thì đào đất đắp nền, người thì đốn cây đóng cừ, kẻ lại quơ bối hăm vôi, người lại làm thợ nề, thợ mộc, thợ chạm, thợ sơn. Toàn cả xóm ai ai cũng đều ra công giúp việc xem thật là vui thú lắm.

Khi đền thờ cất gần rồi, chỉ còn việc sơn thếp và đóng trần ván ở trong nữa thôi, thì xảy ra việc cha sở chánh Maurice Marie bị cáo gian chuyện chi quá trí, khiến ngài đang lúc quan dân yêu mến và công việc làm nhà thờ còn đang bê bối, mà phải bức ngang lòng ruột đặng đi về nước Langsa cùng ở luôn bên ấy bảy năm, đến sau ngài được trở qua Xiêm, thì lại phải cai họ Thánh giá (Santa Crux) đặng mười năm và sanh thì ở tại họ đó. Ngài cai họ Sám-sén trước đặng mười tám năm, cách ngài ăn ở với con nhà có đạo An-nam rất ân cần tử tế và công minh, nên

khi ngài đi thời ai ai cũng đều thương tiếc ngài.

Ngài đi rồi thì một mình Cha Philipphê Sum coi họ An-nam được một ít lâu thời có cha Piô người Belgique ở sở Chơn-bum đổi tới làm Cha sở chánh, nên ngài cũng phải lia bỏ xóm An-nam mà đi nơi khác. Người An-nam thuở ấy có đặt mấy câu thơ than tiếc hai ngài rằng:

Thánh đường rực rỡ ấy nhờ ai?

Tường nổi xưa, sau nhuộm lụy dài.

Khốn khó mấy năm lòng chẳng chạy,

Lao đao một thuở dạ chi nài,

Trăm năm phụ tử trông vấy hiệp,

Bổng chúc thiên cơ khiến lạc lai.

Trách nổi cuộc đời hay biến động,

Hiềm vì căn số lắm chông gai.

Cha Piô tức là cha Alays Alphonse d'Hondt chắc độ hơn ba mươi tuổi, mà tánh tình nghiêm nhặt cả quyết lắm, ngài làm sự gì, thì phải nên sự ấy. Cách ngài cai họ nghiêm lắm, nhờ ngài mà những thói xấu cờ bạc, hút xách, rượu chè và y phục lúu lằng trắc nết đều trừ tuyệt hết. Ngài dùng cái nôm bằng vải trắng làm binh khí, hề bắt được ai tại trận, thì ngài úp nôm vào đầu rồi giam linh hồn kẻ mắc tội lại đó, cách thiêng liêng hạn mấy tuần mấy tháng, bao giờ thiệt dạ ăn năn chữa cải, thì ngài mới tha cho, nên lần lần những người hư thân mất nết đã đổi tính, bỏ được các thói xấu cờ bạc, hút xách, rượu trà trắc nết, ra người tử tế nhon đức. Nói về mấy

người hút a phiến thì em nghe ông chín Nguyễn Văn Vui vịnh thơ rằng:

*Khá khen các đấng tập tu tiên,
Thường ngày rửa dạ, rất đổi hiền;
Hai tay luyện tập lau đao trắng,
Rửa mũi súng lạnh chẳng có nhờn;
Lỗ ngòi trống sạch chờ hơi thở,
Nạp rồi cứ bắn lại khẩu vô;
Ngã nghiêng, ngã giữa mắt nhắm mở,
Lau rồi quét sạch tay lại vô.*

Cô Kù-lạp Tê-rê-xa vịnh vừa dứt câu thì cô Da-ra Ma-ri-a lại đọc tiếp thêm rằng:

*Sự khen đây ai chó ghi lòng,
Phải rửa ngũ tạng chó hồng vấn vương
Tật này rất đổi oan ương,
Cha thầy cũng bỏ, nội gia cũng từ;
Rửa mình lánh khỏi chuyện hư,
Thì sao cũng đứng ngồi nhơn dưỡng nhàn;
Nguyện cầu xin Chúa cho rành,
Thì ơn sẽặng muôn ngàn thành thoi!*

Em vỗ tay khen hay, mấy chị em cô Kù-lạp cũng cười tùm tùm, rồi đó cô Kù-lạp nói tiếp rằng: “Cha Piô đến thế quờn cha sở rồi ngài mới lo việc làm tiếp cho rồi đến thờ bỏ dở. Ngài lo đóng trần ván từ trên câu lớn xuống cho tới cửa cái nhà thờ. Ngài gắn gương ảnh mười hai vị thánh tông đồ vào khuôn của sổ từng trên và đặt ảnh mười bốn chặng đàng thánh giá bằng thạch cao chạm nổi đẹp lắm.

Việc này xong, rồi lại lo việc sơn son thếp vàng các nhành hoa cửa, các vòng hoa ở cung thánh cùng sơn phết các trần ván và lát gạch xi-mon khắp cả nền nhà thờ. Trong cung thánh thời đặt một bàn thờ chánh đặt tượng ông thánh Phan-xi-cô Xa-vi-ê rất rực rỡ; hai bên đặt bàn thờ phụ kính Đức Mẹ và ông thánh Giuse, thầy đều chạm trổ khéo léo và sơn son thếp vàng rất kỹ. Lúc đó nhờ có bạc của họ An-nam bán thuế rượu mà cha Piô cất dựng hai cái trường học cho trẻ nam nữ và xây một dãy nhà phước Rất Thánh Trái Tim Đức Chúa Giêsu; sự lập nhà phước là việc trọng nhứt của ngài đã làm ở họ Sám-sén. Cha Piô sửa lầu chuông sau lại đẹp đẽ và mua thêm một cái chuông lớn.

Đất thánh cũng nhờ cha Piô mua thêm một miếng đất kế sau dựng mở ra cho rộng rãi, đất thánh ngày nay chỉ thấy đó chỉ là một phần nửa đất trước, vì nay người ta đã lấy bớt đi dựng lập trường học thầy dòng thánh Gabirie là cái trường học tư lớn thứ hai ở kinh thành Bangkok. Cha Piô cai họ Sám-sén luôn bốn mươi năm và ngài từ trần tại bốn họ năm 1916. Kế ngài thì tới cha Fale thế vị được ít ngày rồi về tây đánh giặc Âu-châu. Rồi tới Cha Broizat đến quyền cha sở. Cha Broizat đổi đi rồi, thì Cha Tapie lại thế.

XIV

GIẢO-KIM BÁN MUỐI KHAI GIANG SAN! AN-NAM NẤU RƯỢU LẬP NÊN SỰ NGHIỆP!

Cô Kù-lạp tiếp rằng: “Xóm An-nam Sám-sén xưa quyền thế và anh hùng lắm, chị nghe chuyện bắt rượu năm xưa như vậy thì biết: Lúc xưa ngạch thuế thuốc, rượu ở nước Xiêm mới lập ra thời bị trắc trở lắm, vì dân tình chưa quen, nên mạnh ai nấy bán rượu, bán thuốc tự do không sợ ai hết, bao giờ lính có bắt được mới hay. Xóm An-nam Sám-sén xưa là chỗ nấu rượu ngon hơn hết và chẳng có nạp thuế cho ai bao giờ, vậy năm 1892 châu sữa (bá hộ) Chệc tên là Thằng chưng được bài rượu mới xin quan chánh sở thuế vụ cho lính mã tà lên xóm An-nam bắt rượu lậu.

Người An-nam ở trong xóm thấy lính kéo vô cách hỗn hào quá, thời chạy tin cho cha sở hay, cha phó là cha Ambrôsiô Kèo ra ngăn lính lại không cho chúng nó làm dữ, thì chúng nó ý

thế áp đại vô xóm, không biết kiêng nể ai hết, rồi lại còn ba hoa lấy súng ra dọa nữa. Cha Ambrôsiô Kèo liền chạy vô kêu cha sở Piô, ngài ra xem thấy cả hai bên lính và dân đều muốn làm dữ, thời ngài truyền biểu khoan khoan, chớ làm dữ. Nhưng lính ỷ thế quá, cứ áp vô xóm, thời cha phó Ambrôsiô Kèo nói rằng: “Còn khoan gì nữa, nó bắn ta rồi Cha, chúng ta phải bắn lại nó mà đỡ lấy mình chớ!” Khi đó An-nam đang thế vì lý đỡ mình và có Cha sở đó, liền khai súng bắn trả, tiếng nổ vang trời chẳng khác chi trận giặc! Quân lính thất thế lại thấy An-nam có súng đạn nhiều, nhắm bễ không hơn đặng, nên tháo lui, về nghĩ sao không biết, đến bữa sau chúng nó lại kéo binh lên đông hơn nữa. Nguyên do bữa đầu chúng nó phải lui là khi chúng nó áp vô xóm nhằm lúc cha Piô đem mình thánh Chúa đi ra cho bà Trung ở ngoài đàng mới. Cha Piô can, nên chúng nó không dám làm dữ.

Bữa sau chúng nó tức mới làm hung kéo cả toán binh áp đại vô xóm, quyết bắt cho được rượu lậu, mới nghe. Dân An-nam vì sự nguy hiểm, nên phải đỡ mình, thành ra lần này lính và dân bắn lộn nhau dữ tợn quá. Kết cục lại lính thua không còn kéo lên phá xóm An-nam nữa. Cách sáu năm sau là năm 1898, Đức ông Krom ma luăng prachặt lãnh chức cai trị xóm An-nam thời một người vợ của ông quan Krom-narét là Môm sử-phát có hùn với kẻ trưng thuế

ruợu, người lãnh trưng ý thể mới xin lính vô xóm An-nam bắt ruợu chơi. Lính mã tà áp vô xóm liền ví bắt nhà chủ từ Khôn trước và ý có súng thì muốn phá cho tang hoang xóm nhà ấy đi đặng thị oai chơi. Người An-nam thấy lính quyết lòng làm dữ phen này, mới lấy súng ra bắn bồng, quân lính sợ bèn lui ra ngoài đàng Sănghi lập thế, rồi bắn nhầu vô xóm, đạn trúng vô nhà thờ làm bể nhiều tượng ảnh kính (vit-raux) các thánh tông đồ.

Ông Kromprachet thấy vậy liền nói với cha Piô xin đi thưa quan bắt lính thường bồi cho nhà thờ, cha Piô làm thỉnh chịu thiệt hại chớ chẳng thêm nói gì. Quân lính cứ bắn tràn vô hoài, xóm An-nam bắn trả lại thì lính bị thương hết ba người lính Chà và, họ liền rút binh về.

Tối hôm ấy có dịp đức vua Sômdet Pră chula Chomklào ngự vào vườn đến Đusit thì ông Kromnarét lượm bì đạn đem vô tàu đức vua rằng: “Xóm An-nam nấu ruợu lậu có lính vô xét, thì họ lấy súng bắn lính bị thương tích nhiều đũa.” Lúc đó may có ông Kromprachet đi hộ giá, ông liền tàu đỡ lời rằng:

“Tàu đức vua sự ông Kromnarét cáo dân An-nam đó là oan họ, thật tình, thì chỉ có lính mã tà làm ngang bắn vô xóm trúng bậy nhằm nhau bị thương, chớ An-nam có ai dám bắn trả đâu, cứ theo chúng các bì đạn lượm đặng, thời là bì đạn súng tay của lính, chớ dân không có bì đạn

ấy.” Đức vua liền phán để việc ấy tùy ý hai quan đã đối nại, xét định lấy cho công bình thời thôi. Hai quan lớn này liền bầu chủ cho phe đảng riêng họ, kết cục lại thì quan bầu chủ của An-nam được việc, là nhờ có sự đồng tâm và lạnh trí của người An-nam, trong lúc đối nại họ đồng đồ tội cho lính mã tà, làm cho quan lớn Kromnarét tức giận mà nói rằng: “Chúng của An-nam nói không công bình.

Quan lớn Kromprăchăt nghe nói vậy ngài liền ứng lên rằng: “Vậy ngài định chừng nào mới xuống tay giết dân An-nam tôi, thời xin ngài cho tôi biết với, tôi không nói giùm cho chúng nó đâu, tôi chỉ đưa thuốc đạn cho chúng nó mà thôi, dầu có cả toán quân mã tà bộ và thêm luôn một đạo binh thủy nữa, thì cũng không sao mà! Hai quan lớn nói khích nhau đã thêm rồi về. Quan lớn Kromprăchăt vô tâm đức vua rằng: “Ông Kromnarét ý muốn phá hại xóm An-nam cho tiêu tàn đi và phân rõ mọi điều hơn thiệt, thời đức vua xử êm, quả qua loa ít tiếng rồi phán bỏ qua việc ấy. Thế là xử xong việc nấu rượu lậu, chú từ Khôn chỉ phải giam lỏng một lúc thôi, dân An-nam lại bằng an nấu rượu ngon như trước. Thời bấy giờ vua có lệ bổ một ông hoàng thân ra lãnh chức quan cai trị dân An-nam riêng như là một huyện vậy, mà trời xui khiến cho ông hoàng nào đã lãnh chức cai trị dân An-nam rồi, thì liền đem lòng triu mến dân An-nam một cách lạ lùng

như em đã nói đó. Cách cai trị dân An-nam thì trên có ông hoàng làm chủ chốt dưới thời có các quan Xiêm và An-nam giúp việc. Lúc cha Piô về tây nghỉ binh thì một vị quan lớn An-nam là ông Phya Bănglư sắp đặt xóm An-nam theo cách nhà binh, đặt ra quới chức cai họ đến bảy mươi hai ông tông đồ, kêu là thất thập nhị hiền như là mấy môn đệ của đức Không-phu-Tử vậy! Quan lớn Bănglư lập cách ấy ngộ lắm.

Bảy mươi hai ông chức việc đều lãnh phẩm cấp trùm, câu, biện, giáp, thứ tự lắm; mỗi ông đều có một cái dấu hiệu riêng và ngày Chúa nhật thì ở nhà mấy ông chức việc đều kéo cờ hiệu riêng của mình lên coi oai nghi và cũng tức cười lắm, vì có ông lãnh chức hiền mà không hiền mấy, có nhiều vị quan chức An-nam ta lại theo thói cũ quyền quan hiếp dân ở bên An-nam mang lại, nên có ăn hiếp tôi dân một đôi chút, khiến nhiều người đã phải bất bình. Không biết có phải tại mấy ông quan hay ăn hiếp dân trước, mà nay con cháu họ phải sa sút hơn con cháu mấy người đã bị họ hà hiếp xưa chăng!

XV

MUỐN GIAO HẢO XIÊM ĐI SỨ, GẶP DỊP MAY ÔNG THỜI VIẾNG QUÊ NHÀ

Năm giáng sanh 1866 đức vua Som-dệt Pră chu-la Chòm-klào tức là vua Rama IV mới sắc đòi đức ông Sòm-dệt Chào Phya ở bên kia sông là một vị đại thần nước Xiêm, mà phán bảo rằng: “Khanh hãy chọn trong hàng quan lại một người lanh lợi khôn ngoan đăng sai đi sứ qua Nam kỳ trước là đi sứ việc nhà nước, sau thời để quan sát xem việc bảo hộ của nước Pháp ra làm sao cho biết.”

Đức ông Sòmđệt Chào Phya vung mạng rồi liền qua dinh đức ông Somdệt Pră plinklào mà tâu rằng: “Tâu đức ông, có lệnh của thượng hoàng sắc bảo chọn một vị quan chức tài năng để sai đi sứ qua Nam kỳ, mà chưa kiếm được ai, vậy xin tâu đức ông liệu định.” Đức vua nhì ngắm nghĩ rồi truyền lệnh cho ông Luông phản-sathươn tức là ông trùm Thới theo hầu lệnh đức

ông Sômdệt Pră hỏprását qua châu đức vua
đặng lãnh việc đi sứ qua An-nam. Lúc này ông
Trùm Thới đã thăng lên chức Luổng rồi. Quan
chức nước Xiêm ngạch quan văn kể từ dưới lên
trên như vậy:

Mự: bằng chức lại mục hay là hậu bổ (có thể
bổ đi amphơ)

Khùn: bằng chức tri huyện (có thể bổ đi
amphơ)

Luổng: bằng chức tri phủ (có thể bổ đi châu
muông)

Prá: bằng chức án sát (có thể bổ đi châu
muông)

Phya: bằng chức Bố chánh bổ đi làm Thê xá
(tổng trấn)

Châu Phya: bằng chức tổng đốc hay là thượng
thơ

Sômdệt châu Phya: bằng chức Cản chánh
điện đại học sĩ.

Mỗi quận hay là huyện thì kêu là amphơ có
quan Amphơ cai trị, dưới thì có quan chức nhỏ
và thơ lại tương tự như là phủ huyện bên An-
nam. Nhiều amphơ hiệp lại làm một tỉnh gọi là
muông, có quan chủ tỉnh kêu là Châu muông
cai trị; ba tỉnh hiệp lại làm một môn thôn (nước
Xiêm có 18 môn thôn) có quan trấn thủ cai trị
gọi là thê xá. Ở kinh đô thì có các quan thượng
thơ làm đầu các bộ đường, trên hết thì có vua.
Ngạch quan võ thì có những chức này:

Lính thường; lính hạng nhứt (bếp) Nai síp thô (cai nhì) Nai síp ệt (cai nhứt) Nai đập (đội) Nai chà (quán) bực sơ cấp Nai roi-tri (quan một) nai roi-thô (quan hai) nai roi-ệt (quan ba); bực chánh đồng chức quan binh tây: Nai fantri (quan một) Nai fanthô (quan hai) nai fan-ệt (quan ba); nai phôn tri (quan tư) nai phôi thô (quan năm) nai fan ệt (quan sáu); nai chòmphone (quan bảy). Khi nào được chức quan lớn thì vua đặt cho một tên mới và cứ tên quan mà kêu, chớ không gọi tên tộc.

Đức ông Sômdệt Pră châu Phya hợprasát đem ông Luăng Phán sáthươn vào châu đức vua và tâu lời ký thác của đức vua nhì, thời Đức vua Sômdệt Prăn Chomklào phán rằng:

- Trẫm biết Luang Phlănsáthươn này, vì nó trước có hộ vệ đông cung Chàlo phá mahá Chulalongkorn.

Ông Luăng Phănsathươn vào châu, thời đức vua phán dạy cho biết mọi điều kín nhiệm về việc đi sứ và trao cho các đồ đem đi cống sứ tại Saigon để giao hảo với nước An-nam. Trong các món đồ cống sứ đó thời có hột cây giá tị và cây giá tị mới ươn lên một đồng. Nghe nói những cây giá tị ấy đã trồng ở Saigon nhiều nơi và ở trước nhà thờ Chợ quán. Cây nó cao lớn giống như cây bần, lá nó trắng xanh. Lá non nó lấy vò ra, có nước đỏ điều làm mực viết hay là nhuộm áo màu đỏ tốt lắm.

Ông Trùm Thới lãnh mạng rồi về sửa soạn hành lý xuống tàu buồm chạy qua xứ Nam kỳ. Tàu tới cửa Cần Giờ rồi theo nước xuôi lên đậu tại bến Thủ Ngũ. Quan sở tại đăng tin liền đem xe song mã của quan Thống soái ra bến rước ông Trùm Thới là sứ nước Xiêm lên dinh quan Nguyên soái. Tới nơi các quan Langsa và An-nam rước vào phòng tiếp các sứ thần của vạn quốc, thời có quan nguyên soái bắt tay mời ngồi nói chuyện.

Ông trùm Thới mới nói cho ngài hay rằng:

- Đức vua Xiêm Sômdệt Pră Chomklào vì muốn cho hai nước giao hảo, nên sai tôi đi sứ qua đây đăng tỏ những điều quốc sự quan hệ cho ngài rõ và kính ngài ít món quà để làm dấu tích.

Quan nguyên soái nghe nói từ tế lại thấy đồ lễ vật quý báu, thì ngài mừng quý bèn lật đật đáp lại rằng: “Đức vua Xiêm đã có lòng tốt và muốn cho Xiêm Pháp hai nước thuận hòa giao hảo, thời là một điều tốt lắm. Vậy tôi xin thay mặt nước Pháp mà cầu chúc cho Đức vua Xiêm được ở ngôi vàng muôn năm và cho nước Xiêm được thanh phát thái bình.” Đoạn ngài truyền thiết tiệc đãi cách lịch sự; trong bữa tiệc thời các quan Langsa và An-nam đàm đạo với ông Luăng Phlănggháthưon cách thân mật vui vẻ lắm.

Tiệc yến mãn rồi, thời quan nguyên soái mời ông Luăng Phán sáthưon vô phòng riêng ngài

mà nói chuyện quốc sự cùng trao cho ngài nhiều đồ báu vật đem về tặng cho vua Xiêm.

Ông Luổng Phlansáthươn ngụ tại dinh quan nguyên soái hai tuần lễ, thường ngày có xe song mã đưa ông ấy đi dạo chơi với quan nguyên soái đi xem thành phố Saigon. Ông Luổng Phlansáthươn được quan nguyên soái kính vì là ngài biết người là dòng dõi công thần đời vua Gia Long, đã vì đạo mà phải cách xa xứ sở ông bà, vậy mà còn làm được việc hiển vinh như vậy, thời ngài khen ngợi và tỏ lòng yêu mến lắm.

Sau hết thì quan Nguyên soái thết đãi yến để tiễn chơn ông Luổng Phán sáthươn trở về phục chỉ vua Xiêm. Bữa tiệc này vui lắm, các quan uống rượu Champagne chúc mừng nhau nhiều lời thân thiết. Ngày sau vô già quan Nguyên soái thời ngài lại còn nói cho hay nhiều chuyện quan hệ khác nữa, sau hỏi qua phong cảnh nước nhà, thời ông Luổng Phans-thươn ngùi ngùi lụy nhỏ, vì nghĩ đất nước ông bà khi xưa của mình tự trị nay đã về tay người làm chủ, thì động lòng đau đớn, nghĩ tới cái phận vong thân, thất thổ mà cảm lòng không đành.

Quan Nguyên soái thấy thì hỏi vì sao rơi lụy; ông Luổng Phlansáthươn bèn nói trở rằng: “Tôi thấy đất đai xứ sở quê nhà mà phát nhớ đến ông bà tôi, đã vô phước ra thân lưu lạc xứ người, tưởng là ngày kia xem được xứ mình tấn bộ thái bình, ngờ đâu cái thân lạc quê lại hóa ra cái kiếp

vong quốc như vậy! Ngày nay nhà nước Langsa mở mang xứ tôi ra tốt đẹp như vậy, tôi cảm ơn và động lòng lắm!” Quan Nguyên soái liền an ủi người rằng: “Nhà nước Langsa bảo hộ xứ ngài thiết có lòng mở mang lắm, mà nay vì tiền thuế lấy chưa đủ, nên chưa làm được chi mấy, nhờ trời rồi đây người Langsa sẽ mở mang xứ Nam kỳ ra xinh tốt lạ lùng cùng sẽ cõi lốt cho xứ Nam kỳ ra một tỉnh Langsa và người An-nam Nam kỳ sẽ hóa ra Langsa hết thảy, lúc ấy ngài sẽ khoái lạc là dường nào!!!”

Quan Nguyên soái ký giấy thông hành cho ông Trùm Thới rồi, thì ngài tư giấy cho các quan ở Lục tỉnh biết rằng: ghe nào có cờ hiệu con voi trắng là ghe của sứ thần nước Xiêm, vậy hãy để cho ghe ấy thông thương khắp mọi nơi như ý. Ông Luổng Phấn-sá-thuôn nhờ lời thông tri đó mà được thông lưu khắp Lục tỉnh để quan sát nhơn tình và kiểm bà con dòng dõi nữa. Nhưng bà con dòng họ biết mà chẳng ai dám nhìn ông Luổng Phấn-sá-thuôn hết, vì kể từ khi ông bà ổng bỏ xứ mà đi cho tới nay thì được ba mươi năm rồi, nên con cháu đời hậu sanh không ai còn nhớ; và lại có nhớ thời cũng còn dụt dè ít ai dám hỏi thăm, khiến ông Luổng Phấn-sá-thuôn phải ngậm ngùi ngơ ngẩn một mình hiu quạnh chẳng gặp đặng ai hết.

Ông Luổng Phấn-sá-thuôn trở về nước Xiêm vào châu đức ông Sômdệt Phrật Plinklào cùng

tâu rõ mọi việc, thời đức ông đưa vào triều chầu đức vua dâng tâu qua mọi sự ông Luổng Phansathuon vào qui dâng phong thơ của quan Nguyên soái Nam kỳ và các lễ vật tặng cống cho đức vua. Đức vua lấy làm bằng lòng và khen ngợi ông Luổng Phansathuon lắm. Ông trùm Thới vô chầu vua rồi liền về nhà học chuyện lại cho ông già ngài là ông trùm Lung nghe, thì ai ai cũng đều cảm thiết tiếc nhớ quê nhà, nhưng nay đứng ngồi đã lỡ biết tính làm saoặng!

Về phần đạo thì dòng ông trùm Thới là khá hơn hết, về phần đời thì dòng ông Phya Chắt là sang hơn cả. Đời thứ nhứt là ông Pră Bănglự Học tức là ông thân của ông Phya Chắt và là ông nội ông Phya Pút.

Kể đó em lại hỏi cô Kù-lạp rằng: “Xin chị hãy nói cho em nghe coi vua quan nước Xiêm đối với dân ta có thiệt tình chăng, thì cô Kù-lạp liền nói rằng:

XVI

CÂY MÍA NGÃ NƯỚC VẪN NGỌT! XỨ NGƯỜI DẦU LẠC, DANH MÌNH CÀNG CAO!

Cứ như chuyện bắt rượu đó, thì đủ biết lòng đại độ của vua quan nước Xiêm ăn ở với dân ta ra sao rồi. Nói cho đáng thì dân ta đã nhờ ơn đức vua Rama III, Rama IV và Rama V nhiều lắm. Dưới đời đức vua Rama III và Rama IV thời dân An-nam đã dâng vua nhì là đức ông Sòm dẹt Prạ Plinklào tức là đức ông Lưỡi-Đen bầu chủ cho như là tôi con nước Xiêm vậy.

Những lính tráng bộ hạ của đức ông thầy đều là người An-nam. Lính ngự lâm pháo thủ cũng là người An-nam sung vào và được lòng tin cậy của nhà nước Xiêm lắm. Đức ông Lưỡi-Đen ngài thường dùng hai chiếc ghe hầu lớn có lính thủy An-nam chèo hầu. Người Xiêm thích coi ghe hầu này, vì lính An-nam mỗi khi chèo hầu đều có hát hò khoan giọng An-nam nghe êm tai lắm.

Đức ông Lưỡi-Đen sanh hạ được nhiều hoàng tử và công chúa. Ông hoàng lớn là Pră Chàojót thời đi theo hầu đức ông luôn. Ngài có ý để cho hoàng tử theo ngài đặng tập chịu cực khổ cho quen, hầu sau nên người lịch lãm sự đời mà biết việc cai trị dân cho xứng đáng. Ngài thường hay phú thác hoàng tử cho quan An-nam ta mà nói rằng: “Sau ta có khoản đi rồi, thì xin các người hãy vì ta mà phò hộ con ta như thể ta vậy, thời ta rất cảm ơn các người lắm, con ta nó cũng sẽ hết lòng binh vực và bầu chủ cho các người thầy thầy.”

Ngày kia đức vua Xiêm lâm triều xét thấy dân sự đã được thái bình, đầu đó đã an cư lạc nghiệp, đức vua mới phán cùng đức ông Lưỡi-Đen rằng: “Nay nước nhà đã được thái bình rồi, việc binh bị không cần phải tập luyện lắm, vậy ngự đệ không cần phải lao tâm cực khổ đêm ngày tập luyện như trước nữa, trăm chuẩn cho ngự đệ được nghỉ an thân thể hầu có dưỡng tinh thần.”

Đức ông nghe qua thì đã hiểu ý nghi ngờ của đức vua anh đã quá ư nghe lời sàm tấu của kẻ nịnh thần to nhỏ, nói mình có ý soán ngôi chẳng, nên ngài mới tâu rằng: “Tâu hoàng thượng nhớ rằng: sự cần trọng hệ cho việc trị an nước nhà là việc binh trị, dầu thế nào thì cũng phải lo cho binh lính thao luyện tinh thông, sủng đạn lương thảo sẵn sàng mới đặng, nếu lảng đi thì e bất lợi. Đó là tinh thần đệ tâu qua cận kề, xin

thánh hoàng chớ để dạ hoài nghi mà chẳng an thánh thể, dưới bề hạ thì thần đệ chẳng hề trái ý điều chi, thần đệ một bề trung tín cùng gìn giữ ngôi vàng bền vững, chớ như thần đệ lương tâm, thời thần đệ đâu có để đợi tới bây giờ mà thánh hoàng hòng ngại!”

Đức vua lại phán rằng: “Không phải như vậy đâu, ngự đệ chớ phiền, trăm chi vì thấy ngự đệ công lao khó nhọc mà muốn chuẩn cho ngự đệ đăng nghỉ an thân thể đó thôi.”

Đức ông tạ ơn rồi lui về được một ít lâu, thời dâng sớ xin nghỉ việc để đi du lịch toàn quốc. Đức vua chuẩn tấu và ban cho đức ông được đi chơi như ý. Đức ông bèn đòi các quan An-nam là quan lớn Học tức là ông Prặt Bằng Lư sinkhanht, và các quan An-nam đến hầu và truyền lệnh sắm sửa một đội quân thuyền để hộ giá đức ông đi du ngoạn miền trên nước Xiêm.

Khi cộ bị sẵn sàng thì đức ông Somdệt Prạ Phinklärò liền ngự đi ngã Menam chămpasák lên lán Pakpliêu, Kengkhoy vào lập trại nghỉ ở Khảo khốk. Ở đó đức ông mới ngự vô chơi ở rừng Don Phya Fay là một chỗ cảnh đẹp và có tiếng là linh thiêng nguy hiểm lắm, nên ai đã đến đó chơi rồi thì phải mắc bệnh rừng mà chết, ít người sống khỏi vì linh thiêng hay là độc địa sao đó, chưa ai hiểu đăng.

Đức ông đến chơi đó rồi cũng thấy trong mình không an, sợ mới truyền lệnh dời trại trở

về. Đêm hôm ấy đức ông nằm ngủ chiêm bao thấy đức vua anh là Somdệt Pră Chomklào đến phán bảo rằng: “Ngự đệ hãy đi du ngoạn bằng an, dầu quí thần linh thiêng thế nào thì cũng là ở nhờ trong đất nước của ta, ngự đệ chớ sợ chi hết, cứ việc đi chơi cho thỏa thích bằng an!” Đức ông thức dậy nhớ lời vua anh phán bảo trong lúc chiêm bao thì lấy làm vững bụng, bình tật thấy sao biến mất, mới an tâm truyền lệnh tấn binh chớ không tháo lui nữa.

Ngài đi dạo khắp các miền trên rồi quanh về ngã Nường Lợm, Muồng Loi, Korat, Phimai vân vân, đi luôn ba tháng trời, tới đâu đều được thiên hạ mừng rước kính yêu, khiến ngài được vui lòng thỏa ý. Ngài về kinh đô rồi vào chầu đức vua anh cùng kể các truyện du lịch lại cho đức vua nghe, thì Đức vua lấy làm đẹp ý lắm. Đức ông về nghỉ lại cung điện của ngài ở Vang-nà và cho quân lính được tự do đi làm ăn, bao giờ có việc quan hay là tập luyện chi, thì lại tựu về các trại ngũ.

Cách đó chẳng bao lâu, thời Đức ông lâm trọng bệnh, các thầy thuốc đến xem mạch, đều đoán là ngài bị ngài (thuốc mê, thuốc độc) của một người Lào kia, vì nhan sắc tuyệt vời ngài đã thâu dụng làm hầu thiếp, lúc ngài đi chơi ở miền trên xứ Lự. Khi ngài biết mình gần lâm chung, thời ngài trối phú hoàng tử Pră Chàojót lại cho các quan An-nam phò trợ và cậy đức ông Som

dệt Châu Phya Hỏprasat bầu chủ, cách ngài trời phủ thảm thiết lắm. Lời ngài trời với ông hoàng Pră Chàojót thời nhiều người còn nhớ như vậy: “Ồ con rất yêu dấu, rày cha chẳng còn ở cùng chúng con nữa, vậy con ở lại bằng an và con phải nhớ những lời cha đã ân cần dạy dỗ con, con phải một lòng trung quân ái quốc và thuận thảo anh em, con phải giữ gìn sản súc và bầu chủ các quan dưới quyền con và tôi dân hết thấy, nhưt là quân lính và dân An-nam là kẻ tay chơn trung tín với nhà ta và nước ta...!” Đức ông trời đoạn hồn liền qui thiên, để sự yêu mến thương tiếc lại cho hết thấy mọi người, khiến cả và nước Xiêm, ai ai cũng đều ngùi ngùi thương tiếc ngài quá sức.

Dân An-nam ta được tin ngài từ lộc, thì ai nấy cũng đều ngậm ngùi thương tiếc ngài là một ông quan thấy bầu chủ đại độ khoan nhơn; là một người quý hữu thanh tình trung tín và là một đấng cai trị cầm cân ngay thẳng khôn ngoan, để danh thơm tiếng tốt nhà vua Chătkri lại muôn đời ca ngợi.

Khi lễ an táng đức ông Sôm-dệt Pră Plĩklào rồi thời đức vua Xiêm phong con ngài là ông hoàng Prăcbàojót lên nối quyền ngài và lấy hiệu là Krom ma mưa vôrôv xăixan kiêm trị các đạo quân lính nước Xiêm. Ông hoàng này lên nối quờn cha thời tính ý rất hiền từ tử tế và cần mẫn chẳng khác chi tánh ý của đức ông Lưỡì-Đen,

nên ai ai cũng đều kính phục yêu vì. Ngài đối phó với dân An-nam rất là tử tế. Đức vua Xiêm sau khi đức ông Luối-Đen từ lộc rồi, thì ngài vẫn giữ lời trời của vua em mà trọng đãi dân An-nam như tôi dân bốn quốc vậy.

Đến đời vua Rama V con ngài là đức vua Sômdet Prāmaha Chulalongkorn thời dân An-nam vẫn được hậu đãi. Phần nhiều quan An-nam được thọ phong chức tước là ơn riêng của đức vua Rama V. Đức vua Rama V và các vị thân vương hoàng tử và các vị quan lớn nước Xiêm đều có lòng yêu mến dân An-nam lắm, vì quan quân An-nam ở đời đức vua Rama V lại lập thêm được một công nghiệp lớn lao nữa là: Lúc vua Rama IV Sômdet Prā Chomklào băng, thời đức Đông cung Chào fāmaha Chulalongkorn còn nhỏ, nên quyền nhiếp chánh phải giao cho đức ông Sômdet Chầu Phya Prān Hôprasat nắm giữ. Trong buổi nhiếp chánh thì đức ông Sômdet chầu Phya Prā Hôprasat đã trị vì một cách khôn ngoan chánh trực lắm. Ngài là một đấng rất trung và hiện thời con cháu ngài đều là các vị trung quân ái quốc nhứt của nước Xiêm bây giờ.

Khi Đông cung Thái tử đăng mười ba tuổi, thì đức ông Sômdet chào Phya Prā Hiprasat tôn ngài lên ngôi vua chánh nước Xiêm lấy niên hiệu là Sômdet Prāt Maha Chulachôm klào tức là vua Rama V đó. Đức ông Sômdet chào Phya bấy giờ mới hỏi đình thần rằng: “Bá quan xét ai đáng làm

vua nhì?” Các quan không ai dám tâu, thời ngài lại phán rằng: “Ta xem đức ông Krom mamun Vixanxaibovon đáng bực vua nhì lắm.” Ông chú của vua là ông Krommaluang Vôrăchăk bèn tâu rằng: “Krom mamun vôrôvixaixan chưa đáng, vì là khác bụng đã hai đời rồi.” Đức ông Sôm-dệt chào Phya liền nổi giận lôi đình mà phán rằng: “Người nói không đáng, vậy thời người hãy cầm quyền trị quốc một mình đi!” Các quan thấy vậy thấy đều lo sợ cho ông Krommaluang quá vì sợ rui đức ông quá giận, ngài cho một lưỡi gươm vía thì khốn, may thay cho ông Krommaluang nhờ ơn đại lượng mà đức ông bỏ qua, đoạn đức ông phong ngay đức ông Krom mamun Vixax-áibovon lên ngôi vua nhì lấy hiệu là Sômdệt Pră Bănthun thời tuổi ngài đã đúng bốn mươi rồi. Vì vua nhứt còn niên ấu, nên đức ông Somdệt chào Phya phải cầm quyền nhiếp chánh nữa.

Bấy giờ hai vua nhứt nhì là anh em chú bác đều được thuận thảo. Ít năm sau khi đức ông Somdệt Chào Phya giao quờn trị quốc lại cho vua nhứt rồi, thời các quan nịnh thần ở hai bên vua nhứt và vua nhì mới to nhỏ nịnh hót làm sao đó, mà xui nên có cho hai vua sanh lòng nghi kỵ lẫn nhau, rồi lại tính kình chống với nhau thiếu chút nữa mà phải máu rơi thịt nát!

Bấy giờ quan nịnh thần ở bên vua nhứt thì nói vua nhì muốn cướp quyền trị quốc; quan nịnh thần ở bên vua nhì thời nói vua nhứt muốn phế

vua nhì đi để lập em ruột ngài là đức ông Sòm-dệt Mahachăk kraphát ở bên kia sông, lên làm vua nhì...!

Họ thuê dệt sao đỏ mà khiến cả hai vua đều tức giận và lo sợ thiệt mạng mất ngôi... nên cả hai bên đều lo việc hộ thân cách kỳ quái lạ lùng. Ngày kia nhơn dịp vua nhứt bị kẻ nịnh thần phục rượu cho say, rồi tâu với ngài rằng: đức ông Sòm-dệt Pră Bănthún đã sửa sang binh lính sẵn sàng đợi dịp là đánh cướp ngôi trời. Vua nhứt nghe lời sàm tấu như vậy bèn nổi giận lôi đình mới định trị tội vua nhì và lập em mình thế ngôi đó. Quan nịnh thần đến dưới bên dăng kế cho vua nhứt xin cho quân đốt kho sách nhà nước, Xiêm kêu là Hỏprăsàmut cháy lên thời vua nhì ở đền trên phải chạy xuống tiếp cứu, sẵn dịp quân lính đến dưới sẽ thừa cơ bắt ý mà ám sát đức vua nhì điặng trừ hậu hoạn.

Họ đã y kế ấy và đã chực sẵn rồi cả, may sao đức vua nhì hay tin ấy bèn tránh kế, cho người đi chữa, chớ ngài không ra khỏi đền Vang-nà. Khi đến dưới vua nhứt nghe tin vua nhì tránh khỏi kế mình và nghe nịnh thần tâu đồn vô rằng: vua nhì không đi cứu hoá tại là ý ngài đã sắp sẵn binh lính để đối địch rồi đó; vậy xin đức vua nhứt phải liệu định trước đi. Đức vua liền cả giận nghe theo mà hạ lệnh bắt vua nhì để xử án và hạ lệnh đòi hết các quan đền trên xuống châu ở đền vua nhứt đặng nghị định việc chinh phạt

vua nhì. Các quan lớn đến vua nhì như là ông Phyakalahom, Phyaphủ, Phya Monthien, Phya Sénaubật, Phya Rátjotha vân vân đều phải cắm ở đền dưới.

Đền vua nhì bấy giờ chỉ còn có các quan An-nam hầu mà thôi. Đức vua nhì mới phán với quan An-nam rằng: “Đền dưới Đức vương huynh ta đã quá nghe lời nịnh thần mà làm các điều như vậy đó, thời ta là phận em ta biết tính làm sao bây giờ?” Các quan An-nam bèn tâu rằng: “Tâu đức vua, việc này oan ức và nguy hiểm lắm, ta phải đề phòng mới được, vậy xin đức vua hãy sắc cho hết thầy con dân An-nam về nhập thành đăng hộ giá.” Ngài liền phán rằng: “Bây giờ lính ta còn bao nhiêu, thì hay bấy nhiêu, chẳng nên đòi về thêm chi nữa, mà thêm bề nghi kỵ vô ích.”

Cách đó hai đêm thì thấy ở đền vua nhưt có lính kéo binh thủy bộ về lập thành trận thế và truyền giảng tỏa long ngân ở dưới sông cấm không cho ghe tàu lên xuống, trên mặt thành thì dàn binh lính, và súng đại bác trở mũi lên nhằm ngay vào đền trên. Lính pháo thủ ở đền dưới là lính An-nam ở Xóm Kinh, là một sự may vì họ biết lính pháo thủ đền trên là An-nam, nên bụng họ đã định trước rằng, nếu có lệnh biểu bắn, thời họ sẽ bắn chỉ thiên thôi, chớ không nổ bắn sát hại vua nhì và quan quân An-nam ở đền trên. Quân đền trên thám thính biết rõ mọi việc về tàu đức vua nhì, thì lúc ấy nhằm buổi tám giờ

tối. Đức vua nhì nghe tin thở ra, rồi cho đòi các quan An-nam vào hầu. Các quan vô châu, còn dân An-nam từ hai mươi tuổi trở lên đều tựu về, xuống ghe đậu tại chỗ cửa kêu là Patu rônglẹk, đông ước chừng hơn vài trăm người, mà bởi họ ra vô ồn ào, nên quân thám tử đến dưới về tâu số dân đông là vô số; khiến đến dưới binh lính của vua nhứt phải rúng động kinh hồn khiếp vía.

Khi quân An-nam kéo đi nhập thành, ở nhà thờ họ Sám-sén, các ông già bà cả và đàn bà con nít đều hiệp tại nhà thờ dâng đèn cầu lễ cho các đảng, đảng nài các đảng cầu xin Chúa thứ tha cho dân Chúa phen này, vì xem thế thập tử nhứt sinh, làm sao đêm ấy cũng phải một con thịt nát xương tan mà chớ! Cha sỏ, mấy chị nhà phước và bồi đạo bấy giờ đều kêu van đến Chúa rầm rĩ chẳng khác chi dân Giudêu xưa kêu Chúa khi gần xáp trận với quân Philittanh vậy! Sự sốt sắng của xóm An-nam bấy giờ muốn hơn lửa kính mến Đức Chúa Trời của thiên thần Sê-ru-banh ở trên trời vậy! Thiệt thì sự sợ chết nó đã làm cho ta nên sốt sắng là dường nào!

Hai chị em cô Dara và Sa-ra mỉm cười, em liền nói rằng: “Sợ sự nguy hiểm mà sanh lòng sốt sắng thiệt đáng mỉm cười. Nhưng gặp nguy hiểm mà biết trông cậy Chúa, thời đáng khen vậy!”

Má cô Kù-lạp gật đầu khen phải; cô Kù-lạp lại nói tiếp rằng: “Lúc tám giờ rưỡi tối đức vua nhì

càng nghĩ càng lo, càng khuya càng sợ, ngài bèn kêu các quan An-nam đến mà phán rằng: “Buổi bối rối này mà các quan triều thần của ta chẳng thấy mặt ai, quanh ta đây, chỉ thấy các quan An-nam mà thôi, ta hiểu rõ lòng các người trung tín lạ lùng đã đành lòng sanh tử với ta, ta gẫm lời trời của đức tiên hoàng ta không sai vậy!” Ngài nói rồi bèn rơi lụy nhỏ sa hai hàng.

Các quan Annan liền tâu rằng: “Tâu đức vua, chúng tôi xin dâng mạng sanh tử ở dưới bệ tiền, dâng mình oan cho đức vua!” Ngài liền đáp lại rằng: “Từ sanh số mạng ở trời, làm người há dễ giết người vô tội dâng sao!” Phán dứt lời, đức vua bèn trở vào cung hầu bà mẫu hậu, để mặc việc ngoài cho quân lính An-nam canh gác. Quan An-nam liền truyền lệnh cho lính ở giữ tám khẩu súng lớn có đủ thuốc đạn sẵn sàng và ở trường súng thì lính tựu lại đông đảo. Bấy giờ lính ở đó cùng đồng một ý với bốn đạo đương kinh nguyện ở nhà thờ mà cầu lễ cho các đảng tại chỗ trường súng cách nghiêm trang sốt sắng lắm.

Cầu lễ đoạn, thì đồng hồ đổ mười một giờ; đức vua nhì cho đòi các quan An-nam vào châu và phán rằng: “Thế chúng ta nay như cờ bí nước rồi, vậy các người tính liệu lẽ nào đảng thoát ra cho khỏi nạn?” Các quan An-nam đều đồng ứng lên một tiếng rằng: “Trong cơn hoạn nạn nguy hiểm như vậy, chúng tôi xin một lòng đồng sanh đồng tử đảng hộ giá bằng an trọn đêm nay,

chớ chẳng còn e ngại điều chi nữa.” Đức vua nhì nghe tâu liền sa nước mắt và phán rằng: “Đức tiên hoàng ta đã tận tâm bảo quốc và đã hết sức hộ phò cho bác ta là đức vua Sômdệt Prạ Chôm-klào phục đăng ngôi vàng, công đức biết chừng nào rồi sau cũng phải chịu oan nhiều điều ng- hịch lý; nhưng chưa đến nỗi đau lòng đứt ruột như ta phải đức vua anh ta vì lời nịnh thần mà nỡ đứt tình cốt nhục như vậy! Ta mắc phải hàm oan đây chắc sao trời cũng rõ thấu và chúng miên tấm lòng trung chánh của ta...! Thôi thì muôn sự xin phú mặc trời sở định, các người hãy cẩn thủ để phòng mà tùy cơ ứng biến...!”

Đức ông phán đoạn lui vô than thở với bà mẹ ngài rằng: “Mẹ ôi, sự này nó đã quá trí con rồi...!” Nói không ra hơi nữa vì ngài tức phiền quá, nên nước mắt hàng chảy ra không ngớt! Đức mẫu hoàng mới mở lời khuyên ngài rằng: “Ồ con rất yêu dấu, con hãy nghe lời mẹ, mà để mọi sự phú mặc cơ trời sắp định, mẹ con ta ngay thẳng, không nỡ ông trời lại để cho ta mắc phải dây oan nghiệt đâu mà sợ. Quan quân ta nó đã bỏ ta, thời trời đã cho thiên binh thiên tướng đến phò ta là quan quân An-nam đó, ta hãy an tâm một liều phận nhắm mắt đưa chơn để xem con tạo xây vắn tới đâu?”

Đêm trời một chót một khuya, lời than càng lâu càng thảm, quan An-nam ta mới bái yết lui ra truyền cho binh lính phải cẩn thận cùng sửa

soạn súng đạn sẵn sàng hầu thấy điều nguy biến
đặng trở tay cho kịp. Lĩnh ra thì quân ta nai nịt
binh khí và kéo súng ra giàn hầu như là gần xáp
vào trận vậy. Bấy giờ mà rủi có xảy ra điều chi
sơ xuất, thời chắc là ngọc đá không còn nguyên
bảnh...! Đức vua nhì nhờ bà quốc mẫu khuyên
lơn an ủi, nên cầm lòng khuây lảng... Đến một
giờ quá nửa đêm thời đức ông lại trở ra xem xét
binh tình, ngài thấy quan quân An-nam đều bận
y phục lính nai nịt nghiêm chỉnh, quân coi súng
lớn, súng nhỏ với súng tay đều phân ra làm hai
đạo binh tiền, hậu, do quan lớn Phră Băglư
Chất, quan lớn Luang Phlănsăthưon Thới và
quan lớn Luang Plasit Chúc, quảng đốc - Đức
ông bấy giờ cũng y phục gọn ghẽ, oai phong lắm
liệt, ngài đi duyệt binh cả trong đền và ngoài
vòng thành, thấy mọi nơi đều nghiêm chỉnh
mạnh bạo, thời ngài lấy làm vững dạ. Quân lính
thấy ngài đi duyệt binh đều cúi đầu kính chào.
Ngài xem qua rồi liền trở vào cung, đợi xem tin
tức đền vua anh tính lẽ nào.

Bấy giờ đã quá hai giờ sáng rồi, dưới đền vua
nhút, thời đức vua diên yến đã hơi quá chén,
nên ngài mới rút gươm vĩa ra cầm tay mà ngự
lên mặt thành truyền cho quan quân nạp đạn
vô súng sẵn sàng, rồi đức vua lại cả tiếng kêu
thần phật giúp ngài rằng: “Khô phră phụt xuôi
đuổi! Khô phră phụt xuôi đuổi!! Khô phră phụt
xuôi đuổi!!!” Ngài kêu to ba tiếng như vậy, ai ai

ở gần đều nghe rõ cả. Binh lính súng đạn đều chực sẵn rồi hể ngài hươu gương hạ lệnh, thời các vị súng thần công liền bắn chia lên đến trên, ắt là thành một trận giặc ghê gớm! May sao đức vua kêu trời phật giúp rồi lại làm thành nín lặng, chớ không ra hiệu lệnh gì. Ý ngài cũng đợi xem đến trên có khởi trước, thì ngài mới xuống tay; chớ cốt nhục tình thâm, ngài không nỡ dă tâm bắn trước; khiến hai bên cứ chờ đợi nhau hoài, mà không ai chịu hạ thủ trước cả. Thế mới biết là tình huynh đệ đồng bào, dầu thù giặc nhau tới chết như vậy, cũng không ai đành cầm dao cắt ruột... cho đặng.

Trong khi bối rối tấn thối lưỡng nan như vậy, thời vua nhì nghĩ rằng: Bây giờ mình mà cầm cự hoài, rủi anh em có bề chỉ sơ sẩy thì tránh sao cho khỏi tiếng người dị nghị, thôi thời ta là phận em, ta phải chịu nhin vậy, ta đi kiếm đức ông Sômdệt Chảo Phya Pră Hôprasat mà tỏ bày mọi sự, nhờ đức ông xử trí cho, thời chắc là êm chuyện. Nghĩ rồi, đức ông mới bàn qua với bà mẫu hậu cũng y kế ấy, ngài mới lên xuống long thuyền đi với bà mẫu hậu và bốn người thể nữ đi liêu ra khỏi trùng vây, nhắm dinh đức ông Sômdệt Chảo Phya thẳng tới.

“Khi nên trời cũng chiều người!” may sao bấy giờ long thuyền bơi đi lộng lộng, mà quan quân của đức vua nhứt vậy phủ tư bề không ai thấy hết. Bên dinh đức ông Sômdệt Chảo Phya thời

đức ông đang còn dạo chơi ở bên rạch Philan-bury chưa về, khi ngài nghe tin lộn xộn ở nhà thì ngài liền trở về dinh và mật truyền cho quan lĩnh phải sửa soạn binh khí sẵn sàng để chực lĩnh ngài. Một lát sau đó thời thấy đức vua nhì và bà mẫu hậu đến dinh vào yết kiến đức ông Sômdet Chàlo Phya cùng tỏ hết mọi nỗi trước sau và tỏ ý muốn lánh mình ở tại nơi dinh đó. Đức ông nghĩ sự rắc rối bất tiện, nên mới tâu đức vua nhì hãy luôn dịp sẵn long thuyền đi thẳng đến dinh quan lãnh sự Hồng-mao mà xin tạm trú thời hay hơn là ở tại dinh ngài, mà phải e lệ nhiều bề chẳng? Và lại ý đức ông hoàng cả thời muốn sự giải hòa cho êm chuyện mà thôi,

Vâng lời đức ông hoàng cả, đức vua nhì mới ngự đến trú tại tòa lãnh sự Hồng-mao đang chờ tin tức. Bấy giờ ở đền trên các quan lĩnh An-nam hay tin vua nhì đi lánh nạn rồi, thì lo sắp sửa cất giấu các đồ binh khí đi hết, súng đều bao lại để nguyên chỗ cũ, còn thuốc đạn thì để vô kho như trước. Lĩnh đều kéo xuống ghe ra đậu ngoài bến Paturinglek. Đoạn truyền khẩu hiệu cho trong ngoài đều giữ kín tin vua nhì xuất đến và chẳng cho ai hay sự giàn binh lập trận lúc đêm qua.

Đền vua nhút vừa sáng dậy đã có lệnh truyền cho quan lớn Phya Rafjotha là quan cựu trào đền trên đi với quan lớn Krommavang lên đền vua nhì khám xét xem đêm hôm họ đã bày binh bố trận làm sao. Khi hai quan lớn này lên gặp

các quan An-nam ta ở tại đền lúc sáu giờ sáng, bèn hỏi dò các tin, thì quan An-nam đáp rằng: “Chẳng có xảy ra sự chi lạ hết, việc canh tuần vẫn như thường và đức vua nhì vẫn ngự tại trong đền bình an vô sự.” Hai quan lớn liền về tâu đức vua nhứt như vậy, thời đức vua nhứt và các quan triều dưới chẳng còn lý gì mà nghi cho đức vua nhì nữa, cái kế bình quân của quan An-nam hay thiệt!

Hai quan đền dưới đi rồi, thì quan An-nam mới phân nhau ra một phần thời ở canh đền, một phần thời đi tìm vua nhìặng hộ giá. Nói cho thật, thì bấy giờ quan quân An-nam ta thấy đều lo buồn bối rối và thương tiếc vua nhì quá sức.

Lúc mười hai giờ trưa hôm ấy một người An-nam là ông Ba Bình đi xuống ngả nhà trường Đức cha, bây giờ là trường lớn Assomption đó, nghe tin phong phanh rằng đức ông Sômdệt Prạ Bămthua hiện thời đang ở tại dinh quan lãnh sự Hồng-mao, thì ông Ba Bình liền mạo hiểm lén vào dò xem rõ ràng rồi mới buơn bả đi riết về thành tin cho ông Luẩng Phấn sáphươn (trùm Thới) là thân phụ của ông ấy hay. Ông Luẩng Thới bèn đem tin ấy trình với quan lớn Prạ Bắglu Chắt, thì ngài biểu ông Luẩng hãy đi châu đức ông trước đi. Ông Luẩng Thới đi đến tòa lãnh sự Hồng-mao vô châu đức vua nhì ngự đó thì ngài lấy làm mừng và khen lắm. Bấy giờ vua tôi than thở ân cần, hột lụy tuôn rơi là chả,

thiệt là động lòng thảm thiết lắm. Vua nhì nghe qua việc vua nhứt sai quan đến dò xét tại đền ngài thì ngài thở ra và lấy làm ghê gớm thay cho những lời sàm tấu của bọn gian thần nịnh hót.

Đền dưới đức vua nhứt hay tin vua nhì xuất đền lánh nạn, rồi thời hơi có ăn năn, lại bị đức ông hoàng cả Sômdệt Chàlo Phya Pră Hôprasat trách nữa, nên mới tự hồi kiểm bề hòa giải. Đức vua nhì ở tòa lãnh sự Hồng-mao thời có vị quan lớn kia là Phya-Phai-Ban đã tận tâm trung thành xuất của ra cung cấp cho vua nhì và các quan theo hầu ngài trú tại tòa lãnh sự Hồng-mao ngót hơn một tháng, tốn có bạc muôn.

Bấy giờ đức ông Sômdệt Chàlo Phya Pră Hôprasat và các quan Hồng-mao và Langsa mới điều đình sự giải hòa hai vua và định tiền cung cấp rõ ràng cho hai vua vì trước kia thì hai vua xài tiền kho của nhà nước tự do và không phân biệt chi hết, thời nay cộng đồng nhà nước định lập quốc thể lại, khiến nước Xiêm chỉ có một vua nhứt kiêm quản cả và nước, còn vua nhì thời chỉ được hàm tước lộc và lương bổng phủ phê hữu hạn chớ không có quyền cai trị như xưa. Quan quân hầu hạ thời ăn lương nhà nước. Bình thường lính canh gác không đăng trội quá số hai trăm người, khi hữu sự quan hệ thời được phép kêu lính thêm hạng, nhưng phải do hội đồng nghị định.

Còn công nghiệp quyền tước riêng của vua

nhì đã lập nên thuở xưa đặng sao, thời nay vẫn vậy. Khi nào đến đức vua nhứt nhóm hội nghị, thời đức vua nhì phải dự hội giúp cho việc chung nhà nước. Đức ông hoàng cả Sômdệt Chào Phya bàn tính với các quan như vậy, thời hai vua nhứt nhì và các quan lãnh sự ngoại quốc đều đồng ưng ký nhận. Hai vua liền giải hòa anh em hết giận và lại thân mật hơn trước nữa.

Các hàng quan quân và dân sự nước Xiêm đều vui mừng hơn hở, Quan quân An-nam lại càng vui mừng hơn nữa, vì đức ông vua nhì nay đã khỏi nạn hoài nghi, anh em thuận thảo, quyền lộc hiển vang như trước, nên họ đã kéo binh trở nhạc khởi hoàn đi rước cả hai đức vua về đến khánh hạ một cách long trọng vô cùng! “Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhơn!” thế mới biết là lòng trời hay thương giúp người trung hiếu là vậy!

Hai vua được thuận hảo rồi, thì mấy vị nịnh thần như Phya Kasap, Phya Mahamonkri đều phải tiêu ra tro bụi mà để tiếng nhơ đến muôn đời. Đức vua nhì Sômdệt Pră Băng thun ngôi được mười tám năm. Trọn đời ngài đã trọng hậu dân An-nam và đã làm cho đức vua anh là Sômdệt Prăn Chulachomklào, Rama V biết rõ tánh tình trung hậu của dân An-nam mà hậu đãi dân An-nam một cách đặc biệt lắm.

Đức vua Rama V yêu mến dân An-nam chẳng khác gì đức ông Lữ-Đen xưa. Khi thiên hạ thái bình thì ngài ban cho quân lính An-nam được

đi làm ăn thông thả, đến kỳ lương bổng thời cũng cứ cấp cho đủ như là có mặt luôn tại đội ngũ vậy. Đức vua đã ban cho dân An-nam được trọn quyền dân Xiêm như người bốn quốc vậy. Ai giỏi thì cũng được làm quan và trọng dụng như người Xiêm, không phân biệt đen vàng như người phương tây. Đức vua hằng sắc bảo các ông hoàng tử con ngài và các quan Xiêm hãy biết công khó nhọc xưa mà yêu mến dân An-nam là nòi giống rất trung tín hiếu nghĩa.

Có một lần kia các quan hội nghị định dời đất thánh An-nam ở Sám-sén đi, dựng mở một con đường mới từ đền vua ra tới bờ sông châu Phya Mẹnám thời đức vua Rama V phán rằng: “Các mả người nằm đó là tòi dân trung nghĩa công thần của nhà nước Xiêm. Lúc bình sanh họ đã liều chết để lập công giúp việc cho các vị tiên đế ta, mà nhiều người chưa được nhà nước trả ơn cho, nay họ đã chết rồi, xác họ đã nhờ ơn các vị tiên đế ta ban cho theo đất nằm đó cho an giấc ngàn thu, thời nay ta có nỡ nào mà đành làm khó cho di hài các người ấy được. Họ là tòi dân trung nghĩa của nhà nước Xiêm, của vua Xiêm và của dân Xiêm, kể có mấy đời rồi, nên trăm đối với họ, trăm vẫn có lòng yêu mến họ lắm. Trăm không có thể bức lòng cắt ruột đi mà hạ bút châu phê vào cái nghị định sẽ làm đau đớn tấm lòng hiếu tử của con cháu họ được! Nhờ lời của đức vua Rama V mà ông bà em được nằm

an giấc nơi thánh địa đó tới nay. Đức vua Rama VI kế ngôi cho ngài cũng một lòng yêu mến dân An-nam như thuở đức tiên đế vậy.

Nay đến đời kim trào đức vua Rama VII ngài cũng vẫn còn ghi nhớ những lời ký thác của đức tiên đế phụ hoàng ngài là đức vua Rama V, nên ngài hằng lưu tâm định rằng: hễ gặp dịp thời ngài sẽ ngự du qua đất nước ông bà em mà xem chơi cho biết cái đất nước xứ Việt ra làm sao, mà đã sanh sản ra được lắm người anh hùng chí sĩ làm vậy! Hiện thời quan Xiêm vẫn kính nể dân Annan và người Xiêm thì yêu mến người An-nam ta hơn người các nước khác.

Em nghe đến đây thời sanh lòng nghĩ ngợi, mới hỏi cô Kù-lạp Tê-rê-xa rằng: “Chị nói người An-nam ở đây đông lắm, sao mà em thấy chẳng mấy người qua lại làm vậy?” Cô Kù-lạp Tê-rê-xa liền đáp rằng:

XVII
TRAI CHANTABOUN, GÁI SÁM-SÉN, NGƯỜI
VIỆT-NAM,
XIN CHỚ QUÊN CÂU "VẬT VONG TỔ QUỐC!"

“Chị xem chẳng thấy mấy người qua lại là vì họ nay ăn bận theo Xiêm và ở lẫn lộn với người Xiêm nên khó mà nhìn ra đặng, chớ số người An-nam ở tại xóm Sám-Sén này thời đặng hơn một ngàn, còn ở các xóm khác tại kinh đô Bangkok như là xóm Kinh, xóm Hatiên, xóm nhà thờ Đức Bà, xóm nhà thờ Đức Cha, xóm nhà thờ Santa Cruz vân vân; thời đông lắm, nhưng không bằng các nơi khác như là Chantaboun, Bàn Pléna, Ban Sán Phinón, Korat, Ubôn, NongSén, Phichit, Lakonsakon...

Nội một tỉnh Chantaboun không, thời số người An-nam giữ đạo Thiên Chúa đã đặng hơn bốn ngàn người rồi! Người An-nam ta đến lập nghiệp ở Chantaboun lâu hơn ông bà em ở Bangkok. Nghe nói đâu họ qua ở đó từ đầu đời vua Trịnh Quốc Anh phục quốc. Thật sự thì họ

là người tỉnh Hà Tiên, Rạch Giá và Phú Quốc qua làm ăn đó đã lâu.

Người An-nam ở Chantaboun làm ăn nhiều nghề phong phú lắm, như là nghề dệt chiếu thời có thể ăn giải qua nghề dệt chiếu ở Cà Mau, Rạch Giá và nhiều nơi khác nữa. Chiếu nước Xiêm đã nổi tiếng đẹp nhứt, khéo nhứt và bền nhứt toàn cầu là của người An-nam Chantaboun dệt đó. Nghề làm cá biển và làm ruộng ở Chantaboun, thì dân An-nam ta cũng đã chiếm được phần hơn. Nghề thương mại thì họ buôn bán tiêu và ngọc thạch rubis. Về phần đạo thì họ Chantaboun thành lắm: hơn phân nửa số thầy cả người Phương-Đông ở nước Xiêm là người An-nam Chantaboun.

Họ Sám-sén của em đây không chịu thua ai mà chỉ sợ thua họ Chantaboun lắm thôi. Phần đời họ làm quan cũng khá đông, nhưng không hơn nổi người họ Sám-Sén của em! Hiện thời người An-nam Sám-sén em làm quan văn đến chức Phya, chức Châu mừng và Amphơ. Làm quan võ nhiều vị đến chức quan tư, quan năm các ngạch binh bộ và binh thủy.

Người An-nam Chantaboun nói tiếng An-nam còn rõ lắm, nhiều người còn biết viết thơ nôm ân tình ngộ nghĩnh, chị có muốn xem, thì em lấy một cái thơ cho chị coi chơi?” Em liền xin coi thử, thì cô Kù-lạp Tê-rê-xa đi lấy một tập thơ đưa cho em xem như vậy:

Thơ của cậu Chantaboun gởi cho nàng Sám-Sén.

Làm thơ mà đưa cho môi, môi đưa cho đó, đó đưa đưa cho nàng; gặp nhau từ thuở tháng kia, tháng nay muốn gặp, biết mà đặng không?

Trời chiều ngó mặt xuống sông, ngó sông, sông lộng ngó trời, trời cao! Lòng thương cũng muốn sang chào, cho nàng nghe tiếng, cho nàng thần thoi. Đôi ta trời khéo xe dây, vái sao anh đặng ở gần xóm em. Xin đừng day gió, gió day, nhảy sang cây khác, anh thì hổ danh. Cây cao gió thổi càng lung, trèo lên thì khó, xuống thì bằng an. Phải chi có cánh như chim, bay lên thì đậu sọt mà té đâu! Anh thì không mẹ không cha; lấy ai giúp đỡ, lấy ai khuyên lòng. Coi thơ chăm chỉ mà coi, coi rồi đừng có mà non yếu lòng. Cá buồn cá lội thâm vàm; anh buồn chẳng biết nói bàn với ai! Lòng anh giác thể lờ thể, anh không làm thể như mây trên trời: phải luồng dòng gió rã rời, xuôi theo ngọn gió bỏ mà nói em! Thân anh như thể cây khô, trôi đâu tấp đó cũng là một nơi, thôi thôi anh nói hết lời, xin nàng sức khỏe ở đời bằng an. Hiu hiu gió thổi lá tranh, đọc rồi xin gởi cho anh vài lời..!

Em đọc bức thơ của người Chantaboun trên đây thì lấy làm lạ, vì không ngờ là người An-nam lưu lạc qua Xiêm lâu đời rồi, mà còn nhớ lời giọng ân ái hữu tình như vậy!

Các cố em lại xin cô Kù-lạp Tê-rê-xa đọc thử

một bức thơ của người Sám-sén trả lời lại làm sao nghe thử, thì cô Kù-lạp Tê-rê-xa đáp rằng: “Thơ ân tình kiểu đó, thì mấy chị em đây, không ai quen biết, nên không ai nhớ; nhưng có bài thơ mẹ dạy con của má em dạy mấy chị em em học thuộc lòng rồi, nếu chị muốn nghe thì em biểu con em nhỏ của em nó đọc chị nghe?” Em liền gục đầu ừ, thì cô Kù-lạp Tê-rê-xa biểu em út của cô là nàng Cúc Hoa Bệtbétua đọc thơ mẹ dạy con gái như vậy:

Thơ mẹ dạy con gái.

Thơ rằng thị nữ thông nô,

Làm thân con gái phải lo việc mình.

Khuyên con thì phải làm thính,

Bổn phận con giữ việc mình nét na;

Trên thì cung kính mẹ cha,

Dưới thì cô bác gần xa cũng vì;

Kẻ già bần khổ từ bi,

Khó già tuổi tác kính vì nương nương;

Ở cho làng xóm yêu thương,

Kẻ khen, người ngợi đẹp lòng mẹ cha;

Trước là dạy việc trong nhà,

Ở cùng cha mẹ thật thà thảo ngay;

Dầu mà lời đáng tiếng cay,

Làm thính lòng dạ con rày mới nên;

Đêm khuya vắng vẻ tối trời,

Con đừng dờn gót, ra nơi lê đình

E khi gian dữ nó rình,

Thấy con là gái, một mình lo âu;

Nó toan lòng chó, dạ trâu,
Thân con là gái dễ đầu tiếng đồn;
Ngủ thời quần áo chó rời,
Đừng mê giấc ngủ, lửa bao tới mình;
Đêm khuya động cửa đừng tin,
Dậy mà xem sóc, của mình ngoài trong;
Xét xem cẩn thận an xong,
Rồi thì con hãy vào phòng nghỉ ngơi;
Năm canh giấc ngủ chó rời,
Đừng nằm giấc dựa các nơi chỗ ngoài;
Trong nhà thấy tỏ những trai,
Thấy con là gái, kê vai nằm cùng
Ngủ thì có chiếu, có mừng,
Đèn soi sẵn sóc, rắn chun lộn vào;
Rít gài nó lộn vào chần,
Mềm mừng chiếu gối phải nằng phơi hoài;
Thức khuya dậy sớm chớ nài,
Sửa sang mọi sự hôm mai cho bền;
Rạng đông nghe tiếng sùng dên,
Khuyến con thức dậy, chớ quên bữa nào;
Khoát màn, tóc bôi vèn vang,
Mặt mày lau rửa tuôn phòng dòi ra;
Tỏ thấy lớn tiếng hê ha,
Con thì giục nó chó la, chó rầy;
Mẹ cha còn ngủ trong này,
Đi thì nhẹ gót, chó hể nặng chơn
Ấy vậy mới gọi gái thơm,
Gái là nên gái, hoa thơm sánh bằng;
Bây giờ mẹ dạy nấu ăn,

Com thời nằng xói, mắm thời nằng sớ;
 Việc nấu ăn con chó bơ thờ,
 Ăn cần chín chắn, bụi tro bay vào;
 Thịt gà nấu lộn bí đao,
 Hành tiêu nước mắm, gia vào cho thơm;
 Cá thì giống nó tanh hôi,
 Ớt hành cho có rau thơm bỏ vào;
 Cách kho, cách nấu làm sao,
 Một lần mẹ dạy, nỡ nào vụng thay
 Thương con mẹ mới tỏ bày,
 Sá chi thân mẹ đắng cay lòng già;
 Lỗi thì mẹ phải dạy la,
 Con đừng cứng cỏi, người ta chê cười;
 Tổ thấy nó cũng dễ nguoi,
 Thấy con là gái, nó buoi cùng làng;
 Ở cho đầy trí khôn ngoan,
 Thương đừng cho biết, ghét đừng cho hay,
 Việc trong chó khá tỏ bày,
 Việc ngoài con giữ cho dày cho cao;
 Đừng cho thấy tổ nghe vào,
 Ở cho nhiệm nhặt, nó mà biết đâu;
 Việc thì nhỏ mọn bằng sâu,
 Đến tai kẻ khác, bằng trâu bằng bò;
 Trong nhà con chó so đo,
 Đừng cho thua sút để cho người cười;
 Trong nhà nhin nhục mọi người,
 Ngoài làng đừng thua thiệt thì nàng mới
 ngoan;
 Vá may là việc của nàng,

Tập tành cho biết, mới an lòng già
Áo quần cha mẹ trong nhà,
Hòng khi rách rưới nó đà lang thang,
Giúp cha đỡ mẹ mới an,
Đừng theo những đứa đứng đàng, con ôi;
Việc trong mẹ dạy chưa rồi,
Mẹ già hơi yếu, dễ ngổi đặng đâu;
Con đà có trí trên đầu,
Có người dạy dỗ, con hầu nghe theo;
Trách nổi có chó phải treo,
Có mèo phải đây, việc này con lo;
Việc ngoài rồi mẹ dạy cho,
Việc trong căn kê dặn dò trước sau;
Nghĩ thôi ruột mẹ quặn đau,
Con thì chớ khá dỗi trau đêm ngày;
Tốt là: tốt mặt, tốt mày,
Tốt lòng, tốt dạ, đêm ngày thanh hoa;
Khuyên con khi khách tới nhà,
Trầu bung, miếng rước, chào thưa dịu dàng;
Khách rằng: mới hỏi mẹ nàng đi đâu?
Nàng rằng: mẹ tôi mắc việc người đà mới đi.
Thưa bà đi có việc chi,
Dữ lành, gấp huôn, mẹ tôi chưa về.
Bà liền ghé lại dựa kê,
Bà đi có việc, mẹ về con thưa.

Em nghe đọc rồi bài thơ, thì lấy làm cảm phục và mến yêu mấy mẹ con cô Kù-lạp Tê-rê-xa lắm. Mẫu tử tình thâm; thế mới biết là mẹ thương con trăm đường chỉ muốn cho con nên cả hồn

cả xác, cả trong và cả ngoài. Người An-nam cũ dạy con như vậy đó, có phải chăng? Nếu phải, thời em thiết tưởng ai là An-nam mới cũng nên học lấy mà bắt chước.

Lúc cô Cúc Hoa Bếtêtua đọc thơ cho em nghe thời cô Kù-lạp Tê-rê-xa đi dọn cơm hồi nào rồi bung lên, thì vừa tới câu cuối của bài thơ mẹ dạy con gái, má cô Kù-lạp bèn mời em lại dùng bữa cơm chiều nữa; em từ chối không đặng, nên phải ngồi vào bàn với họ. Bữa cơm ấy tuy đơn sơ mà sự ngọt ngào mỹ vị cùng là vui vẻ sánh dường đại yến của các bà công chúa thành Bagdad thuở trước! Trong bữa ăn, thì chị em cô Kù-lạp Tê-rê-xa nói cười vui vẻ quá sức, trong các câu chuyện thì em rút lại một ý luận về sự di dân Nam Việt ra ngoại quốc như vậy:

“Cứ như tình cảnh và thế lực người An-nam ta ngụ ở nước Xiêm ngày nay thì em tưởng rằng: Dân An-nam ta mà muốn cho đặng mau đặng tấn bộ kịp người các nước, thời nên xuất dương du học và thương mãi; chẳng những là sang nước Langsa, nước Xiêm mà đủ; mà ta còn phải phiêu lưu khắp cả hoàn cầu, nước nào văn minh đức hạnh thì ta hãy tìm đến mà học sự khôn ngoan đạo đức của người. Ta đã có chí muốn học sự khôn ngoan để về mưu sự hạnh phúc cho quê nhà; thời ta cứ mạo hiểm bằng ngàn lợi biển mà đi cho tới nước nầy nước kia. Nếu ta có tiền có bạc thì ta đi buôn bán hay là học tập các

khoa, các nghề ở xứ người cho thông cho thạo. Nếu ta không tiền không của, thì ta tới xứ người hãy chịu khó bơi lội làm hề, hay là chịu đấm ăn xôi, bất luận là công việc gì có thể làm được, thì ta cứ chịu khó nhọc mà làm để độ khẩu, sống ở nước người mà học lấy cái khôn sự khéo của người cho tài cho giỏi. Nếu ta ở nước ngoài mà đông đảo thế lực như người Chêc, người Chà ở nước Xiêm, nước Việt, hay là như người Âu châu ở khắp các nước thế gian; thời sự ích lợi cho quê hương dòng giống ta, không còn có sự chi sánh được nữa.

Nam nhơn chỉ chí tứ hải giao du, đó là lời thánh hiền đã dạy, vậy ai là trai Nam Việt, ai là gái Rong Tiên thời hãy rán sức mà qua chơi thử nước người, thời sẽ thấy điều ngu sự đại của đồng bang ta còn chống chất như núi, như non, như biển, như cát! Ở đâu thì em chả rõ, chớ như ở bên nước Xiêm này, thời em coi thế lực của người An-nam không phải là nhỏ là hèn vậy! Phần đạo thì người An-nam ở nước Xiêm đã chiếm được giải nhứt rồi. Cái số ba chục đảng linh mục người An-nam với cái nhà phước R.T.T.T. kia có gần một trăm bà nữ tu Nam Việt đêm ngày hằng nguyện cầu cho Xiêm Việt hai nước được nhìn biết Chúa và được thái bình tự do, thời chắc sao ơn Chúa cũng sẽ tuôn xuống khắp cả mọi người. Dân Việt và nước Việt nhờ

lời cầu nguyện thời sẽ được che chở phò hộ như nguyện mà chớ!

Em ao ước sao đặng người An-nam đạo hạnh qua ngụ ở xóm Sám-sén này càng ngày càng đông; mở mang họ đạo Sám-sén ra càng ngày càng lớn; thời quý biết đường nào! Ước gì mấy người An-nam ở Sám-sén, Chantaboun, Ban Plèna, Nongsén v.v. lại đồng lòng hoài cổ, nhớ đến dòng họ tổ tông ông bà xứ sở, mà về thăm quê nhà một phen rồi liệu thể kết thân cho con trai Nam Việt mới qua cưới con gái Việt Nam cũ và đổi ngược lại cho con trai Việt Nam cũ cưới con gái Nam Việt mới, qua qua, lại lại cho liên tiếp, thời mới cũ khỏi phải mang tiếng phụ lòng nhau và nhờ cách này, thời người An-nam ở nước Xiêm đời đời vẫn giữ được nòi giống con Rồng cháu Tiên; thì nước An-nam sẽ ra mạnh mẽ và khôn khéo như người Âu-Mỹ mà chớ!

Nếu dân An-nam mà khôn, thời người Pháp cũng đỡ tốn công dạy dỗ, thì là ích lợi chung cho cả hai nước Pháp Việt. Em về tới quê nhà rồi, thì sao sao cũng sẽ bàn tính với đồng bang Nam Việt mà xui giục họ qua du lịch và qua làm ăn ở nước Xiêm như là ông bà của mấy chị vậy. Nhưng em sợ họ qua đây chun ướt chun ráo, bợ ngỡ thì biết cậy nhờ vào ai đặng...!”

Cô Kù-lạp Tê-rê-xa liền đáp rằng: “Xin chị chớ lo việc ấy, kìa người Chệc họ qua đây hai bàn tay trắng, không vợ, nỡ con, chẳng bà, không cháu,

thế mà họ còn không sợ, đã muốn qua làm ăn, thì cứ qua; nên họ qua mỗi ngày kể có hàng năm bảy trăm người.

Hiện thời người Chệc ở nước Xiêm có hơn hai triệu người, mà họ cứ qua hoài, qua hủy, qua bao nhiêu nhập dân Xiêm bấy nhiêu, khiến dân số Xiêm nay tăng lên quá mười một triệu người là nhờ đó. Vua Xiêm và nhà nước Xiêm định chiêu dụng người Chệc, người Nam làm dân họ, nên qua bao nhiêu họ đều vui lòng rước nhận cả. Song đã qua Xiêm thì phải lo làm ăn chí thủ và an cư lạc nghiệp, không nên sanh sự lôi thôi mới đáng. Nếu đồng bang ta qua đây thì dân An-nam cũ ta cũng sẽ vui lòng tiếp nhận nuôi nấng chỉ bảo và giúp đỡ cho như người Chệc vậy.

Xin chị hãy về bên An-nam rủ qua thử lấy vài ngàn người xem. Nếu qua đây mà phải thất bại hất hủi, thì chị cứ đem em ra mà hành hình bá đạo lăng trì chi chi thời em cũng chịu hết, vì em chắc rằng người An-nam cũ dòng giống em đây sẽ vui lòng giúp đỡ cho dòng giống An-nam ở đất nước ông bà mới lại được mĩ mãn chẳng sai. Xin đồng bang ta đã định di dân qua làm ăn ở xứ Xiêm, thời phải có tánh hạnh tốt, ý tứ cao thượng, tâm tình ngay thẳng, siêng năng và biết làm việc nọ kia có thể nuôi được lỗ miệng đáng thì cứ xin đủ giấy tờ quá hải mà qua đông mấy thiên mấy vạn, cũng đáng hết. Người Xiêm sẽ vui lòng mà nhận, người An-nam cũ sẽ vui lòng mà

tiếp đãi, giúp đỡ như là thân bằng quý hữu vậy.

Em nghe cô Kù-lạp Tê-rê-xa nói cách mạnh mẽ và thân ái như vậy, thì em lấy làm trông cậy và vui lòng quá sức. Em dùng cơm rồi ngồi nói chuyện chơi một lát nữa rồi em mới từ giã mấy chị em cô Kù-lạp Tê-rê-xa và cảm ơn má cô ấy mà trở về nhà lữ quán. Lúc phân nhau ra về: kẻ ở, người đi, quyến luyến bịn rịn, thiệt là thảm thiết!

Khi xe em gần chạy, thì cô Kù-lạp Tê-rê-xa đưa cho em một cái khăn lụa vàng thêu mà nói rằng: “Chị già mấy em mà đi về đất nước ông bà, em không có chi tặng chị để làm dấu tích, vậy em xin chị nhận tấm khăn lụa vàng này là của em dệt ra và thêu bốn chữ An-nam “Vật vong tổ quốc” là bốn chữ khẩu hiệu của ông bà em đã in sâu vào lòng trí các em ở đây!”

Em liền tiếp lấy tấm khăn và tạ ơn cô Kù-lạp Tê-rê-xa, nhưng không biết lấy vật gì mà đổi lại cho cô ấy để làm kỷ niệm, nên phải tạm rút cây kim găm có hình con chim quốc đậu trên nhánh hoa vòng bằng vàng đưa cho cô Kù-lạp và nói rằng: “Chị Kù-lạp ơi, chị đã cho em cái khăn lụa vàng thêu bốn chữ “Vật vong tổ quốc” thời em cũng xin dâng cho chị cây kim hình con chim quốc đậu nhánh hoa vòng là dấu hiệu của má em dạy em đêm ngày phải một lòng thắm đở như hoa vòng mà nhớ đến con chim kêu nước...! Xin chị hãy cất lấy của này đừng nhớ khi chị nghe tiếng con chim quốc ấy là tiếng của hồn

em bay đến tai chị đó; thôi thôi già bà cùng mấy chị ở lại bằng an...” Nói dứt câu thì xe quay máy chạy ríết...

Em về đến lữ quán thay áo quần rồi nhảy lên giường nằm nghỉ, nhưng không sao nhắm mắt cho đặng, vì lòng trí em nó hằng nhớ đến cô Kù-lạp, cô Dara, cô Sa-ra, và cô Bạtbêtua ở Sám-sén chẳng có khi quên! Biết bao giờ em mới lại gặp chị em cô Kù-lạp mà nói cho xong câu chuyện “một trăm năm đất khách quê người?”

